

Tác Giả và Tác Phẩm

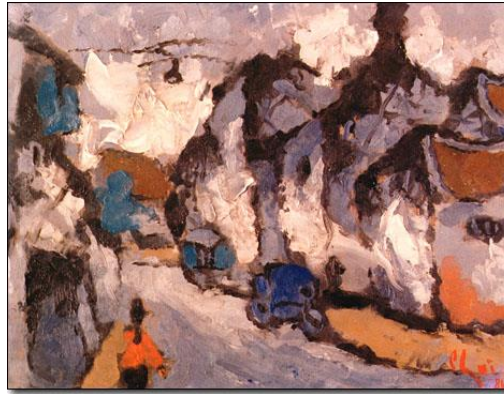
Lê Đạt (II)

Tiểu sử

Mất ngày 21.4.2008 tại Hà Nội

Tác phẩm

Từ tình Eppen (1998).



Phố cổ - tranh Bùi Xuân Phái (1920-1988)

Mục Lục

Anh Tường – 2

Những phút cuối với Lê Đạt - Dương Tường – 4

Cấu trúc cách ly trong *Ngó Lờ* của Lê Đạt – Thụy Khuê - 5

Nhân Thánh Thán bình thơ Đường – 10

Tôi làm khổ chữ hay chữ làm khổ tôi? – Nguyễn Đức Tùng – 11

Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản qua thơ Lê Đạt – Xuân Diệu – 29

Đường chữ - Hậu từ - 39

Lê Đạt – Thụy Khuê - 53

Lê Đạt và, tác phẩm “Hèn đại nhân” - Du Tử Lê - 68

Thụy Khuê phỏng vấn Lê Đạt - 70

Phụ đính I :

Chùm thơ Lê Đạt :

Phụ đính II :

"Phản đề" dành cho người Việt trẻ

Đối thoại - Nghiệp thơ - Càng Cầm

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Anh Tường



Nhạc sĩ Văn Cao nói về Nguyễn Huy Tường, (1992)

Thoạt nhìn, Nguyễn Huy Tường không gây được nhiều thiện cảm. Anh người to, thô, mặt hơi nặng, mắt mé lạnh lùng. Cử chỉ chậm chạp, nhiều lúc vụng về, hơi công chức – anh là "thủ trưởng" cơ quan hội Văn nghệ Trung Ương suốt thời gian kháng chiến chống Pháp.

Nguyễn Tuân đã gọi đùa Nguyễn Huy Tường là ông Phán Đoan do thời Pháp anh làm ở sở Thương Chính thành phố Hải Phòng.

Một lần họp chi bộ, Tô Hoài đã phê bình Nguyễn Huy Tường như sau:

"Tôi thấy đồng chí Tường có phần xa cách anh em – lần nào cu Thái (liên lạc của Hội) đem quần áo của anh ra giặt là anh em biết ngay vì dáng nó đi khuệnh khoạng, khác thường như bắt mọi người phải tránh ra cho nó đi"

Tường im lặng chịu trận, mặt chảy xuống càng nặng thêm, nửa buồn, nửa ngỡ ngác.

Anh tâm sự với tôi:

"Có thể là mình quan liêu, thì cứ nói thẳng ra, những lời phê ác khẩu như vậy làm mình hết sức nản lòng"

Tôi an ủi người bạn lớn tuổi:

"Nếu đơn giản như vậy thì còn gì là Dế Mèn nữa. Anh em văn nghệ ít nhiều có cá tính, ông còn lạ gì, đũa nào không ác khẩu? Giận họ thì giận cả đời"

"Mình cũng biết thế, nhưng nó vẫn làm mình "đau lòng".

"Gót phê bình Victo Huygô còn độc miệng hơn nhiều – Ông có biết Gót nói thế nào không?... Huygô nếu viết ít hơn và lao động nhiều hơn thì tốt"

Tường cười, ho sặc sụa:

"Cậu tha những cửa quái quỷ ấy ở đâu về thế?"

Hai người im lặng đi một quãng đường, bỗng Tường đi chậm lại

"Lắm lúc mình cũng muốn thân mật với anh em, nhưng vụng quá chẳng biết làm thế nào – Tuân nó gọi mình là Phán Đoan cũng phải (!!!)"

Một lần khác anh nói với tôi:

"Có lẽ mình không phải một nhà văn nòi – Mình chủ yếu là một người yêu văn học"

Thời kỳ làm Phán Đoan ở Hải Phòng – Hồi này anh đã có truyện đăng trên báo Tri Tân (lẽ dĩ nhiên đó không phải là một chứng chỉ sang trọng đối với một nhà văn).

Nghe tin Trương Tửu về thăm đất cảng (lúc đó Trương Tửu đã là một ngòi bút phê bình nổi đình đám) anh có nhờ người dẫn đến ra mắt Trương tiên sinh và đưa cho Trương một bản thảo nhờ xem hộ.

Mấy ngày sau khi anh đến tiếp kiến, nhà phê bình nổi tiếng nhìn anh một cách thương hại:

"Anh viết văn đã lâu chưa?"

"Dạ, cũng gần được chục năm"

"Tôi rất buồn phải nói với anh rằng, anh không có khiếu viết văn. Nhưng nếu cố gắng, cũng có thể có dăm cuốn sách xuất bản được"

Tường cười buồn

"Ngoài cái thái độ kiêu kỳ đáng trách ấy, ý kiến của Trương Tửu có phần đúng"

Tôi biết anh nói thật chứ không phải làm dáng như một số nhà văn khác.

Nguyễn Huy Tường không có cái tài hoa của Nguyễn Tuân, cái mẫn tiệp của Nguyễn Đình Thi, cái tinh quái của Tô Hoài.

Những gì anh đạt được đều do mồ hôi thứ thiệt anh đổ xuống trang chữ.

Tôi đã có may mắn được đọc một số bản thảo của anh. Lộn nhồn không ít những biểu thức sáo mòn đến vô cảm. Nào *nộ khí xung thiên*, nào *lửa giận ngút trời*, nào *ình keo sơn*, *môi hở răng lạnh* v.v... kèm không ít những đoạn du dương biền ngẫu kiểu *Nam Phong*.

Nguyễn Huy Tưởng đã cần cù đọc lại, đã quyết liệt sửa.

Những trang viết của anh chi chít những tẩy xóa, những ngoặc lên ngoặc xuống hết như một trang morat của Banzăc.

"Với mình việc sửa chữa bản thảo còn mệt hơn là sáng tác lần đầu"

Tôi bỗng nghĩ tới nhận xét của một nhà thơ đại gia người Pháp

"Người ta đánh giá nhà văn trên những gì anh ta công bố và cả những gì anh ta không muốn công bố"

Một lần anh đột nhiên phê bình tôi:

"Những bài *toa* viết nhiều tính từ quá"

Một nhà văn chuyên nghiệp phải rất cảnh giác với chúng vì chúng thường làm nhão câu văn.

Tôi đã học được rất nhiều ở lao động chữ tạp dịch phu phen của Nguyễn Huy Tưởng.

Một lần anh tâm sự:

"Lê Đạt có biết trong số nhà văn Tây phương *moa* thích nhất ai không?"

"Lép Tônxtôi chứ gì (anh em thường gọi đùa Nguyễn Huy Tưởng là ông Tônxtôi vì anh luôn miệng nhắc đến bộ "Chiến tranh và hòa bình")

Tưởng cười rất tươi và hóm hỉnh (hiếm khi tôi thấy anh cười như vậy).

"Không phải, người mình thích nhất là Bótxuyê"

Tôi tưởng mình nghe lầm.

"Bótxuyê thế kỷ XVII, vị thầy tu chuyên điệu văn cho các ông hoàng bà chúa?"

"Đúng, Bótxuyê là một nhà văn rất kỹ tính, tên ông ta là kết hợp ba đầu ngữ *Bos suetus aratro* – Lê Đạt ngày trước có học tiếng La Tinh, chắc *toa* hiểu *Bos suetus aratro* là *con bò kéo cày*."

Giai thoại trên có phải anh muốn cảnh cáo tôi không?

Từ hồi thanh niên, tôi đã mắc bệnh mất ngủ - Một đêm vào 2 giờ sáng, tôi chợt thức giấc (thời gian này, cơ quan hình như đóng ở nhà ông Chánh Cuốn cây số 5 đường Hà Tuyên) thấy Nguyễn Huy Tưởng nằm ngủ gục trên bàn bên cạnh đĩa dầu dọc còn thức. Hồi tối, Nguyễn Huy Tưởng đã nói với anh em:

"Tạp chí sắp đưa nhà in mà bài *Ký sự Cao Lạng* mình chưa viết xong, đêm nay có lẽ phải thức trắng."

Vào khoảng mười giờ, anh uống liền hai tách cà phê cầm tăm để thức. Tưởng ngủ gục trên bàn và ngáy rất to.

Biết rằng anh quá mệt, tôi không nỡ đánh thức.

Bốn giờ sáng, tôi dậy tập thể dục, đã thấy chiếc gạt tàn thuốc lá đầy ắp. Anh dậy từ lúc nào. Mà không phải chỉ có một đêm.

Tôi không bao giờ quên tối hôm đó, trước lớp đấu tranh Thái Hà II độ một tuần, lúc gió đã bắt đầu thổi hơn cấp 10 có nguy cơ trở thành bão lớn.

Chúng tôi ở nhà Tô Hoài trên Nghĩa Đô về, có Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, tôi và Nguyễn Văn Bổng, một nhân vật chống Nhân Văn khét tiếng cùng trong ban phụ trách lớp Thái Hà II với Nguyễn Đình Thi.

Cuộc đồng hành bắt đắc dĩ và không khí thật nặng nề. Bổng Nguyễn Huy Tưởng nói khá to:

"Các ông ấy thật buồn cười, bắt mình học một tháng chứ học một năm, mình cũng không bao giờ kết luận rằng Lê Đạt là phản động, mình ở với nó mãi, mình còn lạ gì"

Nguyễn Huy Tưởng biết rất rõ phát biểu như vậy là hết sức nguy hiểm, nó có thể khiến anh dễ dàng bị buộc tội là ủng hộ Nhân Văn và tức khắc trở thành một tên phó phản động, chí ít, cũng là một phần tử lạc hậu, lúc này anh vẫn còn trong Đảng đoàn văn nghệ.

Chúng ta thường có một thói quen không tốt là khi viết điệu cho một đồng nghiệp ít nhiều có tiếng, ta thường tống tiền họ bằng những lời khoa trương tiện lợi và công cộng như "nhà văn lớn", thậm chí "cây đại thụ" v.v... (sinh thời Nguyễn Tuân gọi đó là *văn tế ruồi*)

Tôi bất cần biết Nguyễn Huy Tưởng là nhà văn lớn hay nhỏ, là cây đại thụ hay đồ sộ thụ, tôi chỉ biết anh là nhà văn hiếm hoi có tư cách mà tôi đặc biệt quý mến và kính trọng trong giới cầm bút đương đại.

Anh Tưởng,

Ở cõi bên kia, tôi nghĩ anh có quyền yên ngủ và ngáy thật ròn rã sau một cuộc đời lao lực nhọc nhằn và trung thực cày vỡ xứ đồng tiếng Việt.

Những phút cuối với Lê Đạt Dương Tường



Nhà thơ Lê Đạt (tên thật là Đào Công Đạt) sinh năm 1929, vừa qua đời tại Hà Nội rạng sáng ngày 21.4.2008. Là một trong những trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, tháng 7.1958 ông bị kỉ luật “khai trừ 3 năm, vẫn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, quyền xuất bản cũng đình chỉ trong kỳ hạn đó” theo lời ghi của Trần Dần ngày 07.7.1958, và cùng với Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Tử Phác và Hoàng Châu Ký, ngày 12.8.1958 ông bắt đầu chuyển đi “thực tế” mà thực chất là lao động cải tạo tại Nông trường Chí Linh, Hải Dương. Hình phạt 3 năm đã kéo dài 30 năm, cho đến năm 1988, khi ông được phục hồi tư cách hội viên Hội Nhà văn và quyền xuất bản. Sau tác phẩm *Bài thơ trên ghế đá* (1955), gần 4 thập kỉ sau ông đã cho công bố các tác phẩm: *Bóng chữ* (1994), *Hèn đại nhân*(1994), *Ngó lời* (1997), *U75 từ tình* (2007), và nhiều bài viết trên báo chí trong và ngoài nước. Tháng 2.2007, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.

Vĩnh biệt một nhà thơ lớn và một trí thức từng góp phần quan trọng trong sự phát triển của đời sống tinh thần Việt Nam hơn nửa thế kỉ qua, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một số bài viết về nhà thơ Lê Đạt. Những bài gần đây nhất của Lê Đạt trên talawas:

- Đường chữ
- Tôi làm khổ chữ hay chữ làm khổ tôi?

Đầu dây dăng kia, giọng nữ đứt đoạn, thỉnh thoảng nấc lên: “Cháu Liên, con bố Đạt đây, chú... Bố cháu đang ở khoa hồi sức cấp cứu... Bệnh viện Việt-Đức... Bố cháu ở Tây Nguyên về lúc 8 giờ tối, vẫn bình thường, còn ngồi xem tivi một lúc rồi xuống nhà lấy nước... thế là ngã sấp mặt trên những bậc cuối... Đưa vào đây mê man bất tỉnh... Theo các bác sĩ... nguy cơ tử vong... là lớn...” Tôi nhìn đồng hồ: 0g45 ngày 21/4. Lục tìm số điện thoại. Gọi khẩn cấp cho Việt Phương. Anh ấy nhiều quan hệ trong ngành y, may có thể nhờ giúp huy động tối đa khả năng cấp cứu đặc hiệu nhất. Rồi lao đến Bệnh viện Việt-Đức. Phòng cấp cứu hồi sức. Bọn tôi nằm đó, hôn mê, một chút máu rỉ ra bên khoe miệng.

Tôi nắm tay Đạt, bàn tay hồ như không còn sinh khí. Mấy năm nay, bạn bè *đi* nhiều quá. Mạc Lân... Vũ Bảo... Trần Thư... Cao Nhị... Mai Văn Hiến... Rồi gần đây nữa, Lưu Công Nhân... Hữu Mai... Cao Xuân Hạo... Chẳng lẽ bây giờ lại đến lượt mày, hồ Đạt? Tôi có cảm giác như anh khẽ gật đầu. Nhưng tôi chỉ tự lừa mình để tiếp tục cuộc trò chuyện thăm đờn phương... Nhớ không Đạt, nhưng ngày hoạn nạn, chúng mình cơm đùm cơm nắm lẫn lộn bò toài hết Thư viện Trung ương đến Thư viện Khoa học Xã hội dịch thuê viết mượn?... Nhớ không Đạt, những ngày bom B.52 Mĩ rải thảm phố phường Hà Nội, chúng mình tìm nhau vào những quãng ngưng, chụm đầu nghe một khúc "Sonate mùa Xuân" của Beethoven hay một chương "Concerto số 2 cho piano" của Rachmaninov trên chiếc máy quay đĩa Nga cà khổ và mày không quên bình luận với cái cười yêu đời không gì dập tắt nổi của mày: "Un havre de bonheur ^[1] !" ...? Thế mà bây giờ...

Hai giờ ba mươi. Người ta mời người nhà các bệnh nhân ra khỏi phòng cấp cứu để các bác sĩ, y tá làm việc. Cả Nhiên, Liên, Uẩn và Thành, các con gái, con trai và con rể của Đạt đều khuyên tôi về nghỉ, hứa có gì sẽ thông báo ngay.

Kịch tác gia Ngọc Thụ, một người em thân thiết của Lê Đạt, đưa tôi về. Bùi Ngọc Tấn vẫn để đèn chờ tôi (anh ở Hải Phòng lên dự Đại hội Toàn quốc họ Bùi, nghỉ lại chỗ tôi như mọi lần). Cả hai chúng tôi đều không ngủ được. Cũng chẳng nói gì với nhau. Tôi trở dậy, đặt chiếc đĩa "Triple Concerto" của Beethoven. Tôi vẫn thường bảo Đạt: "Mình chỉ ước sao khi nào chết sẽ ra đi trong tiếng nhạc này." Lúc đó là ba giờ mười lăm, thời điểm Đạt ra đi, như mấy tiếng sau Uẩn gọi điện báo cho tôi biết.

© 2008 talawas

Cấu trúc cách ly trong *Ngó Lời* của Lê Đạt Thụy Khuê

Ở Sénégal, với mẫu gỗ mun, người ta có thể tạo ra trăm nghìn hình tượng nghệ thuật. Trong tranh thủy mặc, chỉ với vài nét, họa sĩ có thể phác cả vũ trụ càn khôn. Dường như đó là những bí quyết tiết kiệm của *nghệ thuật nhà nghèo* và là bữa bổi của những ai đã từng chán ngấy xài sang: Xài sang chất liệu, xài sang thời gian, xài sang chữ nghĩa... Thơ Đường, với những chữ tầm thường, số chữ giới hạn mà có thể tạo sinh những biến ảo vô hạn giữa cảnh và tình.

Lê Đạt tìm đến *nghệ thuật nghèo* -art pauvre- như một phương tiện *ngó lời*:

Vườn nắng mắt gió bay mùa hoa cải
Bóng lá rằm ngày Phả Lại đặng cay
(Phả Lại, *Ngó Lời*, trang 18)

Hai câu tám chữ, tổng cộng 16 chữ. Trong 16 chữ này không có chữ nào bóng bẩy, mạ kền, không có chữ sang, chữ điện, toàn những chữ tầm thường mà ta có thể bắt gặp ở bất cứ ngõ ngách nghèo nàn nào trong chợ chữ. Nhưng nếu thử vài động tác chuyển hoán vị trí của chúng trong hai câu:

Vườn lá rằm gió bay mùa hoa cải
Bóng ngày phả lại nắng mắt đặng cay
thành:
Vườn lá rằm gió bay mùa hoa cải
Bóng ngày phả lại nắng mắt đặng cay
hay:

Bóng nắng mắt rằm gió ngày phả lại
 Vườn lá bay mùa hoa cải đặng cay
 Vườn mắt bay mùa hoa ngày phả lại
 Nắng bóng rằm gió lá cải đặng cay
 Mắt ngày đặng cay bay mùa hoa cải
 Phả lại vườn rằm bóng lá gió bay
 Đặng cay hoa cải nắng gió Phả Lại
 Vườn rằm mùa lá ngày bóng mắt bay
 Đặng cay lá rằm nắng ngày phả lại
 Vườn mùa hoa gió bóng cải mắt bay
 Đặng cải cay hoa mắt ngày mùa nắng
 Lá vườn phả bóng gió lại rằm bay
 v. v...

Tính theo toán học 16 chữ này có thể hoán vị giai thừa (factoriel) 16 thành một tổng số khổng lồ những câu thơ khác nhau(1). Khi ấy sự biến hình của 16 chữ có thể trở thành vô tận và như thế hai câu thơ *phả lại* trên đây cho ta cái cảm tưởng không chỉ ngấm một *vườn cải*, *vườn rằm trong ngày nắng Phả Lại*, mà dường như ta đứng trước một không gian ảo: thiên nhiên mang tâm cảm và thị giác con người đang phân thân làm nhiều mảnh, rồi tự xếp lại thành những cảnh khác, những tình huống khác, cứ như thế, như thế... Từng mảnh cảnh và tình tự do tung bay như tranh Chagall dưới sự hướng dẫn của một nhà ảo thuật vô hình: Tụ hợp, ly tan không ngừng trong *khoảnh khắc* không gian và thời gian lác mắt và tìm lại trong nhau.

Đó là sự cách tân mới nhất trong phép tạo hình thơ Lê Đạt.

Dưới dạng tung bay nhẹ nhàng như đùa nghịch, chơi chữ, thơ **haikâu** của Lê Đạt mang một quá trình tìm tòi sâu xa và cá biệt, một sự bắc cầu giữa xưa và nay, trong cấu trúc hình thức và triết lý thi ca. Lê Đạt đã vượt qua những trở lực của dấu trong tiếng Việt, của trật tự chữ trong câu (dấu có nhiệm vụ phối âm và nhạc tính trong câu phụ thuộc vào trật tự chữ). Ông đã *phá câu, xé chữ* để sáng tạo một *lối nói mới một cách ngó lơ*, trong *cấu trúc cách ly tạo sinh* toàn diện.

Nếu ở *Bóng Chữ*, đã có những biến ảo chữ (mỗi chữ giấu những bóng mình) trong cách trượt âm, trượt nghĩa. Nếu ở *Bóng Chữ* đã xuất hiện *cấu trúc sóng ngang* (tức là một câu thơ có thể biến đổi tùy theo những cách ngắt câu khác nhau). Thì ở Ngó Lờ, ngoài biến tấu bóng chữ, biến tấu *sóng ngang*, các sóng chéo, xiên, trên, dưới, ngang, dọc, đều có thể giao nhau. Sự hoán vị trở nên bất kỳ khiến tính cách tạo sinh mở ra toàn diện: Với số chữ giới hạn (16) nhưng âm, ảnh và ý có thể biến đổi gần như đến vô cùng. Cho nên, những câu thơ như:

Trang thiên thanh áp xanh mùa cốm tiếc
Thư ủ tình thu ép biếc hơi hương
 (Thư xưa, trang 49)

không chỉ có một kiếp sống, mà chúng có thể có những kiếp sống khác, tùy theo sức tạo sinh của người đọc:

Trang thư ủ tình thu mùa cốm biếc
Áp thiên thanh xanh ép tiếc hơi hương
Biếc trang tình ép thu xanh mùa cốm
Tiếc hơi hương ủ áp thu thiên thanh

...

Lê Đạt gọi thơ ông là *haikâu*, có lẽ để phân biệt với *hai câu* hiểu theo nghĩa thông thường, vì ẩn sau mỗi *haikâu*, còn có những *hai câu* thơ khác chưa khám phá. *Ngó Lờn ẩn cả bóng chữ lẫn bóng câu.*

Trong văn học hiện đại, người ta thường đề cao vai trò của người đọc như một đối tác văn học trực diện với tác phẩm. Nhưng thực ra không phải tác phẩm nào cũng cho người đọc cái quyền liên danh với tác giả. Với những câu thơ cổ điển như:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*
(Nguyễn Du)

hoặc hiện đại như:

*Vậy sao em lại ngủ
ngủ trong lòng mộ trong nghĩa địa thân thể anh
với áo cỏ may châm da thịt*
(Thanh Tâm Tuyền)

thì người đọc chỉ có thể nghiêng mình, tiếp nhận cảnh tình, mà không thể tiếp tục tạo sinh ra những câu thơ mới, như với:

*Thê Húc dáng cong bước chiều ký ức
Trang mây bay Bút Tháp mực xanh ngày*
(Hồ chiều, trang 96)

*Ký ức chiều ngày bước cong Thê Húc
Mực xanh bay bóng Tháp Bút trang mây
Thê Húc mây bay bước chiều ký ức
Bút Tháp cong trang dáng mực xanh ngày*

.....

Thơ *haikâu* của Lê Đạt không phát sinh từ *haiku* của Nhật Bản mà gần gũi với tinh thần phá cấu của Mallarmé và tính chất độc lập chữ trong thơ chữ Hán. Trước khi là một dấu hiệu chỉ định sự vật, chữ Hán đã mô tả sự vật bằng đường nét: Mỗi chữ là một đồ hình. Bản thân chữ Hán là những bức họa phối âm, có khả năng tự túc, độc lập với những chữ khác. Ví dụ câu thơ *Thiên địa phong trần* của Đặng Trần Côn, tức *Trời - đất - gió - bụi* là 4 chữ độc lập. Đây không phải là *một câu thơ* (hiểu theo nghĩa cổ điển: Câu có chủ từ, động từ, tính từ) mà là *những câu thơ* vì ta có thể đảo lộn trật tự 4 chữ : *Đất gió bụi trời, trời bụi gió đất...* không hề gì. Nhưng khi Phan Huy Ích chuyển sang tiếng Việt thành *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi* thì chỉ còn có một câu thơ hay và chỉ một mà thôi: câu thơ Việt không thể đảo lộn trật tự như câu thơ chữ Hán (không riêng gì Phan Huy Ích, mà hầu như bất cứ ai dịch thơ Đường, dù là dịch hay, cũng làm mất tính cách *độc lập chữ* trong câu thơ chữ Hán).

Lê Đạt dường như có ý muốn phá vỡ trật tự này. Ông *phá cấu* tiếng Việt, ông *cởi trói* thơ ông khỏi hình thức *câu*, để đi đến *câu bất định*: Một cấu trúc cách ly toàn diện.

Đương nắng đường rừng lạnh cũng có thể là: *Đường nắng đương rừng lạnh hay Rừng lạnh đường đương nắng*, vv... Với thủ pháp này, nhà thơ *độc lập và dân chủ hóa mỗi chữ*, nói khác đi ông tháo chữ ra khỏi phép đặt câu theo văn phạm cổ điển (mỗi chữ có một chức vụ cố định trong câu). Ông đưa chữ ra khỏi lãnh vực quan liêu để đạt tới sự bình đẳng bình quyền: Mỗi chữ đều đắt giá như nhau, đều tự do đi lại trong *kâu*. Có thể đó là một hình thức thực hiện dân chủ và nhân quyền trong trận đồ chữ nghĩa của Lê Đạt. Chữ trở thành một sinh thể tự do hành động và di động. Ở mỗi vị trí khác nhau, chúng tạo nên những môi trường khác, những tình huống khác. *Chữ là hóa thân của con người*. Mỹ học bỗng mang đậm một tính đạo đức học sâu

nặng.

Có thể xem thơ Lê Đạt như những bức họa mang đường nét "thiên di", chuyển từ hữu hình sang vô thể, từ vô thể trở lại hữu hình. Chuyển từ phong cảnh sang tình cảnh, từ vật chất sang con người trong luân hồi giữa mơ và thực, phối hợp *không gian, thời gian và khoảnh khắc*:

Tháp Gò tích núp đôi trưạ thờ nắng
Chuông ngân chim thân trắng bướm cựa mình
Lửa gạo thấp hoa đèn soi cỏ lạ
Mây Sơn Tinh nước cả ngã ba tình
(Trung du, trang 25)

Đây là phong cảnh trung du trải dài trong không gian và thời gian? Đây là trận bão tình Sơn Tinh - Thủy Tinh trong một thời cổ tích? Hay đây là khoảnh khắc khóa thân hiện hình của người kiều nữ trong những truyền thuyết muôn đời? Tính chất di động từ thực tại hữu hình chuyển sang ảo ảnh, từ tâm cảnh sang tâm linh, sang những chuyển biến vô hình, siêu hình, phải chăng là cuộc hành trình trong vô thức, giữa mơ và thực, giữa thức và tỉnh, mà có lần Lê Đạt gọi là *hội chứng từ thức*:

Khuya mở đoạq tình, kinh thoát tục
Thơ trang ngân tâm từ thức lụy trần

Ai gõ mõ, ai đoạq tình, ai đọc kinh, ai thoát tục? Ai làm thơ, ai từ thức, ai lụy trần? Ai thanh, ai tục? Ai tỉnh, ai mơ?...

Chênh vênh giữa nhiều biên địa, *Ngó Lờ* là sự hiện diện và gặp gỡ của những vắng mặt: Cổ thi, Đường thi, ca dao, Nguyễn Du, Mallarmé, Desnos, quá khứ, kỷ niệm, ước hẹn, bội thề... trong một ngôn ngữ tình đã được giải phóng:

Tàu đắm hẹn bội thề lênh láng biển
Trắng tình bờ mộng thả nhiễm ô mơ
(Ô nhiễm, trang 139)

Từ một ngoại cảnh thời sự: tàu đắm, ô nhiễm biển của thời nay, *Haikâu* như vết dầu loang dần trên mặt sóng, chuyển sang tâm cảnh của những hẹn biển thề non, của những giấc mơ ô nhiễm, của những *tình mộng lánh lênh*, của những bội ước bội thề...

Hay từ một huyền thoại thời danh:
Tóc phong lan cổ bạch đàn tích sóng
Mắt thoại huyền sông chén ngán hò khoan
(Thoại huyền, trang 37)

Người đẹp trong tranh ngập ngừng bước ra, bỗng vỡ tan như mảnh gương bội ước; như những con chữ bội tình vừa hội tụ nên hình hài nàng trong giấy lát đã vội chia tay để đi tìm những thoại huyền chưa biết, những tích cổ chưa hay của những *lan phong tóc*, những *thoại bạch đàn*, những *sóng sóng mắt*, những *mắt hò khoan*, những *cổ ngán đàn*...

Từ hận vụn cổ, trăng Khuất Nguyên xưa, thoát thai:
Bóng cá dạ trắng buồn quấy nước
Dằng dặc tình tắm chữ giải oan
(Khuất Nguyên, trang 80)

Hay câu thơ Đỗ Phủ, biến thành:

*Đôi bóng câu huyền cong biếc liểu
Một hàng cười trắng thẳng thanh thiên*
(Xuân Đỗ Phủ, trang 83)

Nhà thơ hẳn đã nắm bắt được cái "*khoảnh khắc*" bây giờ và ở đây, cho nên ông tạo điều kiện gặp gỡ giữa xưa và nay, để những *bóng cá, dạ trắng* oan khuất năm xưa, có dịp giải oan cho những hận tình chưa ngó, để những *hàng cười trắng* bây giờ có thể thẳng thiên lên bầu trời xanh xưa sau.

Tính cách trữ tình và lãng mạn không lộ mà như đã nhỏ thành mật tổ, ngấm vào chữ rồi sao lên, khiến các con chữ ráo hoảnh, chúng như chưa hề đắm lệt bao giờ. Có vẻ hờ hững, thần nhiên, vô tình, nhưng thực ra chúng đã nhiễm tình từ tâm, lụy tình từ kiếp trước, đã đam mê hơn một lần đời và đã vượt khỏi nhục cảm đời thường để đi vào xác thân ái ân đời chữ, khiến mỗi kết hợp hôm nay đều phát ra một tình trường, một từ trường, tĩnh lặng mà vô cùng đau thương và dậy sóng:

*Người đẹp lần khe hai hàng chữ tối
Thủ thư mù lần lè một lối mê.*
(Borges, trang 84)

Hành động thơ trong Ngó Lờ chủ yếu là một hành trình vào tình vừa cách ly, vừa hội tụ. Người thơ nhờ cậy vô thức phát lộ những *khoảnh khắc* khác nhau của một đời tình, của nhiều đời tình, của một nền văn hóa, của nhiều nền văn hóa, những ngọn lửa đam mê,... và cắt ra những hình tượng, những mảnh puzzle ghép lại thành thơ trong một công nghệ sinh học chữ đặc biệt. Nhưng mỗi yếu tố vẫn còn mang trong mình những vết thương quá khứ, chưa hết lụy tình mà đã hồi sinh, chúng đem vào đời mới những niềm đau cũ:

*Tim lặng lạnh gốc bồ đề mưa cũ
Chim gõ mõ kiếp xưa chưa hết rĩ lụy tình*
(Chim gõ mõ, trang 48)

Chúng ta sinh ra trong cô đơn, gián đoạn và chết đi trong gián đoạn, cô đơn. Mỗi cố gắng "giao lưu" với kẻ khác dường như chỉ là ảo tưởng. Ở chóp đỉnh của hạnh phúc, hai cá thể cũng không biết những gì đang xảy ra trong nhau, bởi đau không thể chia, sướng không thể sẻ, bởi không có cầu "thông thương" trực tiếp và liên tục giữa con người.

Những bất gặp cảm thông, nếu có, chỉ là những *tíc tắc tức thời*, những lóe chớp *ngộ tình*, như những tia lửa sáng tạo sinh rồi tắt. Bachelard có lần đề nghị: *Nếu chúng ta thử nhìn lại tư tưởng của mình, sẽ thấy chúng không ngừng bị xóa theo mỗi khoảnh khắc trôi đi.*

Mỗi khoảnh khắc ra đi mang theo những mẫu sinh mệnh tư tưởng chưa kịp thành hình mà đã tàn lụi. Nhưng thời gian cũng chỉ là một chuỗi dài những khoảnh khắc chết yểu. Thời gian vừa là nghĩa trang, vừa là cái nôi của những tíc tắc tức thời. Thời gian mang tính chất đứt đoạn của cuộc đời, và mỗi khoảnh khắc là một cô đơn, chia biệt, giam cũi âm trong lòng, bởi còn đang sống nó đã chết. Khoảnh khắc tựa như định mệnh của con người: Sống để tiến về cái chết, và nó cũng gắn liền với trực giác sáng tạo, cũng lóe lên rồi cũng tắt lụi, nếu con người không kịp thời ghi lại bằng *chữ*. *Chữ* chính là thịt xương của những sinh mệnh tư tưởng lóe lên trong *khoảnh khắc*.

Chữ chính là chứng từ của những mẫu tư tưởng đã qua đời: "*Heo may từ xao xác nghĩa trang già*" (trang 80). Chữ cũng mang định mệnh gián đoạn và cô đơn của khoảnh khắc, của đời người, nhưng chữ sống sót, chữ không bị thời gian xóa đi như xác thân hay khoảnh khắc

*Trăng liêu trai hoa cửa trang không ngủ
Tự vị ma về chữ dụ mộng du*
(Chữ khuya, trang 85)

Chữ là thuật cho phép người sống sống với người chết, cho chúng ta hôm nay sống với Nguyễn Du, Lý Bạch, Tần Đà hôm qua, trong những khoảnh khắc đang trôi, kéo theo những chia ly cách biệt.

Lê Đạt gắn bó sâu xa với ý niệm thời gian, khoảnh khắc, với tình yêu, sự sống và sự chết, hẳn không khỏi nghiệm suy về những mất mát trong phút giây đang sống.

Hành động cách ly và tạo sinh con chữ, đem nó ra khỏi từ trường liên tục của những câu thơ có vần phạm, phải chẵn, ở đây không chỉ là sự cách tân hình thức ngôn ngữ thơ, mà còn là sự thực hiện tự do và cũng là một cách tìm mình, tìm đến tận nguồn của những cô đơn giản đoạn trong sự sống; tìm cách hồi sinh những phút giây sáng tạo hiếm hoi trong đời để kết thành một xâu chữ -tình- thoát khỏi sự hủy diệt của thời gian? Nhà thơ vĩnh viễn là một kẻ *lang thang trang lữ quê chữ tìm mình* (trang 122). Họ hẳn cũng có lần nhà thơ du cư kia may kỳ ngộ một khoảnh khắc vĩnh cửu.

Nặng nợ với chữ, với tình, với chữ tình và tình chữ, thơ Lê Đạt gánh những kiếp tình, nỗi, chìm, lờ, mòn, thè, bồi, lằm, lổ... trong mỗi hóa thân chữ.

*Đất lở đá mòn một hai chìm nổi
Thè bồi lờ cát lổ phải lằm sông*
(Thè bồi, trang 125)

Lừa Ngó Lờ thâm thì trong *bóng câu bóng chữ*, rủ người đọc mộng du trong cõi có có không không, kết hợp không gian thời gian trong những sát na hò hẹn, chia ly, bùng lên rồi tắt lịm, khâm liệm một vũ trụ nhớ thương, đắm say, cô đơn, giản đoạn, phân kỳ, mà hồn chữ thể hiện và hồi sinh những chứng tích của sự sống tưởng đã chết trong con người.

Thơ Lê Đạt tỉnh táo mà đam mê, xót xa và hy vọng; dường như bình thản, vô tâm, nhưng đến được chỗ vô tâm có đâu là dễ? Chẳng đã trải bao hành hương trắng mộng?

Ai đốt rừng cho gỗ tiêu tâm (trang 60)

Cảm ơn *chữ* đã không phụ nhà thơ và nhà thơ đã mang đã trả lại cho tim ta những kỷ niệm vui nồng chân lộ úa tình (trang 164) trong một thoáng ngộ yêu:

Một huệ tình ơn chữ ngộ thừa yêu (trang 176).

Yên Cơ, Giáng Sinh 1997

Chú thích

1 hoán vị g(i)ai thừa 16! = 1x2x3x ... x16 = 20.922.789.000, gần 21 tỷ.

Nhân Thánh Thán bình thơ Đường

Xin chọn mấy bài thơ Đường tương đối quen thuộc với độc giả VN để tiện theo dõi:

I. Hoàng Hạc lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư hoàng hạc lâu

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tịch xuyên lịch lịch Hán dương thụ
Phượng thảo thê thê Anh vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
Thôi Hiệu

Lầu Hạc Vàng

Người xưa đã cưới hạc vàng bay đi
Nơi đây chỉ còn trơ lầu Hạc vàng
Hạc một đi rồi không trở lại nữa
Mây trắng ngàn năm man mác trôi
Dòng sông quang tạnh rục rờ hàng cây đất Hán dương
Cỏ thơm mọc tươi tốt trên bãi Anh vũ
Chiều tối quê nhà ở nơi đâu?
Khói sóng trên sông khiến người buồn bã.

Kim Thánh Thán phê bình: Có bản chép Tích nhân dĩ thừa bạch vân khứ thực là làm lớn!
Không biết rằng bài thơ này dùng bút lớn bao la tả liền ba chữ Hoàng Hạc lầu, chỗ kỳ lạ là ở đó. Giả sử người xưa mà cưới bạch vân thì lầu này tại sao lại có tên là hoàng hạc? Lý này thật rất rõ ràng. Còn như câu 4 chọt thêm vào bạch vân diệu ở chỗ có ý không ý, có nói không nói (hữu ý vô ý, hữu vị vô vị). Nếu thoạt tiên chưa tả hoàng hạc mà trước đã tả bạch vân thì là hoàng hạc, bạch vân đối chọi nhau: Hoàng Hạc vốn là tên lầu, còn bạch vân thì do điển nào mà ra? Bạch vân đã được người xưa cưới đi mà đến nay hãy còn du du trên đời này há có thiên tải bạch vân sao? Thực không đáng một cái cười. Làm thơ không nhiều mà có thể khiến Thái Bạch Công phải gác bút thì đúng là bậc đại trượng phu trong rừng bút mực vậy. Hãy xem bọn nho mọn ô uế suốt đời rên rỉ khổ ngâm, đến cái ngày đậy nắp áo quan, người ta góp nhặt lại cũng được mấy trăm ngàn lời thể nhưng không từng được cả một đũa trề nít trong làng tạm thời để mắt vào, thực đáng đau xót lắm.

Lê Đạt lam bàn: Lý giải minh triết, lời lẽ tung hoành, sát phạt như những đường gươm tuyệt mệnh đúng là loại người xưa nay hiếm trong cõi phê bình. Thể loại phê bình thường bị một số nhà sáng tác xem khinh 15 phút như thể loại ký sinh, thằng công làm thằng ngay ăn, viết đến mức Thánh Thán ai dám bảo thua sáng tác? (Tôi e rằng phần Thánh Thán phê bình Tây sương ký có chỗ còn vượt cả bút lực của tác giả Vương Thừa Phủ).

Trong lúc không ít nhà sáng tác phải xuất trình chứng minh thư đọc giả mới biết là của ai, chỉ cần lướt mấy dòng trên, dù chưa xem đến tên tác giả cũng biết ngay là của ông họ Kim. Lời thật độc! Trộn không lẫn.
Không có thể loại dở. Chỉ có người dở.

Kim Thánh Thán phê bình tiếp: Phàm cổ nhân mà có một lời, một hàng, một câu, một chữ đủ để bước một mình trong một thời, chiếm cứ cả ngàn năm thì ta cần phải tin rằng không gì là không đều do đọc ở sách, dưỡng khí mà ra.

Như dải thơ này ta phải tin rằng rõ ràng là do đọc sách. Các câu 1, 2: chính là ông đọc Thiên Thiên đạo, sách Trang tử, lời của Luân Biện nói về Tề Hoàn công... ông liền thuận tay sửa bớt, dùng rất thích đáng. Các câu 3, 4 chính là ông đọc được câu ca Dịch thủy trong Kinh Kha liệt truyện.

Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn
(Gió vi vu hề sông Dịch lạnh lòng ghê
Tráng sĩ một ra đi không trở về)

Cuốn sách ai cũng đọc thế mà chỉ riêng ông có sự sẵn đối cảnh liền dùng, ngay cả chính mình rút cuộc cũng không biết nữa thế thì rõ ràng phải tin đó là cái sức dưỡng khí.

Tiền dải tả người xưa, hậu dải tả người nay tuyệt nhiên không tả đến lâu! Dải này lại diệu ở chỗ không dính liền gì với đoạn trên, chỉ nhất ý tựa cao trông xa, riêng thổ lộ hoài bão của mình, mặc cho đời sau muốn hiểu ra sao thì hiểu thực đúng là bậc đại gia vậy.

Lê Đạt lạm bàn: Thánh Thán viết lời bình trên đã 300 năm mà tưởng đâu mới viết hôm qua, hôm kia gì đó trên một tạp chí phê bình mới tại Pháp những thập niên 60.

Nghĩ đến thuyết bản viết nhiều tầng (écriture plurielle) của Rôlăng Bắctơ hay của trường phái ngữ nghĩa phân học (sémanalyse) quan niệm bất cứ một nguyên cáo nào cũng được viết trên một palimxet, tức là một miếng da cừu. Đã viết rồi được cạo sạch đi để viết mới những văn ẩn hiện bản văn cũ. Một câu thơ hay là câu thơ ký thác được lịch sử thi ca nhân loại, nó đi qua các tầng văn hoá như con tàu Du hành II vượt quỹ đạo Thái dương hệ đi vào cõi vô cùng.

Đọc sách, dưỡng khí là quá trình tích tụ, sinh thành trong ý thức lẫn vô thức con người, do đó một nhà thơ có thể xuất khẩu thành chương nhưng câu thơ vẫn mang sức hàm dưỡng hàng nghìn năm công lực mà ngay chính nhà thơ rút cuộc cũng không biết. Không có câu thơ hay mà lại ở trình độ cấp I.

Thơ theo cấu trúc gián đoạn - Không cần những chuyển câu dông dài có tính chất lý giải hai năm rõ mười - Nhà thơ cố gắng tạo nên một liên kết chữ phức hợp bất định và đa nghĩa mặc cho người đời sau (cả đời nay nữa) muốn hiểu ra sao thì hiểu khuyến khích khả năng tự do tạo nghĩa của họ với tư cách đồng tác giả của bài thơ.

Cố gắng sáng giá nhất của nhà thơ là dò tìm miền chưa biết, mở mang bờ cõi diễn đạt của ngôn ngữ và cảm thụ của người đọc. Đó là trọng chữ, trọng người, đâu phải trò ú tim, cố tình làm khó, làm bí hiểm, coi thường người đọc.

Trong phong trào thơ hiện đại cuối thế kỷ XX, Thánh Thán “tam bách dư niên hậu” vẫn còn là một bạn đường đồ sộ.

Thánh Thán phê bình: Thái Bạch Công phê bình bài thơ này cũng chỉ nói rằng:

Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu
(Trước mắt có cảnh không nói được
Thôi Hiệu đề thơ ở trên đầu)

... Bây giờ mình muốn mệnh ý thì họ Thôi đã mệnh ý hết rồi, nếu muốn thăm cách thì họ Thôi đã thăm cách xong rồi, nếu muốn tranh phát bút thì họ Thôi phát bút đã là không tiền khoáng hậu, không chiếu cố đến kẻ khác, dù cho mình có cảnh đẹp đầy mắt có thể soạn mấy trăm ngàn liên chẳng nữa thì cũng chỉ là tự nhả hết tâm huyết ra uống phí thôi, chớ còn đặt tay vào đâu được, vì thế bất giác cúi mình sát đất thổ lộ thực rằng: có cảnh nói không được. Than ôi!

Thái Bạch Công sở dĩ hư tâm phục thiện như thế chỉ vì chính mình hiểu rõ luật thi cam khổ. Còn các ông đời sau thì bất chấp có người nào đề thơ rồi, chẳng ngần ngại gì mà không tức thì đề lại tám câu.

Lê Đạt lạm bàn: Đúng là Lý Bạch qua hai câu thơ trên có tỏ lòng trọng thị Thôi Hiệu. Nhưng nói rằng bất giác cúi mình sát đất thì có phần quá đáng. Thánh Thán là một nhà phê bình cực đoan. Đó là ưu điểm, cũng là nhược điểm của ông.

Vì mãi đề cao Thôi Hiệu, ông chỉ thấy khía cạnh cúi mình sát đất của Lý Bạch mà không nhìn thấy thái độ tự tại bình tâm của một đại thi hào không lấy việc hơn thua làm trọng mà chỉ một lòng cảm thụ thơ hay. Thơ anh làm về lầu Hoàng Hạc thế là diệu, của anh hoặc của ta, ta hơn hay anh hơn việc đó có quan trọng gì, anh làm đã đạt rồi thì ta ngâm thơ của anh hà tất phải làm thêm một bài để thi đấu, con trẻ nó chẳng cười cho sao? Đó là tâm sáng của bậc thượng đẳng.

Thánh Thán viết: Than ôi! Thái Bạch Công sở dĩ hư tâm phục thiện như vậy chỉ vì chính mình hiểu rõ luật thi cam khổ.

Tôi cũng biết ý Kim tiên sinh muốn dùng Lý Bạch để dạy một bài học cho các ông thơ thần đời sau... của trường phái thơ con cóc!

Nhưng tôi e tiên sinh còn có điều hạn hẹp khác:

Ở một phần khác Thánh Thán viết: Ôi luật thi đời Đường chẳng phải chỉ là sự cấu tạo tốt đẹp của một thời mà vốn là tuyệt xướng của ngàn bậc thánh.

Luật thơ dù tuyệt vời đến đâu cũng chỉ là bước đầu. Người làm thơ cao thủ không thể không thuần thực nó nhưng thành thực rồi nên quên nó đi, biến nó thành một phần xạ. Luật thơ dù là thơ Đường, chỉ là điều kiện cần, không phải là điều kiện đủ.

Lý Bạch không làm không phải vì hiểu rõ luật thi cam khổ, ông không làm vì không thích làm, thế thôi.

Thánh Thán thừa hiểu rằng hai nhà thơ lớn nhất đời Đường là Đỗ Phủ và Lý Bạch.

Đỗ Phủ hoạt động trong cõi luật.

Lý Bạch hoạt động trong cõi siêu luật.

Đỗ Phủ là tuyệt đỉnh của thơ luật Đường.

Lý Bạch là chân trời của thơ Đường.

Sao lại lấy những tiêu chuẩn của cõi luật áp đặt cho cõi siêu luật?

Một điểm nữa, tại sao lại khẳng khái kết luận rằng Lý Bạch cúi mình sát đất không dám làm thơ về lầu Hoàng Hạc nữa? Thật ra Lý Bạch đã làm. Nhưng không làm như Thôi Hiệu. Hai câu thơ:

Nhân tiên hữu cảnh đạo bất đắc
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu

có thể coi là một bài kiểu khác của Lý về Hoàng Hạc Lâu. Nó cũng nổi tiếng không kém gì bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu.

Đó chính là phép hiện diện bằng khuyết diện của bậc đại trí.

Lý Bạch hình như đã bứt được ra khỏi bận tâm ấy, ông làm thơ như bình sinh khi đói ta ăn, khi mệt ta nghỉ, như con cá Kinh dọc ngang vùng nước cả, con chim bằng vùng vẫy đỉnh Thiên Sơn, đó là cái hư tâm hay nói theo các nhà phê bình mới, cái hồn nhiên cấp hai, của bậc chân thi.

II. Đăng Kim Lăng Phụng Hoàng Đài

*Phụng hoàng đài thượng phụng hoàng du
Phụng khứ đài không giang tự lưu
Ngô cung hoa thảo mai u kính
Tán đại y quan thành cổ khâu
Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại
Nhị thủy trung phân Bạch lộ châu
Tống vị phù vân năng tế nhật
Trường An bất kiến sử nhân sầu.*

Lý Bạch

Lên lầu Phụng hoàng tại Kim Lăng
Lên lầu Phụng hoàng (xưa) phụng hoàng dạo chơi
Phụng hoàng đi rồi lầu không nước sông vẫn trôi
Trong cung Ngô hoa cỏ vùi chôn đường nhỏ tối tăm
Áo mũ đời Tấn thành ra gò đất
Núi Tam Sơn rơi một nửa ra ngoài trời trời xanh
Sông Nhị phân đôi ở giữa bãi Cò Trắng
Tất cả chỉ vì đám mây nổi hay che mặt trời
Không thấy thành Trường An, người buồn bã.

Thánh Thán phê bình:

Trong thơ đời Đường, một dải gồm 4 câu 7 chữ là 28 chữ rõ rệt đó chính là 28 ngôi sao, ngôi nào cũng đều có duyên cố cả, trong số đó quyết không có ngôi sao nào không duyên cố. Nay trong ba câu dải thứ nhất bài thơ này tôi kiếm cái duyên cố tất phải là *phụng du* (phượng dạo chơi) mà không tìm được. Như vậy Lý tiên sinh ngày ấy hẳn nên cắt đứt ái dục mà nương cho họ Thôi độc bộ, thế mà tại sao lại cũng giống như bọn văn nhân nhỏ mọn đời sau cứ phải muốn hơn hơn không xá, cam làm vậy...

Giang tự lưu cũng chỉ là đổi *vân du du*. Diệu là diệu ở hai câu *Ngô cung*, *Tán đại* lập tức một khúc một cười?

Ta muốn kiếm cung Ngô mà chỉ có cỏ hoa vùi lổn như thế há không muốn khóc thất thanh ư? Nhưng ta nghe nói kẻ đánh Ngô là Tấn, do đó đi kiếm triều đại Tấn thì cũng đã *mũ áo thành* gò rồi, như thế há không muốn cười ra nước mắt ư?

Lê Đạt lạm bàn:

Trước hết cần nói, *Phụng hoàng đài* không phải một bài thơ kiệt xuất của Lý Bạch.

Lấy một bài trong số ngàn bài thơ của Lý để so với bài kiệt xuất nhất của Thôi Hiệu là một việc làm e không công bằng.

Nhưng thôi, ta cứ chấp nhận coi đó như kết quả của một cuộc bốc thăm phân bảng các đội bóng tranh giải Mundial.

Ngay trong câu mở đầu, Thánh Thán viết:

Tương truyền đây là bài thơ bắt chước Hoàng hạc lâu (của Thôi Hiệu). Như vậy là Thánh Thán đã tôn Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu lên làm một mô thức và lấy nó làm chuẩn đánh giá bài Phụng Hoàng Đài.

Đó là cách phê bình *khép kín* nhìn về phía sau chứ không phải *mở* nhìn ra phía trước.

Trong thơ, làm lại một bài thơ của người khác đã viết không phải chuyện lạ. Vấn đề chính là *biến hóa* cái của người khác thành cái của mình như thế nào.

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Đọc câu thơ của Nguyễn Du:

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Ai cũng biết Nguyễn Du mượn một câu thơ Đường:

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Hoa đào như cũ còn cười gió đông

Nhưng hai chữ *năm ngoái* tuyệt bút hàng ngàn lần so với hai chữ *y cựu*, nó gọi lên bao nhiêu nuối tiếc băng khuâng và ngơ ngác, nó làm sóng sánh cả câu thơ... khiến câu thơ gần như trở thành của Nguyễn Du chứ không thể nói là đơn thuần bắt chước thơ Đường.

Thánh Thán căn cứ vào luật thơ Đường (lại luật!!!) *4 câu 7 chữ là 28 chữ, rõ rệt chính là 28 ngôi sao* (biết rồi khổ lắm nói mãi!) rồi đi đến nhận xét *Nay trong ba câu của dải thứ nhất bài thơ này tôi tìm kiếm cái duyên cớ tất phải tả "phụng du" mà không kiếm được.*

Không kiếm được là phải vì có đâu mà kiếm. Tôi nhắc lại: Lý Bạch hoạt động ở cõi siêu luật (một cõi luật khác).

Câu thứ nhất trong bài của Thôi Hiệu:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ

là nói một sự kiện Thôi cho là trọng đại nó khơi nguồn cảm khái của nhà thơ, mới vào bài thơ đã bộc lộ tính hoài cổ trang trọng một cách rõ rệt.

Câu mở đầu của Lý Bạch:

Phụng hoàng đài thượng phụng hoàng du

Dung dị và phóng khoáng, hai chữ phụng hoàng lặp lại cho câu thơ dáng dấp nhẹ nhõm của một cuộc chơi (du). Cái ý *du* này quán triệt cả bài thơ.

Đã chơi thì *tả* hay *không tả* nào có quan trọng gì? Vả lại, xét đến cùng, *chơi* tự nó chẳng phải là duyên cớ sao? Lý Bạch là một nhà thơ điều luyện đến mức tự nhiên. Trong lúc mọi người yên trí rằng phụng du là *bất túc*, là không có *duyên cớ*, Lý Bạch thủng thẳng gầy nhẹ, nhẹ nhưng vào lười.

Đó là câu 7 của bài thơ, trở lại ý chơi và nâng nó lên một tầng khái quát mới.

Tất cả chỉ vì đám mây nổi hay che mặt trời
Tổng vị phù vân năng tế nhật

Cả *phụng du* cả *Ngô lãn Tấn*, tất cả cũng chỉ do trò chơi của đám mây nổi (mây nổi tan hợp bất thường, phù du chứ không phải mây trắng u hoài, man mác) với mặt trời mà thôi.

Bất giác nghĩ đến lời bình của Trang Tử về *con gà gổ* trong Nam Hoa kinh.

Để nói cái lai láng, cái trầm buồn, Thôi Hiệu có một cách. Để nói cái tiêu sái, cái thích thẳng Lý Bạch có một cách. Sao Kim nhạc trường lại bắt hai người diễn tấu giống nhau?

Hai câu thơ được Thánh Thán khen:

Trong cung Ngô hoa cỏ vùi chôn đường nhỏ tối tăm
Áo mũ đời Tấn thành gò đất.

Đúng là những câu thơ hay, nhưng cũng là hay theo tiêu chuẩn của mô thức *Hoàng Hạc lâu*, của thông lệ.

Theo tôi hai câu xuất sắc nhất trong bài là hai câu mà Thánh Thán bỏ qua:

Núi Tam Sơn rơi một nửa ra ngoài trời xanh
Sông Nhị Thủy phân đôi ở giữa bãi Cò Trắng

Xuất sắc vì tân kỳ.

Hai câu thơ như bút khởi sức hút của hạ giới bay lên quỹ đạo vũ trụ.

Người làm thơ có cái bút lực muôn trượng của một tâm hồn siêu phàm ngoại cỡ hàng ngày làm bạn với *Núi Kính Đình* với *sông Hoàng Hà đổ xuống từ lưng trời*.

Một người như thế không thể nào lấy luật, dù là *luật của thánh nhân* để giới hạn được.

Ai cũng biết Đỗ Phủ suốt đời lao tâm khổ tứ làm một câu thơ *quỷ thần chưa khiếp kinh, chết không nhắm mắt*, đó là bận tâm lớn của bậc thi bá.

Lý Bạch hình như đã bút được ra khỏi bận tâm ấy, ông làm thơ như bình sinh *khi đói ta ăn, khi mệt ta nghỉ*, như con cá Kinh dọc ngang vùng nước cả, con chim bằng vùng vẫy đỉnh Thiên Sơn, đó là cái hư tâm hay nói theo các nhà phê bình mới, cái hồn nhiên cấp hai, của bậc chân thi.

Suốt đời Đỗ Phủ kính trọng Lý Bạch như một người anh lớn không phải vì tuổi tác, mà chính vì cái hư tâm này.

Nó không khỏi nhắc ta nghĩ đến thái độ kính trọng của Khổng Tử đối với Lão Tử.

Nhà quy tắc vĩ đại của nhân loại nói với học trò:

Loài chim ta biết nó hay bay, loài cá ta biết nó hay bơi, loài thú ta biết nó hay chạy. Loài chạy thì có thể đánh bằng chàm bẫy, loài bơi thì có thể đánh bằng chài lưới, loài bay thì có thể đánh bằng lưới giập, còn như loài rồng thì ta không biết nó cưỡi mây gió lên trời như thế nào. Nay ta gặp

Lão Tử, người ấy cũng như con rồng vậy.

Kim tiên sinh,

Ông là bậc tiền bối, uyên bác, bụng chứa hàng kho sách, tôi là kẻ đến sau kiến thức đơn sơ - dùng lời một nhà thơ Pháp, chỉ vừa đủ để tự vệ - tiếp ông rượu e rượu dầm không mua, nhà chật ở chung, trầm không gáy, e bất tiện hàng xóm, tri âm riêng có tác lòng với thơ, mấy lời lạm bàn, mong ông lượng thứ.

Tôi làm khổ chữ hay chữ làm khổ tôi?

Nguyễn Đức Tùng thực hiện



Người đầu tiên mà chúng tôi đến thăm trong dịp ghé Hà Nội tháng 4. 2007, là nhà thơ Lê Đạt. Chúng tôi gồm có Nguyễn Trọng Tạo, Du Tử Lê, Nguyễn Đức Tùng và một số bạn bè văn nghệ, đến nhà riêng của ông. Lê Đạt vừa dọn đến ở chung với người con trai được một năm, trong một khu phố yên tĩnh, hơi khó tìm đường. Trời Hà Nội sáng sớm mây mù, gió lao xao, mát mẻ dễ chịu. Đường nào cũng có nhiều cây xanh, nhưng không nghe tiếng chim hót. Trước ngõ nhà ông có vài gánh hàng rong, làm tôi nhớ đến Hà Nội ba mươi sáu phố phường của Thạch Lam. Lê Đạt tiếp chúng tôi trên căn gác nhỏ, nụ cười vui, dáng điệu nhanh, hỏi và trả lời dứt khoát. Trong câu chuyện, thỉnh thoảng ông phá lên cười. Trên vách tường sau lưng chỗ ông ngồi, có treo hai tấm hình. Một là tấm poster lớn đem về từ Ngày hội Thơ Việt Nam 15 tháng giêng âm lịch, tổ chức ở Văn Miếu Hà Nội, chụp chân dung của ông, phía sau là nền hoa mimosa vàng. Poster được chuẩn bị bởi nhà thơ trẻ Hữu Việt. Bên cạnh là giấy chứng nhận Giải thưởng Nhà nước 2007.

Nguyễn Đức Tùng: Thưa anh Lê Đạt, xin chúc mừng anh vẫn còn giữ được sức khỏe và sự minh mẫn để làm việc. Người yêu thơ anh, theo dõi báo chí, chắc chắn sẽ vui khi biết rằng anh vẫn làm thơ và vẫn dành rất nhiều sự quan tâm đối với thơ ca Việt Nam.

Lê Đạt: Rất mừng được gặp các anh từ nước ngoài về và ở trong Nam ra. Chúng ta có dịp gặp nhau như thế này là quý lắm. Tôi vẫn còn viết được nhưng không còn viết được nhiều như trước.

Một thân hữu văn nghệ: Anh có thường tập thể dục không?

Lê Đạt: Mỗi ngày tôi đều đi bộ hai tiếng đồng hồ bờ Hồ Tây. Khi lạnh thì mặc thêm áo ấm.

Du Tử Lê: Anh còn hút thuốc lá không?

Lê Đạt: Không, tôi đã bỏ thuốc từ lâu. Nay thì bỏ hết. Trước đây tôi cũng hút ghê lắm

Nguyễn Trọng Tạo: Đọc các bài viết trước đây, các ông ấy thường cho là các anh thuộc loại sống truy lạc (*cười*).

Lê Đạt: (*cũng cười*) Những việc ấy thì nhiều.

Nguyễn Đức Tùng: Trên poster nhân Ngày hội Thơ ở Hà Nội vừa qua, treo ở tường sau lưng anh, có “lời khuyên” của nhà thơ Lê Đạt “*Gửi người làm thơ trẻ*” như sau: “*Các nhà thơ trẻ để tránh khỏi nhạt nhẽo sáo mòn tuyệt đối không nên đến cửa hàng đặc sản gọi cho mình một món bi kịch.*” Tôi rất chú ý đến lời khuyên này. Anh cho rằng tuổi trẻ ngày nay không có bi kịch của riêng họ? Họ đến các cửa hàng đặc sản hơi nhiều phải chăng?

Lê Đạt: Tôi không thích từ “lời khuyên” lắm. Nghe nó đạo mạo quá. Ta thống nhất với nhau là đó chỉ là một từ dùng tạm nhé. Mỗi thế hệ đều có bi kịch riêng của mình. Vấn đề là anh có nhận ra cái bi kịch ấy không và có sống với nó hay không. Các nhà thơ trẻ ngày nay cần sống nhiều hơn cái không khí của thời đại mình như những người làm chúng và như những tác nhân. Ai cũng biết rằng trong thơ cái giả không sống lâu.

Nguyễn Đức Tùng: Anh cũng nói: “*Nên học thêm một, hai ngoại ngữ để có thể đọc được nguyên bản vì đọc thơ dịch là một việc vụn vặt đặc dẽ*”. Thưa anh, tác động của thơ nước ngoài đến thơ Lê Đạt như thế nào? Nói rộng ra, ảnh hưởng của thơ thế giới đối với thơ Việt Nam ra sao? Tôi hình dung rằng đây là một câu hỏi rất lớn.

Lê Đạt: Đúng là một vấn đề rất lớn. Thế hệ của tôi thường biết tiếng Pháp. Cũng có nhiều người đọc được cả tiếng Nga hay tiếng Anh, có người cũng đọc được chữ Hán. Ảnh hưởng là rất lớn, mình biết được người ta đã làm gì và đang làm gì. Học nhiều thứ. Học ở các bậc thầy cả về kĩ thuật làm thơ.

Nguyễn Đức Tùng: Nhờ các dịch giả mà người Việt Nam được đọc các tác phẩm lớn hoặc hay của thế giới, hãy lấy một vài ví dụ như *Sử ký Tư Mã Thiên* (Nhữ Thành), *Chiến tranh và hòa bình* (Nguyễn Hiến Lê), *Doctor Zhivago* (Nguyễn Hữu Hiệu), *Đèn không tắt bóng* (Cao Xuân Hạo), *Thơ Tagore* (Đỗ Khánh Hoan), *Bông hồng vàng* (Vũ Thư Hiên) v.v... Như vậy việc dịch thơ chẳng lẽ không đóng góp được nhiều vào việc thưởng thức và sáng tạo thơ ca hay sao?

Lê Đạt: Thơ khác với tiểu thuyết. Thơ rất khó dịch. Người nào đã đọc được trong nguyên bản rồi thì không thể chịu được bản dịch của thơ. Đọc giả bình thường thì có thể đọc thơ dịch, và lại cũng chẳng có cách nào khác, nhưng anh là người làm thơ thì anh nên cố đọc trong nguyên bản ít nhất một ngoại ngữ.

Nguyễn Đức Tùng: Anh cũng tâm sự tiếp với các nhà thơ trẻ như sau (cùng trên tấm poster): “*Các nhà thơ trẻ còn quá quen với cách làm thơ ngẫu hứng. Ai cũng biết cảm hứng là cần nhưng cảm hứng chỉ là khởi đầu, sau đó là mồ hôi và sự vật lộn với từng con chữ*”. Có người đọc thơ Lê Đạt lại tin rằng thơ anh đầy sự ngẫu hứng đối với ngôn ngữ.

Lê Đạt: Điều đó không sai. Nhưng muốn tạo được cái ấn tượng thơ mình là đầy ngẫu hứng, thì mình phải lao động cật lực.

Nguyễn Đức Tùng: Nhưng cũng có người khác lại cho rằng trong tập *Bóng chữ*, và những bài

thơ sau đó nữa, các con chữ bị vật lộn quá nhiều.

Lê Đạt: Những ý kiến khác nhau như thế càng chứng tỏ thơ của mỗi người chứa những yếu tố sáng tạo khác nhau. Tôi cũng biết đến những ý kiến chỉ trích rằng Lê Đạt là người làm khổ chữ. *Tôi làm khổ chữ hay chữ làm khổ tôi?* Việc đó còn hạ hồi phân giải. Thì tôi đã tự nhận là phu chữ kia mà.

Nguyễn Đức Tùng: Trên tập thơ *Mimôza* gần đây nhất, đăng ở *Hợp Lưu* số tháng 6&7 / 2006, anh có giải thích một đoạn rất hay về chữ mimôza. Một kỷ niệm gần như là tình yêu có thật trong đời.

*Nắng tạnh heo mây hoa lạnh
Mimôza chiều khép cánh mi môi xa*

Tôi rất thích hai câu này, so với nhiều câu khác của Lê Đạt, và cho nó là tiêu biểu cho trường phái thơ ngôn ngữ ở Việt Nam mà đại diện là Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, Đặng Đình Hưng.

Từ những năm 1960 và nhất là 1970, ở Mỹ cũng có trường phái thơ ngôn ngữ, có người gọi là L-A-N-G-U-A-G-E. Các anh có ảnh hưởng nào của các nhà thơ Mỹ không hay hoàn toàn là một sự tình cờ?

Lê Đạt: Là sự tình cờ.

Nguyễn Đức Tùng: Theo dõi các bài viết của anh trên *Hợp Lưu*, talawas, và những tờ báo khác thì thấy anh là một trong những người rất hiếm không những làm thơ mà còn chịu khó trình bày, diễn giải để giúp người đọc hiểu rõ hơn về thơ. Trong tập *Bóng chữ*, trước bài "Ông phó cả ngựa", anh có một đoạn mở đầu rất quan trọng.

*Bậc phó cả
để ít nhiều
Tạo hoá
Cùng cánh thợ*

Lê Đạt: Cám ơn anh đã nhắc đến đoạn này. Tôi vẫn tin rằng ngày nay cái đọc cần phải khác ngày trước, và người đọc cần tham dự vào quá trình sáng tạo của nhà thơ. Anh ta là đồng tác giả. Con ngựa của ông phó cả ngựa cũng là những con chữ sinh sôi bất tận.

Nguyễn Đức Tùng: Tập thơ *Bóng chữ* của anh lúc ra đời đã gây ra nhiều tranh luận sôi nổi. Sau nhiều năm im lặng từ thời kỳ *Nhân văn-Giai phẩm*, nhà thơ Lê Đạt trở lại với người đọc. Có thể hiểu rằng sự mong đợi của mọi người lúc đó đối với anh là rất lớn, nhưng họ không chờ đợi anh viết một loại thơ lạ như thế, khác hẳn thời kỳ NVGP. Hiện nay tình hình chắc đã khá hơn, và người ta không còn chỉ trích thơ Lê Đạt nữa?

Lê Đạt: Tình hình có khá hơn, nhưng vẫn còn nhiều người không hiểu hoặc không thích thơ Lê Đạt. Theo tôi đó là điều bình thường vì nhà thơ ít nhiều cách tân nào cũng kéo theo họ những người ủng hộ nồng nhiệt và những người chống đối. Tôi có nhớ Matisse đã phát biểu đại ý như sau: "*Ba mươi năm nay người ta không chữ bới tôi nữa, kể cũng hơi buồn.*"

Du Tử Lê: Các anh em vừa gặp nhau ở Sài Gòn xong lại kéo nhau ra Hà Nội để thăm anh và bạn bè khác. Những người viết ở nước ngoài thuộc thế trẻ hơn, như anh Nguyễn Đức Tùng, rất

chịu khó đọc và gặp gỡ. Tôi cho rằng phải đọc nhiều, gặp nhiều thì mới hiểu nhau được.

Lê Đạt: Chúng ta ngồi hết vào đây, sát vào nhau để dễ nói chuyện. Và để đoàn kết. Các ông ấy buồn cười, lúc nào cũng bảo mình nói sai chính sách. Mình nói hơi bị đúng. Mình lúc nào cũng đoàn kết. Tôi còn nói đùa rằng các anh ở ngoài ấy khi về gặp tôi nếu có mắng mỗ gì thì mắng mỗ đi, chứ đừng để bụng, để đau bao tử. Văn nghệ thì đối với nhau cứ phải cởi mở, vui vẻ, có gì thì nói thật hết. Chứ văn nghệ mà đối với nhau lại còn tệ hơn chính trị thì không vui. Văn nghệ phải vui hơn chính trị. Không có nghĩa là kém sâu sắc đâu nhé.

Nguyễn Trọng Tạo: Anh Nguyễn Đức Tùng từ Canada về, và anh Du Tử Lê từ Mỹ.

Lê Đạt: Anh Du Tử Lê cho mình gửi lời hỏi thăm bạn bè ở Mỹ. Tùng chuyển lời hỏi thăm đến Nam Dao giúp mình nhé. Nguyễn Trọng Tạo có đưa cho mình đọc bài phỏng vấn về thơ mới đây trên talawas của Nguyễn Đức Tùng và Nam Dao. Tốt lắm.

Đây là tấm poster trong Ngày Thơ Việt Nam, có trích những câu viết của mình. (*Nói đùa, cười*) Văn thật của mình chứ không phải là đạo văn đâu nhé. Cái cô Phan Huyền Thư khi không lại dính vào chuyện này. Nó lỡ làm như thế thì thôi đi, một số các anh lại gay gắt quá. Mình năm nay đã cổ lai hi rồi, nên thấy cái gì cũng thích nhẹ nhàng.

Du Tử Lê: Thừa anh, trong đợt phát Giải thưởng Nhà nước vừa rồi, có anh, anh Hoàng Cầm, và Phùng Quán phải không?

Lê Đạt: Có cả Trần Dần nữa. Tất cả là bốn người trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*.

Nguyễn Đức Tùng: Xin phép anh được chụp tấm hình cái poster Ngày hội Thơ của anh, trong đó có lời khuyên các nhà thơ trẻ, và chụp luôn cái hình của tấm bằng Giải thưởng Nhà nước treo bên cạnh.

Lê Đạt: Anh chụp cái poster, nhưng thôi đừng chụp cái hình Giải thưởng Nhà nước nữa. Cái vụ này nó làm tôi nhức đầu lắm (*cười*).

Tôi vừa đọc xong mấy bài viết về vấn đề của Phan Huyền Thư. Các anh ở hải ngoại thì quyết liệt quá, mặc dù các anh đúng. Rồi các anh trong nước cũng khe khắt quá. Tôi vừa đọc bài của anh Nguyễn Hoà ở Hà Nội xong. Tôi không phải là người chủ trương hoà cả làng, về văn chương cái gì cần phê bình thì phải phê bình, nhưng nói nặng quá thì người ta không sửa được. Cái sự đoàn kết lẫn nhau nó vẫn hay hơn là đánh lẫn nhau.

Tôi ngẫm ra thế này: Chúng ta đánh nhau rồi có lúc còn ngồi lại với nhau không? Làm sao mà không ngồi lại được? Vậy thì phải ngồi lại với nhau thôi, thế thì đừng nên nói với nhau như hất nước đổ đi. Chuyện gì bỏ qua được thì bỏ qua, tôi nghĩ không nên giận cá chém thớt. Trên các diễn đàn thì phải phê bình nhưng đừng nên vì giận nhà nước mà giận lây sang cả những chuyện khác.

Chúng ta đều là văn nghệ sĩ, mà văn nghệ sĩ thì chế độ nào cũng bị bạc đãi, thế thì chúng ta phải thương nhau. Từ kinh nghiệm cá nhân của tôi mà ra, tôi thấy văn nghệ sĩ mà không biết thương nhau mà chờ chính trị thương mình là một ảo tưởng quá lớn.

Trong khi phê bình lẫn nhau, thì đừng rút ván chặt cầu.

talawas là một diễn đàn có uy tín, đó là một cơ quan phản biện hay. Nhưng đôi khi vẫn biến *đổi*

thoại thành đối thoại (cười).

Nguyễn Đức Tùng: Thưa anh, trong các cuộc tranh luận, nhất là khi đến hồi gay gắt, ngay cả những người chủ trương các tờ báo hay các diễn đàn cũng không thể hoàn toàn kiểm soát được. Và lại tôi nghĩ nếu anh kiểm soát gắt gao quá thì nó lại mất đi cái không khí tự nhiên của sự tranh luận.

Nguyễn Trọng Tạo: Cái đó một phần cũng vì Phan Huyền Thư có thái độ không rõ ràng.

Lê Đạt: Tôi không phải chỉ nói về vụ Phan Huyền Thư. Cô ấy còn trẻ, và đây chỉ là một tai nạn giao thông nhẹ. Tôi muốn nói đến sự đối thoại nói chung trong văn học và ngoài xã hội.

Nếu các anh đọc tôi từ những năm 80, thì tôi đã viết về chuyện nên đối xử như thế nào với nhau trong văn nghệ. Theo tôi, sau một cuộc chiến tranh, anh em trong nhà ai thắng ai thua không quan trọng lắm, vấn đề quan trọng là còn có đường đi lại với nhau hay không. Nghĩ được như thế thì thấy nhẹ nhàng. Ai thắng ai thua mà làm gì, các anh đánh nhau thì chỉ có thơ là thua mà thôi (cười).

Tôi chủ trương cần có sự hoà thuận giữa người Việt Nam ở miền Bắc và ở miền Nam, người trong nước và người ở hải ngoại. Cái đó là quan trọng nhất. Còn ai thắng ai thua không hề quan trọng đối với tôi. Những ranh giới như vừa rồi không phải là khái niệm địa lý, mà là khái niệm tâm thức.

Người ta cố gắng chính trị hoá chúng ta, thì chúng ta phải chống lại cố gắng chính trị hoá đó. Làm thơ rất khổ sở, chứ có sung sướng gì đâu. Ví dụ như tôi nói vài câu xúc phạm đến anh Du Tử Lê đang ngồi đây, thì làm sao lần sau tôi gặp anh ấy được nữa. Vì vậy những gì bỏ qua được thì nên bỏ qua. Thơ trong nước đã chính trị hoá rồi, thì thơ ngoài nước cũng không nên quá chính trị hoá nữa. Chỉ thỉnh thoảng mới có một vài ông thi sĩ làm quan lớn mà thôi, chứ bọn làm thơ chúng ta đa số là sống nghèo khổ thì phải thương nhau chứ.

Nguyễn Đức Tùng: Những cuộc tranh luận văn học mặc dù đúng là làm cho không khí sinh hoạt có khi nặng nề, nhưng mặt khác lại đặt ra được những vấn đề mới. Miễn là chúng được giữ trong biên giới của sự lành mạnh và thuần tuý văn học. Tôi nghĩ là không nên tránh các cuộc tranh luận.

Lê Đạt: Tránh làm gì? Và tránh cũng không được. Tôi cũng tin rằng chỉ có tranh luận và dân chủ thì mới có tiến bộ. Tôi chỉ muốn nói rằng đối với những trường hợp có tính cách cá nhân quá thì nên rộng lượng bỏ qua. Cần có cái nhân ái ở bên trong.

Có một chuyện cổ tích nói về một ông quan toà xử một phạm nhân, sau đó nổi lên giặc dã, ông chạy loạn qua đúng nơi lãnh địa của người bị ông xử tội. Ông tưởng rằng bị anh ta trả thù, nhưng không. Ông hỏi thì được trả lời rằng: ông xử tôi đúng, mà khi xử thì khuôn mặt ông rất buồn rầu chứ không tỏ vẻ khoái chí hay vui vẻ. Vì vậy mà tôi biết tấm lòng của ông.

Nguyễn Đức Tùng: Như vậy là anh muốn nói đến thái độ đối với nhau, hơn là nói về nội dung công việc.

Lê Đạt: Phải rồi. Như vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ngày xưa, nhiều người xúm nhau lại đánh chúng tôi. Lại còn phân công người nào đánh người nào.

Nguyễn Trọng Tạo: Người ta gọi là đánh hội đồng văn chương. Ý anh Lê Đạt nói là bây giờ

cũng có hiện tượng như thế đối với một vài cá nhân.

Lê Đạt: Ngày trước có lần Trần Dần kể cho tôi nghe rằng Nguyễn Đình Thi kéo anh ta ra một nơi và bảo: chúng nó phân công tao đánh mày, mày thông cảm. Trần Dần bảo rằng: thì việc mày, mày cứ làm. Nhưng mấy hôm sau khi đọc bài Nguyễn Đình Thi đánh *Nhân văn-Giai phẩm* thì anh ấy ngã ngựa, vì bài ấy viết nặng nề và ác quá.

Nguyễn Đức Tùng: Mở rộng ra các bài viết khác như của Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Mạnh Phú Tư v.v... anh có cùng một nhận xét ấy hay không?

Lê Đạt: Các bài viết ấy đều tương tự như thế.

^[1]Trong thời gian nằm bệnh tại quân y viện, tôi được biệt đãi phần ăn 230 đồng mà không phải khấu trừ vào lương. Ở trên quản lí số tiền này ra sao tôi không rõ, chỉ thấy tận mắt là nhà bếp có phần thịt kho mỡ phát ra cho các xe để phân phối cho từng trại, các bà đẩy xe trích phần thịt bỏ bịch ny lông. Tôi có sức, đẩy xe cho các bà thì được trả công vài cục mỡ, khay ăn đến giường bệnh thì chỉ còn nước thịt và 1 miếng mỡ tượng trưng. Vì vậy nên có vụ y sĩ đại úy Hà Thúc Nhơn ở Nha Trang dẫn thương binh làm loạn và bị bắn chết tại quân y viện Nguyễn Huệ. Nay biết là tù binh cộng sản được 4-5 USD/ngày nên chẳng bao giờ nghe nói họ làm loạn trong trại!

^[2]Chuyện thứ nhất nổi tiếng ở cao nguyên làm nên danh một đại úy (Phạm Hữu Tài): Ông tư lệnh quân khu là người văng tục đều đặn với thuộc cấp, vừa mắng vừa chửi thề vừa quơ gậy chỉ huy về bất cứ việc gì. Đại úy trên vào một bận họp đưa tay xin phát biểu “Tôi vào quân đội để phục vụ đất nước, tôi đi lính có một mình, không mang mẹ tôi theo để thiếu tướng chơi, sao thiếu tướng lại ĐM tôi”.

Chuyện thứ nhì hi hữu không kém, nổi tiếng ở đồng bằng làm nên danh một đại tá (Mạch Văn Trường): Bay thị sát mặt trận ông vào tần số điện đàm của địch, trao đổi thì bị địch cho ăn đủ thứ con ở trên máy. Đại tá này bèn trả lời “ Ta sẽ cho mi ăn một nắm kẹo đồng”!

Nguyễn Đức Tùng: Gần đây việc anh và ba nhà thơ khác được Giải thưởng Nhà nước đã gây ra những dư luận khác nhau. Về mặt chính thống, dĩ nhiên là việc trao giải thưởng đồng nghĩa với việc công nhận đóng góp của các anh vào sự phát triển của nền văn học Việt Nam. Nhưng một số dư luận cho rằng cái phương cách mà nhà nước tặng giải thưởng và cái phương cách mà các anh nhận giải thưởng là có vấn đề. Trước khi nói về điều này, tôi nghĩ rằng trước hết cần thấy bản thân giải thưởng là một điều tốt đẹp cho cá nhân những người được giải thưởng. Trước hết là như thế đã. Còn điều đó có tốt cho nền văn học nói chung và có đáp ứng được các câu hỏi của lịch sử hay không lại là chuyện khác.

Vì vậy về phương diện cá nhân, tôi xin chúc mừng anh Lê Đạt.

Lê Đạt: Cám ơn anh. Có người chê tôi là việc nhận giải thưởng là một việc “không anh hùng”, thì từ thuở biết nghĩ đến giờ, tôi có bao giờ rắp tâm làm một anh hùng đâu? Nói như Montaigne “*Tôi chỉ mong muốn sống một cuộc đời có thể lượng thứ được*”.

Nguyễn Đức Tùng: Như thế người ta có thể hiểu rằng hành động nhận giải thưởng của anh và anh Hoàng Cầm là một cử chỉ đẹp, một cử chỉ cao thượng, đúng thế không?

Lê Đạt: Đẹp xấu gì cũng được. Tuỳ. Làm sao tôi có thể từ chối giải thưởng, vì bên cạnh tôi còn có vợ con anh Trần Dần, vợ con anh Phùng Quán và vợ con tôi. Tôi không nhận sao được? Thú thật với anh, bao giờ đối với vợ con, tôi cũng có mặc cảm tội lỗi. Nhất là với vợ tôi, việc tôi làm *Nhân văn* đã phá hỏng cả cuộc đời nghệ thuật của cô ấy.

*Lòng nguyên xanh rừng non xuân trụi lá
Oan chồng thương bạc má vẫn công*

Số tiền mấy chục triệu của giải thưởng đâu có lớn với tôi. Mà cái danh vị của nó cũng đâu có lớn. Tôi đâu có cần nó để đánh bóng.

Nguyễn Đức Tùng: Tôi nghĩ thế này: những người phản đối việc trao giải thưởng không phải là họ phản đối anh, thậm chí ngược lại, họ là những người rất yêu mến anh. Theo dõi trên báo chí, cũng như trò chuyện với nhiều người, kể cả những người đang ở trong nước, tôi thấy họ có hai điều quan tâm. Thứ nhất là, nhà nước trao giải thưởng theo một phương cách không được đàng hoàng, và như thế là xoá sổ món nợ *Nhân văn-Giai Phẩm* một cách nhẹ nhàng, không xứng đáng với một vấn nạn văn học và xã hội. Thứ hai là, cái cách mà các anh nhận giải thưởng.

Lê Đạt: Nhà nước nào cũng “xin” trong việc trả nợ nhân dân.

Nguyễn Đức Tùng: Nghe nói rằng hình như khi phát giải thưởng, nhà văn Đỗ Chu, mà thú thật tôi không biết là ai, có nói lời xin lỗi riêng đối với anh?

Lê Đạt: Đỗ Chu nói nhiều câu rất hay, nhưng chỉ với tư cách cá nhân của anh ấy mà thôi, chứ không đại diện cho nhà nước hay một tổ chức nào cả. Nhiều người nghe, nhưng sau đó chỉ có tôi là nhắc lại một câu của anh ấy trong nhiều câu khác. Về cái sự xin lỗi của anh em.

Nguyễn Đức Tùng: Tôi tin là chúng ta cần thấy rằng những tranh luận liên quan đến vấn đề Giải thưởng Nhà nước đối với các nhà thơ *Nhân văn-Giai phẩm* sẽ còn lâu dài và rộng lớn, và không chỉ giới hạn trong cá nhân của các anh. Thậm chí các anh cũng không phải là trọng tâm. Trọng tâm của vấn đề nằm ở sự khác nhau của các quan điểm. Mặt khác, tuy các quan điểm này có thể rất khác biệt, chúng vẫn bổ sung cho nhau, hơn là triệt tiêu lẫn nhau. Việc nhận giải thưởng của anh không hề giúp chấm dứt các cuộc tranh luận. Nó cũng không làm tăng lên hay giảm đi các giá trị của phong trào *Nhân văn-Giai phẩm*.

Lê Đạt: Món nợ *Nhân văn* không phải chỉ là món nợ giữa nhà nước với anh em chúng tôi. Đó là món nợ của nhà nước với lịch sử. Và lịch sử bao giờ cũng sống phẳng. Tôi tám mươi tuổi rồi, sắp chết rồi, khen chê đối với tôi cảm bằng như gió bay đi.

Nguyễn Đức Tùng: Những người phản đối việc anh nhận giải thưởng tin rằng nhà nước cần đưa ra một lời xin lỗi và giải thích chính thức đối với vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, và điều này quan trọng hơn gấp trăm lần so với việc trao tặng giải thưởng.

Lê Đạt: Như thế là người ta quên rằng nước Việt Nam không phải là nước Mỹ, không phải là nước Pháp. Nhà nước ta không có thói quen xin lỗi người dân.

Nguyễn Trọng Tạo: Như thế là không đàng hoàng.

Lê Đạt: Nhà nước không phải bao giờ cũng đàng hoàng.

Một thân hữu văn nghệ: Nhà nước chưa đàng hoàng bao giờ cả?

Lê Đạt: Nói *chưa bao giờ* thì tuyệt đối quá. Đàng hoàng là một thói quen khó khăn. Nhà nước cũng phải học tập để có thể tăng cường chất đàng hoàng và chúng ta nên khuyến khích nhà

nước làm việc đó.

Nguyễn Trọng Tạo: Đây là Bộ trưởng Văn hoá nói với tôi. Khi có ý kiến đề nghị các anh trong *Nhân văn-Giai phẩm* được giải thưởng thì có nhiều ý kiến không thuận, chống lại. Có người đòi kiện. Kiện rằng bọn NVGP là bọn phản động chống Đảng, thế thì các anh cho phép họ ngồi cùng chiếu với chúng tôi à. Có những ý kiến rất mạnh mẽ như thế. Ông Bộ trưởng nói với tôi rằng, vì chuyện này mà phải ngồi đọc tài liệu về NVGP. Việc này của ông mất bảy ngày mới xong, để tìm ra những bằng chứng về chuyện phản động hay không phản động. Đọc xong thì ông quyết định ủng hộ việc trao giải thưởng, và chuẩn bị kế hoạch giải trình với chính phủ. Cuối cùng được sự nhất trí cao. Như vậy việc này cũng không đơn giản về phía những người ủng hộ, kiểu như nói một cái là xong.

Lê Đạt: Một số người thắc mắc tại sao tôi gọi việc trao giải thưởng là một cử chỉ đẹp. Tôi cho rằng việc nghĩ lại của con người, nhất là của con người quyền hành, là một cử chỉ đẹp và nên khuyến khích để cổ vũ những cử chỉ đẹp khác. Trong phạm vi nhà nước cũng có những người có thiện chí. Mình phải khuyến khích thiện chí của họ.

Nguyễn Trọng Tạo: Họ chưa tốt thì làm cho họ tốt, họ tốt rồi thì làm cho họ tốt hơn.

Nguyễn Đức Tùng: Gặp anh thì thấy tính anh rất vui vẻ cởi mở. Có thể vì thế mà một số người hiểu lầm rằng anh đã nhận giải thưởng một cách dễ dãi, hồn nhiên, thiếu suy nghĩ chăng?

Lê Đạt: Cũng có thể là thiếu suy nghĩ với một số người. Thì tôi nhận xoàng vậy. Nhưng không phải cứ đắn đo suy nghĩ thì phải mặt mày nhăn nhó, đau khổ.

Vụ án NVGP lớn như thế, đau khổ như thế, mà trong những ngày đó tôi cũng chỉ cười mà thôi. Cách đây mấy năm một đài phát thanh ở Cali gọi về cho tôi đêm 30 Tết. Anh phụ trách hỏi tôi rằng nghe nói anh Lê Đạt có cái cười đặc biệt lắm, anh có thể cười để chúc giao thừa đồng bào không? Hôm đó tôi cười đúng năm phút đồng hồ (*cười... một phút*). Đó có thể coi là một kỉ niệm đẹp. Cũng may hôm đó không có quý ngài nào hảo ý giúp đỡ: Lê Đạt nhét túi được bao nhiêu đô mà cười phởn thế. Điều thật đáng buồn trên đời có lẽ là sự hiểu lầm của những người mình vẫn nghĩ là bạn bè. Có một nhà văn ở hải ngoại hỏi tôi rằng: hiện nay nhà nước đối với anh thế nào. Tôi trả lời: tôi có cảm tưởng hiện nay họ đã chuyển tên Lê Đạt từ sổ đen lên sổ đỏ trong hàng ngũ những động vật...

Nguyễn Trọng Tạo: Động vật quý hiếm, sắp tuyệt chủng (*mọi người cùng cười*).

Lê Đạt: Những cuộc đua tranh, những nỗi đau khổ trần gian chỉ vừa thòi gian một tiếng cười. Nhưng nếu các anh nghiêm túc, thì tôi cũng đâu có phản đối. Tôi đâu có chống lại những người nghiêm túc. Nhưng nếu các anh buộc tôi phải nghiêm túc thì chắc là không được. Chỉ có một điều cần nhắc là muốn đấu tranh cho dân chủ thì phải dân chủ với nhau trước.

Nguyễn Trọng Tạo: Khi phát giải thưởng cho anh Hoàng Cầm, không ghi nhận tác phẩm *Về Kinh Bắc*.

Lê Đạt: Tôi đồng ý với anh Nguyễn Trọng Tạo. *Về Kinh Bắc* chính là Hoàng Cầm.

Nguyễn Đức Tùng: Nhân anh nhắc đến Hoàng Cầm, xin đặt câu hỏi với anh. Thừa anh, vụ án NVGP thực chất là một vấn đề văn học thuần tuý hay là một vụ án chính trị, hay là cả hai?

Lê Đạt: Nó là cả hai. Đối với chúng tôi là văn học. Đối với chính quyền là chính trị.

Nguyễn Đức Tùng: Như thế là rõ. Những người tham gia vào NVGP nhưng không phải là các nhà thơ như Lê Đạt, gồm có Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang v.v... có vai trò như thế nào?

Lê Đạt: Mỗi người một công việc khác nhau. Anh Nguyễn Hữu Đang là một nhà hoạt động văn hoá lâu năm đáng kính. Anh có công lớn trên mặt trận chống đốt, xoá nạn mù chữ. Phan Khôi và Trương Tửu là những trí thức có uy tín, nhưng không phải là những người ngoan ngoãn vâng lời. Họ không muốn trở thành những nhà *trí ngữ*.

Nguyễn Đức Tùng: Hiện nay những người trí thức như thế, ở Việt Nam, nhất là trong giới văn học nghệ thuật, có còn không?

Lê Đạt: Vẫn còn, nhưng không nhiều.

Nguyễn Đức Tùng: Hôm qua, anh Nguyễn Thụy Kha có cho tôi và anh Du Tử Lê xem các cuốn *Giai phẩm* mà anh ấy giữ được từ hồi còn nhỏ. Anh cẩn thận cuốn chúng lại trong tờ báo *Nhân dân* cũ, giấu trên nóc nhà, trước khi đi bộ đội vào Nam. Khi giải ngũ về nhà, anh rất mừng vì chúng vẫn còn nguyên vẹn. Tôi được xem những tờ báo sống sót qua năm mươi năm sóng gió, thật là cảm động. Trong bộ *Giai phẩm* có rất nhiều người mà sau này ít được nhắc tới như Sĩ Ngọc, Trần Lê Văn... Những người này có vai trò như thế nào?

Lê Đạt: Các anh Trần Lê Văn, Sĩ Ngọc v.v... không những viết bài mà còn tham gia vào việc cổ động anh em viết.

Nguyễn Đức Tùng: Trong tập *Giai phẩm mùa Xuân 1956*, với cái bìa màu xanh được trình bày giản dị mà sang trọng, do nhà Minh Đức- Thời Đại xuất bản, ngay sau lời nói đầu, là bài thơ của Lê Đạt. Tôi xin đọc lại bài thơ ấy:

Làm thơ

*Đêm khuya
Bóng đầu anh
Hằn trên trang sách nhỏ
Như bóng hàng cây quặn gió
Lắng xuống mặt đường
Giông bão mệnh mông
Anh nhìn Tổ quốc
Đất nước đêm nay trĩu đầu ngòi bút
Hàng vạn vần thơ mang nặng tình người
Anh nghe tiếng đất trời
Xao động lùm cây ngọn cỏ
Như người hiệu thính viên
Đêm không ngủ
Ghi những lời cuộc sống
điện về
Những tiếng nặng nề
Những tiếng cục cằn uất ức
Những tiếng căm thù chua xót
Những tiếng yêu thương...*

Chất say đắm nồng nàn, tình yêu và sự xả thân vì cuộc sống thật là đáng quý. Ngày nay tại sao thơ Lê Đạt không còn như trước nữa?

Lê Đạt: Có nhiều cách nồng nàn và xả thân. Đọc lại tôi vẫn quý những bài thơ tuổi trẻ nhưng tôi không thích viết như thế nữa. Người ta không nên đòi hỏi nhà thơ suốt đời chỉ làm một cách thơ giống nhau.

Nguyễn Đức Tùng: Cũng có một lý do ngoài văn học là sau khi bị liên lụy về vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, tự khắc người ta phải viết khác đi để tồn tại. Anh có tin vào một thứ thơ phi chính trị? Ngày nay nhìn lại *Nhân văn-Giai phẩm*, anh có hối hận về những việc mình đã làm không?

Lê Đạt: Tôi không hề hối hận. Những việc anh em làm hồi đó tôi vẫn tin là đúng. Người sai không phải là chúng tôi. Khi nào có thời giờ có lẽ chúng ta phải xác định với nhau thế nào là thơ phi chính trị (!)

Nguyễn Đức Tùng: Các nhà văn ở miền Bắc thường không biết đến, hoặc không quan tâm, hoặc là cả hai, đối với hai dòng văn học lớn là văn học miền Nam trước 1975 và văn học ở hải ngoại sau 1975. Lê Đạt là một trong những người rất hiếm thường có bài xuất hiện trên các tờ báo hải ngoại. Anh cũng đi rất nhiều, và viết những bài thơ lãng mạn và say đắm ở Pháp.

*Chân quận mười ba quận ra mười bốn
Cỏ trăm đường cúc trắng ngồn ngang xanh*
("Pakorét")

(Pâquerette là loại hoa cúc trắng nhỏ)

Anh là một trong những nhà thơ dùng nhiều hình ảnh và khai thác sự liên tưởng (associations) một cách mạnh mẽ. Anh có đọc văn học miền Nam không và nghĩ sao về nó?

Lê Đạt: Tôi cho rằng văn học Việt Nam là một, bất cứ nhà văn nào viết tiếng Việt cũng đều là nhà văn Việt Nam. Do điều kiện chính trị và lịch sử, chúng ta ít được đọc nhau, đó là điều đáng tiếc. Thú thật, tôi cũng không đọc được nhiều.

Nguyễn Đức Tùng: Nhưng ít được đọc nhau không có nghĩa là phủ nhận nhau.

Lê Đạt: Phủ nhận làm sao được. Đó là vốn văn hoá của dân tộc mình. Bây giờ nói về các nhà thơ ở miền Nam trước đây. Những người như Bùi Giáng, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền... Tôi rất kính trọng các ông ấy. Nhưng tôi ít đọc và rất ít hiểu biết về họ, như thế làm sao tôi có thể viết về họ được. Nhưng không viết về họ không có nghĩa là tôi không kính trọng hay quan tâm. Có thể là sau này tôi sẽ viết, nếu như tôi có đủ thời gian, nhưng như thế tôi phải đọc rất kĩ hoàn cảnh xã hội miền Nam và văn chương thời ấy. Mà tôi và nhiều người ở miền Bắc lại không có điều kiện.

Du Tử Lê: Thừa anh làm thế nào để các nhà văn miền Bắc và miền Nam, trong nước và hải ngoại có thể hiểu biết nhau hơn?

Lê Đạt: Cần phải mở rộng quan hệ, đi lại, trao đổi, cần phải vượt qua các thành kiến do những chính quyền khác nhau cố tình dựng nên. Quan trọng nhất tôi nghĩ là cần phải bám sát tác phẩm. Tranh cãi cho ra nhẽ. Không phải là chín bỏ làm mười đâu nhẽ. Nhưng cái gì có thể bỏ qua thì hãy bỏ qua, cái gì cần quyết liệt thì phải quyết liệt. Nhưng trong một tinh thần mà tôi gọi

là ái hữu văn nghệ.

Nguyễn Đức Tùng: Tinh thần ái hữu mà anh nói, hiện nay có phổ biến giữa các nhà thơ, nhà văn ở trong nước, ở Hà Nội hay không? Và nhất là ở những người viết trẻ?

Lê Đạt: Tôi có cố gắng truyền đạt cái tinh thần ấy trong giới hạn của tôi, nhưng có làm được hay không thì tôi không biết. Đi đâu tôi cũng truyền đạt cái ý kiến ấy.

Nguyễn Đức Tùng: Những người viết trẻ ngày nay có còn cái nhiệt huyết đi làm những chuyện thay đổi xã hội theo một lý tưởng nào đó, hay không? Hay thơ của họ chỉ là những tiếng động mơ hồ phía sau các bức tường mà người khác dựng nên?

Lê Đạt: Các nhà văn nhà thơ trẻ Việt Nam hiện nay thích nổi tiếng quá. Theo tôi là không nên. Người viết không nên quá quan tâm đến sự nổi tiếng. Nhưng đứng về mặt phạm trù mà nói: Không tuổi trẻ thời nào kém thời nào cả. Họ chỉ khác nhau.

Nguyễn Đức Tùng: Tôi xin phép có sự khác biệt ý kiến với nhiều người ở đây. Tôi không nghĩ rằng so với các thế hệ trước, người viết trẻ thích nổi tiếng hơn. Mà nếu họ có thích nổi tiếng thật, thì điều đó cũng không có hại gì, thậm chí còn có lợi cho sự kích thích sáng tạo. Vấn đề có vẻ như là nằm sâu hơn chuyện thích nổi tiếng. Hình như anh cho rằng thế hệ ngày nay có một cái gì đó không được như chúng ta mong muốn. Tại sao thế?

Lê Đạt: Thích nổi tiếng không phải là một tội. Nổi tiếng cũng thú vị lắm chứ, nhưng không nên lấy đó làm mục đích của đời mình. Cái thiếu sót chính của thế hệ trẻ hiện nay là vốn văn hoá. Trong văn chương không có trình độ, không có vốn văn hoá, thì anh khó đi xa được.

Nguyễn Đức Tùng: Và khó làm ra cái mới? Có thể chia con đường thơ của Lê Đạt làm hai giai đoạn. Giai đoạn NVGP và trước đó. Giai đoạn sau này lặng lẽ sáng tác nhưng không được xuất bản trong nhiều năm. Anh so sánh như thế nào thơ Lê Đạt qua hai giai đoạn này. Nhiều người lấy làm tiếc rằng anh không còn làm thơ như thời kì NVGP nữa.

Lê Đạt: *Nhân văn* hay hậu *Nhân văn*, tôi bao giờ cũng là người lấy đời mình ra đánh cược, được ăn cả ngã về không. Nhưng công bằng mà nói tuổi trẻ không ít người cũng thích tôi và thích thơ tôi. Tôi cũng rất quý mến họ. Có thể trả lời bằng thơ cho ngắn gọn hơn:

*Gắng chữ với thời gian tri kỉ
U thất tuần bồ nhí mộng hãm*

Nguyễn Đức Tùng: Như thế là sau khi bị đánh thời kì NVGP, các nhà thơ như Lê Đạt chuyển hướng sáng tác vì lý do chính yếu là để khỏi bị đánh, hơn là vì nhu cầu nội tại của sáng tạo văn học?

Lê Đạt: Sáng tạo văn học bao giờ cũng do đòi hỏi nội tại. Những lí do khác chỉ là phụ.

Nguyễn Đức Tùng: Anh có dịp đọc loạt bài “Thơ đến từ đâu” trên talawas hay không?

Lê Đạt: Có, tôi có đọc. Các bài phỏng vấn về thơ ấy rất tốt, rất có ích cho những người làm thơ và yêu thơ. Tôi nghĩ là trong nước cần phải đọc nhiều. Tôi cũng thấy nhiều điều mới. Nên làm. Giỏi lắm (*cười*). Nhưng các bài phỏng vấn Tùng đừng có làm dài, làm ngắn thôi. Tôi già rồi, đọc mỏi mắt lắm, mặc dù rất thích.

Nguyễn Trọng Tạo: Những người trả lời phỏng vấn thường phải trả lời dài mới nói hết ý của họ. Vả lại còn có nhiều vấn đề mà các nhà thơ chưa có dịp thể hiện ý kiến của mình ở những nơi khác.

Nguyễn Đức Tùng: Các nhà thơ trẻ hiện nay ở Hà Nội như Nguyễn Thế Hoàng Linh, Nguyễn Vĩnh Tiến, Vi Thuỳ Linh, Phan Huyền Thư, Nguyễn Thuý Hằng... có những đóng góp như thế nào đối với văn chương Việt Nam?

Lê Đạt: Tôi quý họ như quý tương lai của thơ Việt Nam. Họ cần phải thấy rõ trách nhiệm ấy và lao động thơ nghiêm túc hơn nữa.

Nguyễn Đức Tùng: Gần đây ở Việt Nam có phong trào thơ trình diễn. Anh nghĩ sao?

Lê Đạt: Tôi chưa đủ thông tin để kết luận. Nhưng tôi thấy nhà thơ cần cảnh giác với từ "diễn".

Nguyễn Đức Tùng: Anh có nói những điều vừa rồi với những người làm thơ trẻ hay không?

Lê Đạt: Có chứ. Tôi có nói nhiều. Nghe thì họ cũng tiếp nhận, nhưng về nhà lại quên đâu mất. Những trào lưu thời thượng tuổi trẻ bao giờ cũng thích, nhưng họ chán ngay ấy mà.

Nguyễn Đức Tùng: Thơ Việt Nam sẽ đi về đâu?

Lê Đạt: Một nền thơ hay bao giờ cũng là hạnh phúc và cơ may của một dân tộc. Có thể có những thời gian mà hạnh phúc và cơ may ấy không xảy ra. Thế kỉ XVIII chẳng hạn, thơ Pháp chẳng mất mùa trăm trọng đó sao?

Nguyễn Đức Tùng: Ở đây có những ý kiến khác nhau. Các nhà thơ mới cần có những thể nghiệm mới. Văn chương rất cần các thể nghiệm để tấn công vào các biên giới. Đó là con đường sáng tạo mà thời nào cũng đặt ra. Chẳng lẽ một người thường thể nghiệm ngôn ngữ như anh cũng chống lại sự thể nghiệm của thế hệ trẻ hay sao?

Du Tử Lê: Hay vì thơ của họ không thật?

Lê Đạt: Tôi chống là chống cái không thật, cái giả vờ, chứ các thể nghiệm thì sao lại chống. Ưu điểm của lớp trẻ là không biết điều, chứ nếu biết điều quá thì lại thành ông già à? Vấn đề là cái không biết điều ấy phải là cái không biết điều chân thật.

Du Tử Lê: Thừa anh, thay mặt cho một số bạn bè văn nghệ của riêng tôi ở hải ngoại và ở miền Nam trước đây, tôi xin gửi đến anh lời chúc sức khỏe. Về Hà Nội, được nhìn thấy anh khỏe mạnh như thế này, anh em rất vui. Anh Nguyễn Đức Tùng thuộc vào thế hệ sau tôi, có thể gọi là chuyển tiếp đến thế hệ trẻ hiện nay. Cá nhân tôi, người đọc rất kĩ NVGP và thơ Lê Đạt, ngay cả trước năm 1975, hết sức quý mến anh và các anh Hoàng Cầm, Dương Tường, và những người khác. Như một người làm thơ, tôi nghĩ là tôi học được ở các anh nhiều điều. Vì vậy nhân đây, xin được cảm ơn anh. Thêm nữa, tôi rất mong quan hệ văn chương giữa anh em miền Bắc trước đây và miền Nam trước đây, giữa trong nước và ngoài nước ngày một tốt đẹp, không còn ngăn cách.

Lê Đạt: *(Cười)* Cảm ơn anh. Tôi rất ghét sự ngăn cách.

Du Tử Lê: Chúng ta chỉ có một Tổ quốc, và một ngôn ngữ là tiếng Việt.

Lê Đạt: Tôi xin đọc một bài thơ để tặng các anh. Một bài thơ tình (*ngâm, lim dim mắt*).

*Anh đến mùa thu nhà em
Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ
Mà cho đầy rửa lông mày
Nông nổi heo may từ đó
Mưa đêm tuổi nổi ao đây
Đôi cốm đường thon ngõ cỏ
Bướm lượn bay hoa ngày
Tin phấn vàng hay thuở gió
Tóc hong mùi ca dao
Thu rất em
Và xanh rất cao*

Nguyễn Đức Tùng: Thơ của anh trong bài này đậm tính ca dao. Không mới lắm so với nhiều bài khác nhưng rất tinh tứ. Trong thơ Lê Đạt có chất dân gian không?

Lê Đạt: Tôi rất thích ca dao. Nhưng là ca dao sinh sự. Trong đời sống, tôi không phải là người ưa sinh sự. Nhưng đã làm thơ thì thế nào cũng phải sinh sự. Sinh sự mới tạo ra sự sinh được.

Nguyễn Đức Tùng: Xin cảm ơn anh. Tiếp lời anh Du Tử Lê, tôi xin thay mặt độc giả chúc anh mạnh khỏe và sáng tác lâu dài.

Nhà thơ Lê Đạt tiễn chúng tôi ra đường. Mọi người đứng lại nói chuyện một lúc nữa và chụp một số bức ảnh kỉ niệm. Sau cuộc nói chuyện dài, ông vẫn tươi tỉnh, không lộ vẻ mỏi mệt. Hy vọng rằng ông sẽ khỏe lâu như lời chúc của chúng tôi.

© 2007 talawas

Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản qua thơ Lê Đạt Xuân Diệu

Nhà thơ Pháp A-ra-gông (Aragon) có lúc (1943) đã phải cay đắng thốt ra rằng: sao mình lại phải lấy những vần thơ tiếng Pháp để mà nói những cái trại tù đầy của Quốc xã Đức! Tôi xin thú thật rằng: phải mấy lần viết về cái gọi là văn thơ của nhóm phá hoại *Nhân văn–Giai phẩm*, tôi chẳng lý thú gì; tôi thích dùng tiếng mẹ đẻ để ca hát, nói nổi lòng tôi rung động với Tổ Quốc, với nhân dân, hơn là để xâu lại một chuỗi dài dơ dáy những thứ thơ xấu xa phản trắc. Nhưng, những Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt... đã cố ý làm xú độc cái không khí văn thơ của ta, nên chúng ta phải quét cho sạch, phải tẩy độc; thực ra, người không thể yên ổn mà làm việc tốt được, khi ma quỷ hãy còn lẫn với người. Nhóm *Nhân văn–Giai phẩm* có cả một kế hoạch dùng ngòi bút phá hoại ta; chúng ta đã vạch cái chân tướng phản động về chính trị của họ; tuy nhiên, có người còn có thể làm, cho rằng “sáng tác” của bọn họ còn có cái hay. Tôi hãy lấy thơ Lê Đạt làm một ví dụ để vạch ra cả một hệ thống nghệ thuật thoái hoá, suy đồi, vạch cái cờ gian bạc bịp đã lừa được một số nhỏ người nhẹ dạ trong ba năm nay; thơ Lê Đạt là một hệ thống khá tiêu biểu trong thứ “văn nghệ” *Nhân văn–Giai phẩm*.

Một cuộc tàng hình

Những kẻ ăn cướp lại cứ muốn đánh trống la làng lên trước; chúng tung khói giả ra làm sương mù, để dễ bề làm ăn. Nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm* muốn “cao tay”; trong cuộc tranh luận về tập thơ Việt Bắc (1955), họ làm ra bộ rất cách mạng; Hoàng Cầm khinh thơ Tố Hữu là “ít chất sống thực tế”, là “đao to búa lớn”, là “trống rỗng”, là “hòn thơ yếu ớt, chênh vênh”; Lê Đạt lấy tính chất của giai cấp công nhân ra để chèn trách thơ Tố Hữu; bọn họ làm như là mình cứng cáp, vững vàng lắm, mới nghe nói *Hắt hiu lau xám, Bâng khuâng trong dạ, Bồn chồn bước đi* trong bài thơ “Việt Bắc”, đã buộc cho Tố Hữu là gieo rắc cái bụi ngùi, cái buồn! Nhưng trong thực tế ba năm qua, chính họ đã rơi thảm hại vào những điều mà họ nói vu cho người khác! Lê Đạt phát ngôn cò “Học tập Mai-a-kốp-ski phát huy sức sống mới của thơ ca Việt Nam”^[1] đã dậm lấy cái giọng của chính nghĩa, hô to: “Chúng ta chưa vạch được bộ mặt đều cáng của kẻ thù bên trong, chưa lột mặt nạ được những tư tưởng lạc hậu đội lốt cách mạng, chưa lên án chúng”. Vâng, câu này đúng lắm, nhưng nó chỉ đúng cho chúng ta, những nhà văn chân chính và quần chúng cách mạng, trước đợt đấu tranh này, trong những năm 1955, 56 và 57, còn quá đoàn kết một chiều, nhượng bộ hữu khuynh với bọn chống chế độ, là bọn *Nhân văn-Giai phẩm*, trong đó Lê Đạt là một tay quan trọng. Ấy thế mà Lê Đạt lại dám đánh trống lên! Rõ đúng là: cần phải xem món hàng thật giá thể nào, chứ đừng có nghe chiêu bài quảng cáo!

Tục ngữ nói: Thức lâu mới biết đêm dài... Lấy một Lê Đạt làm ví dụ, theo dõi hành tung trên một chặng dài, ta thấy hiện rõ quá trình của một kẻ ẩn núp, tàng hình, đã từng quay quắt được một thời gian, nhưng rốt cục cái bản chất phản lại giai cấp vô sản lòi ra mồn một.

Trong kháng chiến, Lê Đạt cũng công tác, cũng làm thơ, lúc mới Hoà bình, cũng ra tập thơ *Thế giới này là của chúng ta* gồm những bài thơ làm từ 1950 đến 1955, với nhiều lời ca ngợi chế độ. Những người tinh một chút, xem tập thơ này (12-1955), đã thấy ngờ ngợ và khó chịu: sao mà thơ cứ phều phào, vội vã, làm bằng trí khôn chứ không phải làm bằng tình cảm; - trên đời này, ai còn nhằm được những lời yêu đương chân thực với những lời hẹn thề xoén xoét!

*Lớp trước lớp sau
Mồ mả ông cha còn đấy
Từng ngọn cỏ hôm nay nóng rẫy
Những lời gửi gắm hôm qua
Nước chúng ta
Dân chúng ta bất diệt
Sông núi mấy nghìn năm tha thiết
Vấn thâm thì hai tiếng Việt Nam*

*Những xóm những làng
Những cây đa cổ thụ
Những bờ tre gốc lúa
Những giếng nước dòng sông
Những câu dân ca như chảy máu lòng...*

Kể ra, những lời thơ như trên này, - vào hạng tốt nhất của tập thơ – cũng khó mà bắt bẻ được; nó có đủ cả, đưa cả mồ mả cha ông, người chết người sống, sông núi, tên của Tổ quốc v.v...; nhưng sao nó nói nhanh thế! Nó nói nhiều thế! Vành vách kể đủ thứ, đưa ra cả một ít máu chảy ở lòng! “Tinh hoa phát tiết ra ngoài”, cái lối chàng Sở Khanh đấm ngực: “Lòng này ai tỏ cho ta hơi lòng!”, lộ liễu phan phui trên tập thơ. Người ta để ý hơn cả, là Lê Đạt nói rất nhiều đến Đảng; dễ chưa người làm thơ nào lại viết nhiều về Đảng bằng Lê Đạt trong tập thơ này; không phải những người làm thơ khác kém yêu Đảng, nhưng người ta muốn tình nhiều lời ít, nói một

cái gì cho thắm, sắc, chân thực, vì Đảng không phải chuyện đưa ra bô bô. Trong bài thơ: “Đảng cứu sống chúng ta”, Lê Đạt reo:

*Việt Minh về đây rồi!
Việt Minh về đây rồi...
... Chi bộ kết nạp anh vào Đảng*

Trong bài “Người đảng viên”, Lê Đạt nhắc:

*Anh im lặng cúi đầu
Anh nhớ ngày vào Đảng...*

Và Lê Đạt phát “Ngọn cờ Đảng bay trên đầu phoi phới – Lờ thè còn vắng bên tai”; và Lê Đạt “Mang đất nước trong lòng – Miệng hát bài ca cộng sản”, Lê Đạt “Vần trái đất theo đường đi của Đảng”; và Lê Đạt hùng dũng: “Tuổi trẻ chúng ta – Sống chết đi trên đường cộng sản – đứng đầu ghềnh Cách mạng – hộ vệ cho cuộc đời”; Lê Đạt làm ồn nhiều quá! Mời mọi người “Cùng với chúng tôi – Phát mạnh ngọn cờ của Đảng”, v.v...

Người đọc, ngay cuối năm 1995, đã bắt mạch thơ Lê Đạt và nghi hoặc tự hỏi: - Sao anh này nói nhiều thế? Một bạn thơ, đọc xong tập *Thế giới này là của chúng ta*, ngay lúc đó đã bảo với tôi: - “Người ta thì khéo tay, còn Lê Đạt thì khéo óc.” Chúng tôi đã cùng nhau cảm thấy một cái gì không thật, một cái gì xoèn xoét; và mặc dầu Lê Đạt nói đủ cả, làm thơ về những anh công nhân kháng chiến mùa đông đứng bên máy tiện, về vợ chồng anh làm thuốc đen, mặc dầu Lê Đạt làm thơ về nông dân nhận trâu, nhận ruộng, làm thơ đón bộ đội miền Nam ra tập kết, mặc dầu trong thơ Lê Đạt cũng có những người khóc, những người chết, chúng tôi vẫn không tin. Khi Lê Đạt viết bài: “Chống hoà bình chủ nghĩa”, tôi lại càng ngờ vực. Sao lại huênh hoang đến thế, hình ảnh gì mà lại lố như vậy:

*Đường cách mạng còn dài
Nhiều ngã ba, ngã bảy
Không chúng ta đứng đấy
Ai chỉ đường
Cho trái đất quay?...
...Trái đất
Không chúng ta
Ngơ ngác trước mù loà
Chống gậy
bước đi loạng choạng*

Chẳng bao lâu, cái thắc mắc của người đọc đã được trả lời. *Thế giới này là của chúng ta* phát hành tháng 12-1955, thì chỉ hai tháng sau *Giai phẩm mùa Xuân* ra đời (tháng 2-1956). Đã rõ rệt như ban ngày, tập *Giai phẩm mùa Xuân 1956* phát lá cờ đầu tiên chống Đảng, chống chế độ, và Lê Đạt là nhà lý luận trong đó. Lê Đạt mở đầu *Giai phẩm* với cái tuyên ngôn: “Trích Thơ gửi người yêu”, thì chính Lê Đạt đã in một đoạn “Trích Thơ gửi người yêu” ngay đầu tập *Thế giới này là của chúng ta*: một cái tuyên ngôn mà dùng chung cho một tập “ca ngợi” chế độ và một tập chống chế độ! Trong “Thơ gửi người yêu” đó, đã lộ mặt cái anh hùng chủ nghĩa đáng tức cười của Lê Đạt:

*Một người lực sĩ
Chỉ mang nổi ngàn cân
Anh suốt tháng suốt năm
Mang quả địa cầu trong óc,*

đã lộ ra cái khinh người vô căn cứ, tự cho mình là đẻ ra cái thai to quá: “*Ăn nằm với cuộc đời – thai nghén đất trời – sinh ra sự sống*”, lộ rõ cái nói dóc trắng trợn, rẻ tiền.

Và với bài thơ tuyên ngôn thứ hai: “*Mới*”, đăng trong *Giai phẩm*, Lê Đạt đã nhanh như cắt, tự lột toạc vớt xuống đất cái mặt dối trá của mình đã đeo từ trong kháng chiến; Lê Đạt không cần mai phục nữa, tự vạch cái giả vờ của tập thơ cơ hội *Thế giới này là của chúng ta*, xé nát nó ra, đứng lên trên nó mà giày xéo một cách căm giận:

*Tôi đã sống rất nhiều ngày thâm hại
Khôn ngoan không dám làm người
Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi
Tim chết cứng trong lễ thói
Những đêm trắng tấy lên trong dữ dội
Không muốn nhìn mặt mình*

Thật là rõ quá! Mấy câu này đã cắt nghĩa cho người đọc hiểu tại sao mà thơ Lê Đạt trước kia cứ nói nhiều đến Đảng, mà lại cứ như nước đổ lá môn, trôi tuột đi! Thôi, từ những bài thơ *Giai phẩm* này trở đi, Lê Đạt sẽ được là Lê Đạt, sẽ “*thành thật*” là mình, sẽ sang một chặng đường khác, sẽ đến một chân trời “*mới*”, say sưa cầm một cán cờ khác, nhất quyết dương lá cờ “*mới*” đó lên!

Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản

Lê Đạt đã rít lên tiếng nói từ thâm tâm, từ bản chất của mình ra, nó đích là tiếng đòi “*tự do*” của chủ nghĩa cá nhân tư sản, nó là ý muốn của tồn tại và phát triển của hệ thống tư tưởng tư sản! Nó không chịu nổi sự chuyên chính của tư tưởng vô sản yêu cầu chủ nghĩa cá nhân phải tự nguyện phục tùng lợi ích của tập thể, phục tùng kỷ luật cách mạng. Nhưng chủ nghĩa cá nhân tư sản ranh mãnh lắm; nó quyết kéo lê phải về nó; nó tự xưng nó là đại diện cho “*con người*”, ai dồn ép nó, tức là xúc phạm con người: Lê Đạt mị dân, kêu to lên: “*tôi mới hai mươi lăm tuổi*” (1956), hòng tập hợp thanh niên quanh mình, kích những “*tuổi hai mươi*” lên, nói khích họ, gãi vào cái máu anh hùng chủ nghĩa của tiểu tư sản, cái tính ham mới chuộng lạ của thanh niên. Lê Đạt đưa ra cái tà thuyết rạch đôi các sự vật ra làm hai: hễ cái gì “*mới*” là cách mạng, hễ cái gì “*cũ*” là đeo kính vào viên hàn lâm, là mệt mỏi, lồi mòn, vết già nua, lè đường han rỉ... Nhưng chúng ta thì đặt tiêu chuẩn một cách khác; có một cái mới căn bản trong thời đại chúng ta: là giai cấp vô sản chiến thắng, là cách mạng xã hội chủ nghĩa; ngoài ra, những sự vật khác, thì chúng ta rạch ra làm hai: những cái gì có lợi cho giai cấp vô sản và chủ nghĩa xã hội là tốt, những cái gì chống lại, là xấu, bậy, phản động. Chứ chúng ta không câu nệ trong vấn đề mới, cũ. Khi chế độ phong kiến và chủ nghĩa đế quốc còn canh ty nhau trị vì trên đất nước ta, thì đi ngược chiều đó, là mới, và cái mới này là tốt. Nhưng khi, trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đòi sống dân chủ nhân dân vững mạnh được mười ba, mười bốn năm, và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà nhóm phá hoại *Nhân văn–Giai phẩm* lại cho mười ba, mười bốn năm không thay chiều đổi hướng, tức là cũ, là “*công thức xỏ dây vào mũi*”, thì ta không để yên cho

họ đi tìm cái “mới” khác đâu! Chúng ta quyết bảo vệ cái “một chiều xã hội chủ nghĩa” này, và quét tất cả những thứ “mới” của họ vào hố rác!

Lê Đạt, “những đêm trắng tẩy lên dữ dội”, đã đẻ ra một quái thai: chủ nghĩa cá nhân phát cuồng, tự phải lòng mình quá đáng, và tự nói phét về mình không chút ngượng mồm. Lê Đạt là một anh hùng quân đội chẳng? Một anh hùng lao động chẳng? Một thi sĩ đại tài chẳng? Anh ta làm một số bài thơ xoàng ca ngợi chế độ, thì anh ta đã lại phủ nhận tất cả rồi. Nhưng Lê Đạt cứ vênh váo, lấy dáng điệu vĩ nhân, thấy bóng đầu mình lù lù quá to trên trang sách nhỏ, “*đất nước đêm nay chứa đầu ngòi bút*”, mà ngòi bút thì nặng hàng vạn vắn thơ. Ai muốn tìm cảm giác lạ, thì hãy đến xem! Lê Đạt ban ơn ban phước cho đời sống cách mạng này, “*mọi óc làm thơ, mọi tim làm thơ*” đến nỗi “*từng từng giọt mồ hôi đầm bản đồ chính sách*”, trong khi đó thì dùng một cái, Lê Đạt bắt ngờ nỡ sủng “*vào đầu dĩ vãng*” làm cho thiên hạ giật mình!

Trong bài “*Mỗi ngày mỗi lớn - Gửi Kế hoạch Nhà nước 1956*” người ta thấy Lê Đạt gọi lại cái dáng điệu đánh cối xay gió của anh chàng Đông Ky-sốt, nhưng lại không có cái đáng mến của Đông Ky-sốt:

*Ta nắm cổ thời gian
Quất cho phi nước đại
Kéo ngày mai gần lại
Thúc vào lưng cuộc đời
Mở máy đến chân trời cộng sản*

Chúng ta cũng thấy rõ cái “tôi”, khi nó tự thổi phồng mình, đã hoá ra buồn cười như thế nào, Nhưng, còn hơn thế nữa. Lê Đạt thấy người chung quanh không tin anh ta khi anh ta huếch hoác, thì Lê Đạt chuyển ngay giọng vênh váo ra giọng đau khổ. Làm anh hùng không đất, Lê Đạt bèn chuyển sang làm tử-vì-đạo trong bài “*Cửa hàng Lê Đạt*”. Phương pháp nào cũng tốt, miễn là tự đề cao được mình, làm cho thiên hạ chú mắt vào ta! Qua cửa miệng Lê Đạt, cái chủ nghĩa cá nhân tử sản bị dồn ép, cất lên những lời thảm thương, hấp hối; nó tự làm ra vẻ đang bị thương, máu me lênh láng, và nó đau, tức là cả nhân loại đau; nhưng ở miền Bắc này, nó muốn có người nghe, thì nó vẫn cứ phải nói là nó yêu chế độ:

*Có những ngày
tôi chỉ còn muốn chết
Nhưng yêu vợ,
yêu thơ,
yêu chế độ
Tôi không thể đi
Và cho dù có nằm sâu dưới mộ
Bất công đè nặng trên đầu
Tôi vẫn gào lên...*

Lê Đạt cho mình là người chủ chốt của báo *Nhân văn*, tham mưu cho cả báo, tự tay sửa chữa nhiều bài đã kích chế độ ta rất cay độc, chính mình vu khống thiên hạ, thế mà lại đập đầu ăn vạ kêu rằng thiên hạ bất công với mình. Cứ một đà ấy, Lê Đạt tự khóc mình rất lâm ly, cho rằng sở dĩ mình khổ đau, là vì mình ôm lấy nghĩa lớn, sự vờ khóc này là một cách rất tinh vi buộc tội vào cho chế độ ta:

*Tôi đã sống những ngày dầu dãi
Quên ngủ, quên ăn
Mắt lõm sâu
như huyết chôn người chết
Tôi đã chịu đau thương
bất công nhọc mệt
Tuổi thơ
làm hại tuổi già
Mà nhiệm vụ
tôi vẫn làm chưa trọn...*

Càng nói càng tự say lấy lời nói của mình, Lê Đạt không chịu đứng dừng ở cái cương vị tử-vì-đạo, mà tham vọng hơn. Cái “bệnh vĩ đại”^[2] đang lên cơn sốt cao độ, Lê Đạt thấy như mình là một đấng cứu thế nào đây, tự căng mình lên cái mức vũ trụ:

*Vũ trụ ơi
tha cho tôi
Tất cả những gì
thơ tôi chưa làm được
Khi tắt thở
mắt tôi đừng ai vuốt
Còn gì buồn hơn
không được thấy cuộc đời
Bác sĩ ơi
hãy khoét mắt tôi
lắp cho những người cần nó
Để chết rồi
mắt tôi vẫn mở
Vẫn tham gia phục vụ
loài người*

Người nào hay mũi lòng và mắt cảnh giác thì rất dễ bị lừa với những cách nói “tha thiết” như trên đây. Dưới các chế độ áp bức bóc lột trước, trong văn học và trong cuộc đời, đã có những người mang một thành tâm muốn lấy tất cả nước mắt mình, và nếu cần, lấy tất cả máu mình tưới cho tắt bớt cái ngọn lửa khổ đau đốt thiêu nhân loại; ta rất cảm kích những nỗi chân thành đó, vì trước khi có Đảng của giai cấp vô sản, họ không cầm được một vũ khí nào thực sự có hiệu quả đầy đủ. Một vĩ nhân như Nguyễn Trãi:

*Tuổi già, tóc bạc, cái râu bạc,
Nhà ngật,^[3] đèn xanh, con mắt xanh,*

âu lo cho cả cuộc đời dưới chế độ phong kiến; Nguyễn Du muốn khóc liền cho ba trăm năm; chúng ta kính cần nâng nhận các tấm lòng cứu nhân độ thế như vậy. Nhưng Lê Đạt?

Cuộc đấu tranh hiện nay đã vạch rõ cái mặt dạn dày của Lê Đạt trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, có chủ trương, có kế hoạch phá hoại chế độ ta, trước hết là trên mặt trận tinh thần; chân tướng chính trị của Lê Đạt xấu xa như vậy, mà Lê Đạt cứ ba hoa, khóc lóc đòi cứu thế, thì ai

mà không bật cười cho được? Ai mà không tức giận?

Từ mười ba, mười bốn năm nay, tiếp theo Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi vĩ đại, cuộc xây dựng đất nước còn nhiều thành tích lớn, có phải là ở dưới thời Pháp thuộc, còn có người chưa biết Đảng nữa đâu; tại sao Lê Đạt bây giờ còn rướn người lên như Lê Đạt đây dẫn dắt cuộc đời? Tại sao nhân dân quần chúng đã nắm lấy chính quyền của mình qua sự lãnh đạo của Đảng, mà Lê Đạt vẫn không chịu tích cực và cụ thể làm việc, lại cứ rên siết ăn vạ, nếu chẳng phải là Lê Đạt không chịu công nhận cuộc đời mới này mà chúng ta đang xây dựng? Gần đây, Lê Đạt đã thú nhận rằng Lê Đạt đã tự cho chính mình là lương tâm của thời đại, chính mình thông minh hơn Đảng. Trước khi con ếch ương vỡ bụng, thì đã có lúc nó kêu to ì ộp!

Cùng với Trần Dần, Lê Đạt đã mở sách ra đọc, học đòi Mai-a-kốp-ski một cách lố bịch. Mai-a-kốp-ski là một nhà thơ lớn, cần phải học cái nhiệt tình yêu Đảng, bảo vệ chế độ Xô Viết của ông; mặt khác, theo tôi nghĩ, chúng ta sống sau Mai-a-kốp-ski ba mươi năm, chủ nghĩa cộng sản và những tác phong cách mạng đã có những bước tiến bộ mới; sao cứ nhại cho được “cá tính” của Mai-a-kốp-ski? Mai-a phải đâu là không có những nhược điểm mà chúng ta không nên học? Chẳng qua là Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm lợi dụng Mai-a một cách tội lỗi; Lê Đạt đã xoen xoét ca ngợi được Đảng để rồi phản bội, thì họ có từ một cái gì! “Bệnh vĩ đại” của Lê Đạt quả là to! Sau khi nói đến Mai-a-kốp-ski và Beethoven, Lê Đạt tự vỗ vào ngực: “Thật là an ủi và sung sướng được làm người cùng với những con người như thế”. Chúng ta nói: “Những người như thế làm vinh dự cho con người”^[4]. Nhưng Lê Đạt thì lại chỉ muốn làm người cùng với những cỡ như Mai-a và Beethoven thôi, chứ còn với quần chúng bình thường vô danh, thì Lê Đạt không muốn cùng làm người. Bây giờ chúng ta có thể tạm đếm lại những thứ áo mà chủ nghĩa cá nhân ở Lê Đạt đã vợ lấy đắp vào thân: áo chiến sĩ, áo đảng viên, áo anh hùng, áo cứu thế, áo thiên tài...

Còn nhiều biến hoá

Ở đây, tôi không nói lại nữa về trường hợp bài thơ vu khống chế độ ta: bài “Nhân câu chuyện mấy người tự tử” nằm to tướng trên số 1 báo *Nhân văn*; một bài thơ chính trị phùng phùng một cảm thù giai cấp đối với chế độ, mà nhiều người đã vạch ra rồi.

Trong bài “Cửa hàng Lê Đạt”, cái hần thù giai cấp đó còn bốc lên ác liệt hơn, tinh vi và toàn diện hơn; chủ nghĩa cá nhân tư sản của Lê Đạt, trong bài này, không phải chỉ thương thân tủi phận, mà chính trong lúc đó nó làm như đang hấp hối rẫy chết, cũng là lúc nó hần học, xía xói, dùng nhiều mảnh khóe giảo quyệt chống đối chế độ. Những mảnh khóe này không ai còn lạ gì. Cái lưỡi *Nhân văn* sáng tạo ra quay quắt khá nhiều thứ giọng. Thoạt đầu là giọng thách thức, khiêu khích:

*Lê Đạt nào?
Chán thơ thần rồi sao
mà lại về mở hiệu
Hay vợ đau con yếu
Làm thơ không đủ tiêu
Hay bị phê bình, kiểm thảo
Giờ như chim phải tên
Động thấy cây cong là sợ
Hay thơ tôi*

*không người tiêu thụ
Phải bán ki lô*

Rồi Lê Đạt chặn họng ngay những người nào sẽ phê bình anh ta, gọi họ là “mác-xít thiên binh”, là lang băm chứ không phải ngành y tế. Trước đây, ở tập *Thế giới này là của chúng ta*, trong khi Lê Đạt mới về thủ đô, đã vội vàng bán văn cho tên lái Minh Đức, viết ngay một tập sách đứng lên làm lãnh tụ giáo dục thanh niên, và khi bị báo *Tiền phong* vạch ra, thì Lê Đạt cứ ngang nhiên chửi người khác là hoà bình chủ nghĩa, “chết đuối trong đũng quần đàn bà”. Ở “Cửa hàng Lê Đạt”, Lê Đạt đang lừa đảo người ta, Lê Đạt đồng dục kêu:

*Đồng chí ở sở thuế
Hãy phạt nặng bọn lái văn “Mỹ ký”^[5]
Chuyên buôn giả tình người*

Mới mở “cửa hàng” ra, Lê Đạt đã theo đúng quy luật tư bản chủ nghĩa, rêu rao cạnh tranh: “Bao nhiêu chỗ ngon người ta cấm trước”; đã dèm pha các “hiệu” cũ hai, ba mươi năm; chưa đố ông nghề đã đe hàng tổng: “Chưa có tiếng tăm – rồi sẽ có tiếng tăm”; ấy thế mà Lê Đạt lại kêu người ta ghen ghét mình:

*Dưới mặt trời
thiếu gì chỗ đứng
Mà phải nguýt lườm
Phải huých lẫn nhau*

Thật đúng là bọn *Nhân văn*, lấy sự gian dối làm khuôn, làm phép! Và Lê Đạt dọa Đảng là mình đây có lực lượng, khoe rằng phe cánh của mình đông, có nhiều “nhân tài”; Lê Đạt ra ở riêng, thì nào “Ôm lấy bóng đèn Văn Cao vẽ một con mắt đỏ”, nào “ngoài cửa hàng Trần Dần treo quả tim đỏ sộ”, nào “hôm khai trương Hoàng Cầm giọng oanh vàng đất Bắc sẽ đến ngâm thơ”, nào “Phùng Quán *Vượt Côn Đảo về*”, v.v... bao nhiêu là kẻ “còn tim đòi rung, còn đầu đòi nghĩ”! Và Lê Đạt mị dân, kêu gọi vào đời sống hiện nay còn eo hẹp của cán bộ, làm như chăm sóc cho họ hơn là Đảng và Chính phủ; Lê Đạt lại ca tụng cửa hàng của mình là rộng rãi phóng khoáng, có đủ thứ vui thú cần dùng, “mới về nhiều thứ thuốc chữa liệt tim”; và bao trùm tất cả, vẫn là cái kiêu ngạo bảo thiên hạ “mang thơ tôi làm gậy chống lên đường”. Tất cả bài thơ là giọng lười của một kẻ khiêu khích, khi bù lu bù loa thảm thiết, khi cười sảng sặc, khi trợn mắt tức giận, khi phồng mồm huênh hoang, có dọa dẫm, có van vãn, tận dụng cái kỹ thuật “tác động tinh thần”.

Có một điểm hay hay, chứng minh cho quy luật trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa, là trong khi Lê Đạt hươi kiếm múa những loại thơ như trên kia, thì Phan Khôi đứng vỗ tay; ông già tỏ ra thích chơi chống bồi, làm ra bộ “mới” lắm, gần với thanh niên; Lê Đạt tung, thì Phan Khôi hứng: “Tôi viết cái bài khảo cứu nhỏ này cốt để cất nghĩa mấy câu thơ của Lê Đạt; *Những kiếp người sống lâu trăm tuổi, - Ý như một cái bình vôi...*”^[6] Thật là vinh dự cho Lê Đạt, được Phan Khôi che tào!

Trên đây, tôi vạch những cái tội lỗi của Lê Đạt, những phương pháp, mảnh khốc của một kẻ cờ gian bạc bịp biến hoá lăm trờ. Nhưng tôi cần phải nhắc lại, nhấn mạnh vào cái bản chất tư tưởng tư sản, cái bản chất giai cấp tư sản của Lê Đạt; dù biến hoá thế nào, dù có tung ra nhiều bọt nước miếng để giả làm mây, thậm chí giả làm cầu vồng lấm màu, chủ chốt vẫn là một cái lười cày không thay đổi: lập trường tư sản phản động, trước hết chống đối chế độ ta về chính trị. Câu kết trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, Lê Đạt say sưa chống Đảng ta, bản chất tư

tưởng của Lê Đạt không dung hoà, không đội trời chung với giai cấp vô sản. Cho nên khi Lê Đạt làm thơ “ca ngợi” chế độ, thì thật là giả tạo ra khắp các lỗ chân lông; đến khi làm thơ đả kích chế độ ta, thì thật là say sưa xuất phát tự đáy lòng, một cái lòng đen tối, bạc ác. Đứng lên lập nhóm *Giai phẩm mùa xuân*, cùng với Nguyễn Hữu Đang làm bộ óc của báo *Nhân văn*, đứng làm “nhà lý luận” của bọn chống chế độ, Lê Đạt là một tay cổ vũ trong bọn đó, bởi “nhiệt tình” chống Đảng sâu sắc của mình. Sau khi báo *Nhân văn* bị cấm, Lê Đạt liên lạc, câu kết với Thụy An, Lê Đạt đóng vai trò quan trọng trong việc lũng đoạn Hội Nhà văn, Lê Đạt tích cực dùng ngòi bút viết lối văn hai mặt; Lê Đạt luôn luôn giữ một cương vị đứng chủ trương phái; mãi đến trong lớp học văn nghệ lần thứ hai (tháng 3 và 4-1958) vẫn còn tìm cách quay quắt. Cho nên, xét Lê Đạt, ta phải nhìn thấy cho hết, rằng Lê Đạt chống đối ta, phá hoại ta từ trong bản chất giai cấp thù địch.

Rơi trên ghế đá

Trong thời gian qua, *Nhân văn–Giai phẩm* tung ra một tập tục mà một số bạn trẻ nhẹ dạ cũng bắt chước, là: *làm thơ về sự làm thơ*; tự tán dương mình là thi sĩ thế này thế nọ, một cuộc “tự cho mình đi tàu bay”! Hồ Chủ tịch, trong Đại hội Văn nghệ lần thứ hai, có khuyên văn nghệ sĩ lấy đức tính khiêm tốn làm đầu. Nhóm *Nhân văn–Giai phẩm* thì thực hiện một cái đạo đức hoàn toàn ngược lại: nói khoác, kiêu ngạo càng nhiều càng hay! Lê Đạt cùng với Trần Dần, là hai người dùng ngực mình làm phèng phèng hăng nhất: theo sau, Phùng Quán cũng tự thổi kèn về mình. Họ thuyết rất nhiều về bản thân thi sĩ siêu nhân của họ, về thơ của họ làm lớn con người. Trần Dần nói: “*Tôi đứng mênh mông chỉ mặt ngài Ngô*”, nhưng thực chất, Trần Dần có chỉ mặt ngài Ngô đâu! Chỉ thấy anh ta “đứng mênh mông” như một cái bong bóng to bằng quả đất. Lê Đạt đòi Đảng điều động anh “vào bộ tâm hồn quần chúng”, trong khi Lê Đạt thực tế làm y hết những công việc “tác động tinh thần”. Cái núi giả chuyển bụng âm ỹ và đẻ ra một con chuột chù.

Nếu *Bài thơ trên ghế đá* chỉ là một tâm trạng bi quan, dao động, thì chúng ta phê bình giúp đỡ, coi như cái bệnh thường mắc phải của người tiểu tư sản sợ thực tế. Nhưng tập thơ này là cả một hệ thống có ý thức phá hoại tinh thần từ đầu chí cuối. Chúng ta thấy, với cái chế độ chính nghĩa, nhân đạo của ta, biết bao nhiêu người xưa kia trộm cướp đã bỏ tà qui chính, những gái điếm cũng kiếm nghề lao động, những kẻ trước đây cờ gian bạc lận cũng tự mình làm ăn lương thiện: sống trong chế độ ta, họ không chịu giở những ngón lừa dối mà họ đã dùng với chế độ cũ. Lê Đạt thì trái lại; anh ta vẫn cứ “đầu thai nhằm chế độ”; giữa nền văn học cách mạng của ta, cứ làm hết như dưới thời Pháp thuộc, coi cách mạng chưa hề có, xã hội chưa hề thay đổi; cố tình tiêu tiền chế độ cũ trong chế độ mới của ta: rõ ràng là Lê Đạt ngang nhiên gian lận!

Ví dụ bài “Đu”. Trong thời Pháp thuộc, nếu có đôi trai gái nào đang đánh đu, nghĩ rằng giá hai người bay bổng luôn trên trời, thì đó có thể là một ý ngộ nghĩnh^[7], tìm một giải thoát tiêu cực. Nhưng giữa miền Bắc nước ta hiện nay, Lê Đạt đánh đu bay tuốt như thế, dụng ý gì? Lại còn bảo rằng sẽ hoá hiện thành hai ngôi sao mới không có trong sách thiên văn. Đó là một sự khiêu khích!

Người ta ai cũng có lúc buồn; buồn mà bao hàm một ý muốn cố vươn lên, thì lại có ý nghĩa giáo dục. Nhưng cái buồn thảm, cái mòn mỏi trong *Bài thơ ghế đá* là một cuộc đánh tiêu hao vào nghị lực, vào tin tưởng. Chủ nghĩa nhân văn cộng sản của ta là một chủ nghĩa nhân văn cao nhất, bởi nó ca ngợi hàng triệu triệu những con người trung bình, đặt vinh quang vào những công việc vô danh, những phấn đấu hàng ngày; chúng ta rất hiểu cái bấp bực của cuộc đời cách mạng, giải quyết những cái mắm muối nhất, rau dưa nhất, mà không coi thể là tủn mủn. Chúng ta là những người làm ăn rất cụ thể, chúng ta không sợ những đồng tã của cuộc sống, của tình yêu, của gia đình! Người nào muốn lớn, thì phải tổ chức được, cải tạo, chiến

thắng được những cái nhỏ đó! Nhưng Lê Đạt thì đưa đồng tã ra mà dọa thiên hạ: “*Chết đuối trong những lo toan nhỏ nhặt*”, “*Một củ dưa hành một chai nước mắt – Cái soong cái chảo tính cộng trừ - Chắp nối cho vừa khít hai đầu thảng*”, “*Nhiều dự định sa lầy trong đồng tã*”, “*tình yêu bị những cái hàng ngày bóp cổ*”. (Bài “*Gia đình*”). Nếu không có cái đời sống bình thường hàng ngày, thì hôm nào cũng đẻ ra trái đất như Lê Đạt chẳng? Cái vấn đề là phải nâng đời sống hàng ngày ấy lên, bằng tăng hiệu suất lao động, bằng sắp xếp hợp lý những việc trong nhà, bằng giáo dục một phương pháp tư tưởng, một nhân sinh quan độ lượng, phóng khoáng, bằng cách chữa cái tính eo sèo tẹp nhẹp tiểu tư sản, nghĩa là bằng phần đấu cụ thể hàng ngày; chứ không phải chết khiếp trước củ dưa hành, hay chai nước mắt. Vì những người như nhóm *Nhân văn–Giai phẩm* thì có con đường bán hồn cho giai cấp tư sản, đi tìm say sưa giải thoát ở các tiệm trà, tiệm rượu, ở quanh bàn đèn thuốc phiện; chứ nhân dân lao động bình thường, bảo họ vứt đời sống thường ngày khiêm tốn của họ, thì họ đi tìm xa hoa, lộng lẫy ở đâu? Đời sống của họ tuy còn eo hẹp, khó khăn, nhưng chính bàn tay họ sẽ dần dần tự cải thiện, còn đẹp đẽ gấp mấy nghìn lần cái máu tham, cái bệnh khát vàng của giai cấp tư sản! Lê Đạt kêu rêu như vậy, dụng ý gì? Những bài thơ xông thẳng vào những cái đau khổ mà nói, mà phần đấu, chúng ta rất yêu, và đời đời có nhiều thơ thể hiện ở mức cao như vậy. Nhưng Lê Đạt đưa những xót xa đau đớn ra và cho nó thảng trợn, bắt chị chỉ huy du kích dưng cảm trong kháng chiến, bây giờ lấy chồng rồi, thì “*len lét cúi nhìn xuống đất*”, “*chồng đánh chửi như cơm bữa*”; bắt một chị phụ nữ sau một năm lấy chồng không hợp, không thể nào yêu chồng được nữa, mà không dám ly dị, “*mỗi ngày qua là mỗi ngày tự tử - bóng tối trùm lên như nắm mộ - nghe hơi sống trên người lạnh đầu*”, dựng lên những người đầu hàng, chết đứng như vậy. Lê Đạt đưa người ta vào con đường tuyệt lộ, tắc tỵ: hai người yêu nhau mà không nói, mỗi người lấy vợ, lấy chồng, có con, Lê Đạt bắt một người chết đi, để cho người kia đến thăm mộ mới nói được mối tình! Chủ nghĩa cá nhân tư sản miệng thì hùng hổ cho mình là ghê gớm, vĩ nhân, óc khỏe hơn tất cả những người lực sĩ mang nặng, khai lối mở đường cho loài người, nhưng trong ruột chỉ có sự trống rỗng, sự nhát hèn, chỉ cần bị một mối kim chích cho, là quá bong bóng nằm bẹp dí thảm hại. Lê Đạt đã lộ hết cái cốt yếu hèn của mình, trong thơ chỉ dọa chết với lắm le: “*Cổ họng mơ lưỡi dao ngọt sắc*”. Hơi tử khí xông lên. Trong bài “*Biển với người*”, tưởng rằng con người lướt gió cưỡi sóng ra sao, té ra: Biển gặp người trên con tàu, thì cho gọi gió về, và tung sóng lên “*bắt người về với biển*”:

*Xác chết không còn tình
Biển lạnh càng thêm lạnh*

Tư tưởng của những giai cấp bóc lột, khi bị quần chúng dồn vào chân tường, thì một là phá hoại điên cuồng, hai là tìm cái chết trong những khoái lạc cuối cùng. *Bài thơ trên ghé đá* đây một điệu hưởng lạc, chết lịm trong tình yêu. Cái con người đòi vắn trái đất theo con đường cộng sản ấy, đưa ra cái hình ảnh Trình Giảo Kim xưa “*mỗi lần người hơi đất mẹ, lại thấy gấp muôn lần khỏe*”, tưởng anh ta sẽ ví với người cán bộ mỗi khi hoà mình vào quần chúng, lại thấy sức lực hồi lại nghìn lần; đó là bài học cổ điển của người cộng sản; nhưng không! Cái “*đất mẹ*” của Lê Đạt không phải là nhân dân mà chỉ là “*em*”, em tiếp hơi cháy bỏng cho! Lê Đạt đã từng đề ra một châm ngôn^[8]: “*Ăn như tư sản – Sống như Lão, Trang – Viết như vô sản*”. Ăn thật khoái mồm, sống thật bàng quan, và viết thật cách mạng. Đó là tâm lý con buôn trắng trợn, giành lấy phần sướng, phần lợi nhất trong mọi lĩnh vực. Kiểu tìm cái sướng của Lê Đạt là lối hưởng lạc trời già, trời già không phải của tuổi tác, mà trời già của những giai cấp rầy chết, bị lịch sử lên án. Trong bản thảo đánh máy của *Bài thơ trên ghé đá* đưa nhà xuất bản Hội Nhà văn, có bài thơ “*Trong hầm bí mật*” về sau không in vào sách, rất tiêu biểu cho cái triết lý “*máu, sướng và chết*” của Lê Đạt. Lê Đạt bày ra một cảnh đôi trai gái gặp nhau trong hầm bí mật, trong khi tiếng cuộc của giặc phá hầm rào rào trên đầu. Trước cái nguy cơ đó, đáng lẽ người ta chuẩn bị một mắt một còn với giặc; nhưng Lê Đạt thì lại cho hai người ôm ghì lấy nhau, lấy cái

chết ở trên đầu làm một cái kích thích bệnh hoạn!

Lê Đạt vẽ ra một cán bộ xa vợ lâu ngày, đêm nằm hầm bí mật, nghĩ đến vợ, “*Quên mặt, sợ mơ nhằm người khác*”. Một câu thơ lộ hết cái mặt gian xảo của Lê Đạt. Những hình ảnh Lê Đạt đưa ra cũng làm người ta ghê rợn; không còn một chút trang trọng tối thiểu đối với cơ thể người phụ nữ: “*Con cái sắp hàng dưới vú*”, “*Gây guộc vú dài theo kháng chiến*”. Đó là tôi chưa nói Lê Đạt lộ bịch về phương diện thẩm mỹ, ví dụ:

*Như có cô văn công nào
múa nhảy
trong lòng*

Khi người ta nói: có một con chim hót ở trong lòng, thì hình ảnh xinh và hợp; trái tim, tấm lòng chỉ vừa đựng một con chim bay bổng nhẹ nhàng. Chứ còn cái tấm lòng của Lê Đạt, mà có cả một cô văn công múa nhảy ở trong, thì có họa là sân khấu Nhà hát nhân dân!

Bài thơ trên ghé đá còn có dã tâm gì nữa? Có dã tâm đá kích Đảng. Cho Đảng là phao phí nhân tài (“Con búp bê”, “Tình người”); ví Đảng như một anh thợ cầu già chưa vợ, bắc rất nhiều cầu, xây dựng kinh tế được nhiều đấy, nhưng “*chưa bắc qua được một lòng người*”. Hàng triệu lòng người đã nhờ Đảng mà tái sinh, yêu Đảng sâu sắc; nhưng cố nhiên lòng của bọn *Nhân văn–Giai phẩm* thì chỉ có giai cấp tư sản phản động mới bắc được cầu.

Đọc tập thơ này, ta chỉ có thể nói là: y hết như công việc “tác động tinh thần” của địch. Rơi thảm hại xuống như thế.

Một bài học

Nhà xuất bản Hội Nhà văn, dưới sự lũng đoạn của Hoàng Cầm, in tập thơ *Ghé đá*, chúng ta không lạ. Nhưng một luồng thơ xấu như thơ Lê Đạt, bị công chúng căm về nội dung, ghét về hình thức, mà tại sao vẫn còn một nhóm người thừa thớt nào đó ra về ưa thích? Điều này cũng dễ hiểu thôi. Đây là một vấn đề giai cấp xã hội, vấn đề hệ loại tư tưởng. Một anh cán bộ văn hoá đã bộc lộ rằng khi anh đọc thơ Lê Đạt cho một số thanh niên cao bồi ở Hà Nội, thì họ mới nghe thoáng qua, chưa hiểu rõ từng câu, họ đã thích ngay. Cái màu cá nhân anh hùng rẻ tiền, cần quấy ngổ ngáo của cao bồi đã gặp Lê Đạt là phát ngôn nhân của họ. Thơ Lê Đạt rất nhiều “cá tính”, thích đập phá vô chính phủ, bán trời không văn tự, chống đối lập trường và kỷ luật xã hội chủ nghĩa, thì nhất định là được cao bồi, những sản phẩm còn rớt lại của văn hoá Mỹ, đồng thanh tương ứng. Một sinh viên khi kiểm điểm mình đã bị nọc độc *Nhân văn*, cũng nói: “... Lê Đạt mới thật là ‘nhà thơ của mọi thời đại’. Nhìn anh tôi thấy thích thích. Râu ria tua tũ không thêm biết cái lưỡi dao bào, áo quần xốc xếch như tôi, như tất cả những người còn bận tâm vì lý tưởng, nói ba hoa, cười hơ hớ. Đúng là đáng dấp của một nhà thơ”. Nhưng Lê Đạt và nhóm phá hoại *Nhân văn–Giai phẩm* không dựa được trên chân lý, trên chính nghĩa; cái cơ sở giai cấp mà họ đưa vào cũng đang phân hoá; những cao bồi đã học tập ba nên hai chống; một số ít sinh viên làm lạc sau khi học tập cải tạo chính trị, đã tỉnh ngộ; các văn nghệ sĩ vạch chân tướng của bọn phá hoại. Văn nghệ là nơi đòi hỏi sự chân thật hơn ở đâu hết, một chút giả dối nào chóng chầy cũng tòi ra. Những con người như Lê Đạt không thể kiếm chác lâu, lừa bịp lâu được.

Lấy một Lê Đạt ra làm ví dụ của thứ “văn nghệ” *Nhân văn–Giai phẩm*, chúng ta đã rút một bài học cảnh giác với chủ nghĩa cá nhân tư sản có nhiều biến hoá mưu manh. Rút kinh nghiệm cuộc đấu tranh này, chúng ta sẽ vạch tính cách giai cấp phản động của nó, bất cứ nó lẩn lút ở

đâu; chúng ta cần tiếp tục quét tan chủ nghĩa xét lại và tư tưởng của nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm* để xây dựng nền văn học cách mạng.

5-58

[¹]Tuần báo *Văn nghệ* số 69 và 70 (tháng 4 và 5-1955)

[²]Tiếng Pháp có chữ *délire de grandeur*, một thứ bệnh tâm lý thích tự cho mình là lớn lao vĩ đại, ví dụ: tưởng mình là Nã Phá Luân, v.v...

[³]Ngặt: nghèo ngặt.

[⁴]“Tựa” tập thơ dịch Mai-a-kốp-ski (Nhà xuất bản Hội Nhà văn)

[⁵]Mỹ ký: là một hiệu ở Hà Nội, làm hàng mạ vàng, mạ bạc rất khéo, y như thật.

[⁶]Bài “Ông bình vôi” của Phan Khôi (*Giai phẩm mùa Thu* tập II)

[⁷]Nguyên văn chính tả: ngộ nhĩnh. Chúng tôi cho rằng văn bản gốc có thể có lỗi in ấn (talawas).

[⁸]Nguyên văn: trâm ngôn. Chúng tôi cho rằng văn bản gốc có thể có lỗi in ấn (talawas).

Nguồn: Tạp chí Văn nghệ, số 13, tháng 6 năm 1958. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Đường chữ

Câu thơ khổ tu xí xoá nợ luân hồi

Sau Nhân Văn, tôi vẫn tiếp tục...

Nhân Văn chỉ là một chặng chữ không phải toàn bộ Đường chữ của Lê Đạt

Ngay từ nhỏ tôi đã ôm ấp mộng cách tân thơ Việt - lẽ dĩ nhiên lúc đó tôi không ý thức được rõ rệt nên cách tân như thế nào.

Sau Cách mạng tháng Tám, nhà thơ ảnh hưởng đến tôi nhiều nhất là nhà thơ Xô-viết Mayakovsky. Tôi thích những hình ảnh quả đấm hết sức táo bạo cũng như những bài thơ quảng trường mạnh mẽ tham gia **trực tiếp** vào quá trình thay đổi xã hội của ông.

Ảnh hưởng của Maya rất đậm nét trong những bài thơ tôi cho in trên *Giai phẩm mùa Xuân* và báo *Nhân Văn* số một. Những hình ảnh sinh sự đã khiến tôi ít nhiều được công nhận như một nhà thơ cách tân:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một dĩa bình vôi

Càng sống càng tòi

Càng sống càng bé lại

Hay

Người công an đứng ngã tư đường phố

Chỉ huy xe chạy xe dừng

Rất cần cho công việc giao thông

Nhưng đem bực công an máy móc

Đặt giữa tim người

*Bắt tình cảm ngược xuôi
Theo đúng luật đi đường Nhà nước
Có thể gây rất nhiều chua xót ngoài đời*

Tôi cũng rất mê hai câu thơ ngông nổi tiếng của Nguyễn Công Trứ:

*Trời đất cho ta một cái tài
Giắt lưng dành để thàng ngày chơi*

Cho đến lúc này, chủ yếu tôi vẫn là một nhà thơ tài tử. “Chơi” thì là tài tử chứ còn gì nữa!

Những câu thơ hay của tôi thường là do may mắn mà ra đời chứ ít khi trải qua một quá trình lao động gian khổ nào! Càng may mắn tôi càng thích thú. Từ “chơi” của ông Trứ đã ảnh hưởng lâu dài đến sáng tác của tôi cho mãi đến đại hạn *Nhân Văn*.

Trong suốt hơn 30 năm đại hạn này, tôi có nhiều thời gian suy nghĩ về thơ mình cũng như về thơ nói chung.

Tôi buồn rầu nhận ra rằng thơ tôi chưa có cách tân triệt để. Về cấu trúc mà nói, nó vẫn chưa thoát khỏi thơ “Mới” những năm 1930.

Tính cách tân của nó chủ yếu chỉ là thay đổi dấu.

Thiên hạ chủ yếu làm thơ ca ngợi (dấu cộng).

Tôi chủ yếu làm thơ phê phán (dấu trừ).

Thơ ca ngợi hay phê phán cũng đều *trực tiếp* bị thúc đẩy bởi thời sự. Việc tôi bị án treo bút (không biết đến bao giờ, có thể đến suốt đời) đã tách tôi ra khỏi sức ép của xuất bản. Tôi bắt đầu nghĩ đến những thay đổi triệt để hơn.

Nhưng triệt để là thế nào tôi vẫn chưa hình dung được!

Thời kỳ này tôi vẫn tiếp tục làm thơ nhưng bắt đầu chán thơ mình. Tôi viết và xé bỏ rất nhiều. Bế tắc. Tôi quyết định nghỉ làm thơ một thời gian dài để có điều kiện suy nghĩ.

Rất nhiều đêm mất ngủ. Có lẽ bệnh mất ngủ của tôi bắt đầu từ thời kỳ này.

Tôi luôn luôn tự hỏi: Chẳng lẽ mình thiếu nghị lực đến mức không tận dụng được những bất hạnh gây ra cho gia đình, bạn bè, người quen, người không quen cũng như cho chính bản thân mình để có đủ hơi sức tiến hành những cách tân thơ từng ôm áp từ hồi nhỏ? Chẳng lẽ mình đành phí bỏ nghiệm sinh một cách vô ích và oan uổng? Làm thế nào để rũ bỏ được mặc cảm tội lỗi? Làm thế nào để không bị rớt lại như một rơ-moóc già tại một ga xếp rêu mốc?

Trần Dần hình như ngay từ đầu đã tìm ra con đường của mình và anh tiếp tục đi một mạch.

Tôi không có cái may mắn ấy.

Tôi phục xuống đọc sách. Trong cuộc đời chìm nổi của mình, những lúc nản lòng tôi đều trở về với sách, hy vọng tìm ra một lời giải, một lý do để tin trong việc giao lưu với những con người “tử tế” của chữ.

Rất may thời gian này Hội Việt kiều yêu nước tại Pháp gửi về tặng Thư viện Khoa học Xã hội rất nhiều sách, đặc biệt những sách về chủ nghĩa cấu trúc, về phong trào Thơ mới, Văn học mới, Phê bình mới... Những năm 50 là giai đoạn hoạt động tư tưởng sôi nổi của giới trí thức Pháp, có ảnh hưởng lớn đến diện mạo văn hoá nhân loại.

Tôi mê mải đọc sách 4 năm liền, ngày 8 giờ vàng ngọc thứ thiệt. Nhiều hôm tôi đọc thông tầm từ 2 giờ chiều đến 9 giờ tối, giờ thư viện tắt đèn. Thấy tôi về muộn phải vét cơm nguội ăn, con gái lớn tôi đã nói đùa: “Bố phải lòng cô nào mà mê mệt thế!”

Và tôi còn đọc nữa nếu như không xảy ra một sự cố bi hài kịch lớn.

Đế quốc Mỹ đã bắt đầu leo thang ném bom Hà Nội. Các cơ quan lục tục sơ tán.

Tôi vẫn mê mải đọc sách. Cùng vào thời điểm này, Trần Dần ra thư viện để dịch thuê Althusser và Trần Đức Thảo cũng “hội ngộ” để tìm tài liệu bổ sung cho những nghiên cứu của anh về giai đoạn sơ khai của ý thức.

Giám đốc thư viện là một thiếu tá chuyển ngành “râu hùm hàm én” rất Từ Hải. Con người trưởng thành này có lẽ rút kinh nghiệm từ bài học bất cẩn của Từ Hải nên đã có một cảnh giác rất “siêu”. Ông đã nói với thuộc chức:

“Thời buổi này ai còn tâm đầu đọc sách! Chắc bọn Trần Dần, Lê Đạt ra thư viện là để tụ bạ... làm bạ.”

Và ông hạ lệnh “cấm” chúng tôi đọc sách. Lẽ dĩ nhiên ông không công khai nói toạc ra như vậy mà sử dụng phương pháp trí trá khuất tất quen thuộc của đám thư lại. Một hôm tôi đưa phiếu mượn sách, cô thủ thư quen tỏ ra lúng túng và nói:

“Giám đốc chỉ thị các anh không được đọc sách tiếng nước ngoài, chỉ được đọc sách tiếng Việt.”

Cũng may lúc đó tôi cũng đã ngón gàn hết những sách cần đọc.

Và cho đến bây giờ tôi vẫn hàm ơn Thư viện Khoa học đã cho phép tôi “du học” bốn năm liền mà không cần chạy chọt cũng như vương bận những lo toan xích líp, quạt tai voi, dây mai-so, hạ thấp tư cách con người.

Trên đất nước bốn nghìn năm văn hiến ai ngờ đọc sách mà cũng gian nan thế.

Một anh bạn khá thân thường chạy tài liệu cho tôi dịch kiếm sống, một hôm có vẻ thông cảm rủ rỉ với tôi:

“Ông đúng là một thằng rồ, còn ai chịu in sách cho ông nữa mà cách tân với cách tung. Nghi cho nó khoẻ. Rồi tôi sẽ cố chạy thêm tài liệu cho ông dịch!”

Trước sự tốt bụng của bạn, tôi còn biết trả lời thế nào. Chỉ còn cách giấu biệt không cho ai biết những dự định thơ của mình như giấu một bệnh “đáng xấu hổ” ở chỗ kín của cơ thể.

Hay tôi là một thằng rồ thật!

Có lẽ do làm việc căng quá, tôi lâm bệnh. Chóng mặt. Đi lảo đảo. Nằm xuống nhiều lúc thấy đầu mình tụt xuống một hố sâu thẳm. Và ác mộng. Nhiều đêm sợ quá tôi phải ngồi dậy tựa lưng vào tường thức cho đến sáng.

Một anh bạn giới thiệu tôi với bác sĩ X, một chuyên gia thần kinh “năm bờ oản” thời bấy giờ, ở Pháp về.

Bác sĩ X hỏi tôi:

“Anh cho tôi xem sổ khám bệnh.”

Tôi cười trả lời:

“Đây là lần đầu tiên tôi đến khám tại một bệnh viện công.”

X ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

“Không sao, để tôi nói anh em kiểm tra toàn bộ sức khỏe cho anh...”

Xem kỹ những giấy tờ xét nghiệm và sau khi khám cho tôi, X chậm rãi:

“Anh chẳng có bệnh gì đáng bận tâm cả, chỉ bị stress thôi.”

X viết đơn cấp thuốc cho tôi và khế khàng như nói tâm sự:

“Ông đến nhờ tôi, lẽ tất nhiên tôi phải khám và cấp thuốc...”

X nhìn quanh rồi càng hạ thấp giọng:

“Thời buổi này ai chẳng suy nhược thần kinh... tôi cũng bị, lẽ tất nhiên ít hơn ông vì không bị ăn đòn...”

X tiến tôi ra cửa, bắt tay tôi khá chặt và dặn dò:

“Quên nó đi ông ạ.”

Chẳng biết tôi quên “nó” hay “nó” quên tôi mà chỉ sau đó ít ngày tôi bỗng hết bệnh.

Tôi vẫn loay hoay tìm cách đổi mới thơ mình nhưng thất bại. Cái thói quen ngôn ngữ là một trong những thói quen cứng đầu và hết sức ngoan cố.

Thời trước *Nhân Văn* tôi tin tưởng hào hứng biết bao!

Hình như những ngày đẹp trời đã qua. Và giờ đây là một chuỗi những Chủ nhật buồn.

Tôi thêm cái đỉnh ninh của Trần Dần.

Nhưng tôi biết Trần Dần cũng chẳng thể giúp gì được tôi.

Tôi không thể làm giống như anh được. Với Dần, tôi cũng ngày một kính nhi viễn chi hơn.

Không phải hai đứa mâu thuẫn gì nhau.

Tôi không có cái “bình thường tâm” của kẻ tu chợ và cần phải có một diện tích thanh vắng nhất định để thiền ngẫm cũng như nghiệm chữ.

Trong cuộc đời trầm luân một con người, đôi khi ta hạnh ngộ một vài câu nói nó cứu mang mình như một chiếc phao cứu sinh.

Suốt đời tôi hàm ơn ba câu nói.

Một của Trang Tử: *“Mọi người đều biết lợi ích của cái hữu dụng, ít người biết lợi ích của cái vô dụng”*.

Hai của Lacan: *“Vô thức được cấu trúc như một ngôn ngữ”*.

Ba của Mallarmé: *“Hãy trả tính chủ động cho chữ”*.

Tôi bắt đầu cuộc hành trình vô dụng lần tìm vô thức thông qua việc giải phóng ngôn ngữ.

Tôi xin phép được nhắc lại đây một đoạn viết khá dài trong tập *Đời tôi và tâm phân học* của Freud, cũng sâu sắc như Lacan nhưng lại dễ hiểu hơn: *“Người ta thấy miền tưởng tượng là một kho chứa được hình thành khi có sự chuyển đổi đau đớn từ nguyên lý khoái lạc sang nguyên lý thực tế nhằm tạo ra một thế vật cho việc thoả mãn xung năng mà cuộc sống buộc con người phải từ bỏ. Người nghệ sĩ giống như một người loạn thần kinh, anh ta tự rút lui vào thế giới tưởng tượng ấy, tách khỏi hiện thực không làm anh ta thoả mãn. Nhưng khác với người loạn thần kinh, nghệ sĩ biết cách làm thế nào tìm lại được con đường hiện thực vững chắc. Các tác phẩm của anh ta là sự thực hiện tưởng tượng những khát vọng vô ích giống hết những giấc mơ... Nhưng trái lại với những giấc mơ phi-xã hội và nặng tính tự si, sáng tác của nghệ sĩ bộc lộ khả năng gọi mỗi đồng cảm ở người khác, đánh thức và thoả mãn chính những khát vọng vô thức ấy ở nơi họ.”*

Freud còn viết: *“Mọi đứa trẻ khi chơi ửng xử như một nhà thơ với ý nghĩa nó tự tạo ra cho mình một thế giới hay nói chính xác hơn, nó chuyển dịch những đồ vật của thế giới nó đương sống sang một trật tự mới phù hợp. Nó coi trò chơi của mình là rất nghiêm túc.”* (L.Đ. nhấn mạnh.)

Nói một cách nôm na, người làm thơ thực hiện một trò chơi chữ nghiêm túc, sử dụng những phép tu từ học (ám dụ, hoán dụ, lược tỉnh, ghép âm, nói lái nói lối...) như một đứa trẻ chơi với những đồ vật chung quanh.

Thế nào là chơi nghiêm túc? Chơi nghiêm túc là chơi thật, chơi hết mình, sống trò chơi như một nghiệm sinh thực thụ. Nghiêm túc không mâu thuẫn với trò chơi mà mâu thuẫn với chơi đùa hay tài tử. Từ một người chơi tài tử tôi đã nỗ lực nghiêm túc để trở thành một người chơi chuyên nghiệp.

Người làm thơ chơi những phép tu từ như một thứ bẫy vô thức. Anh ta sinh sự với ngữ nghĩa và ngữ pháp để tạo ra một sự sinh mới cho thơ.

Người làm thơ rập tâm biến ngôn ngữ tiêu dùng thành một thứ ngôn ngữ trò chơi (hiểu theo nghĩa mạnh) trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mơ mà Roland Barthes gọi là một sự chú ý bồng bềnh (attention flottante).

Chính cái trò chơi hết mình này khiến Freud coi các nghệ sĩ như một thứ trẻ con lớn tuổi có khả năng đánh thức bản năng trò chơi của độc giả.

“Mỗi người tự nhớ lại thời anh ta sống thực với những ham muốn trẻ thơ trong đó ngôn ngữ làm ra thế giới, thời gian là chiếc gậy của nàng tiên và tấm thảm bay, tóm lại thời của ma thuật”. (J. Bellemin-Noel)

Tôi xin phép được mở ngoặc để nói thêm về từ chơi chữ vì từ này do bị sử dụng quá nhiều đã xuống cấp nghiêm trọng và thường bị nhiều người coi như một trò kỹ xảo đơn thuần có tính lý trí. Người chơi chữ dễ dàng được coi là một người thông minh. Như tôi đã trình bày ở trên, chơi như vậy là chơi đùa. Nhà nghệ sĩ cũng như đứa trẻ không chơi đùa mà chơi thật khiến trò chơi chữ không còn là một trò chơi đơn thuần dựa trên óc thông minh của một người tinh táo mà dựa trên toàn bộ trí năng cũng như cảm năng của một kẻ đam mê bị thánh óp trong một cơn thượng đồng của chữ.

Về phương diện này phải coi Hồ Xuân Hương như một nhà thơ tiên phong đầu bảng trong thi pháp Việt Nam.

Hãy theo dõi cuộc chơi chữ hết sức nghiêm túc và tài ba của cao thủ chữ họ Hồ:

*Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng ấy ái uông...*

*Cửa son đỏ loét tùm hum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu...*

Nứt ra một lỗ hõm hòm hom...

Cái hay của bà Hồ không phải ở chỗ nói đến “cái ấy” một cách công khai và trì tục mà ở chỗ bà đã làm việc đó, thông qua một nghệ thuật chơi chữ hết mình một cách hiểm hóc, tài tình và hữu hiệu. Hàng phòng ngự chặt chẽ và cứng rắn của nguyên lí thực tế đã bị nguyên lí khoái lạc xuyên thủng và sút tung lưới.

Tôi xin lấy một ví dụ, bài “Giáo Thụ gửi vợ” cũng nói về “cái ấy” một cách mạnh mẽ:

*Cõi Bắc anh mang thằng củ lẳng
Miền Nam em giữ cái chai he
Hắn còn vương vít như hang thỏ
Hay đã to ho quá lỗ trê?*

Nhưng sao nghe không sướng - nó lỗ lồ và dung tục quá! Điều quan trọng không phải là nói đến cái ấy mà là nói như thế nào. Tôi không hủ nho tới mức lấy đũa gấp giải rút quần vợ. Trong thơ người ta có quyền nói tất cả mọi thứ nhưng nhất thiết phải nói bằng thơ, nghĩa là phải vượt qua chủ nghĩa tự nhiên cấp 1 đến cấp 2 của nghệ thuật. Một bức tranh khoả thân của Renoir hoàn toàn khác một anh đằm trường của phim con heo.

Tất cả cái “khoái” trong thơ Xuân Hương không nằm ở chỗ nói trắng cái ấy ra mà ở phép nửa kín nửa hở, nó kích thích lòng ham muốn của người đọc. Ham muốn vốn không có khuôn mặt thật. Ham muốn thường hiện ra dưới nhiều hình dạng, nó nuôi dưỡng và duy trì những đòi hỏi của nguyên lý khoái lạc.

Cái ấy thì ai chẳng biết...

Nhưng “biết rồi khổ lắm nói mãi, thế rồi làm sao”!

Chính cái “thế rồi làm sao” ấy là nghệ thuật.

Trong trò chơi phi ngựa của trẻ nhỏ, vật chơi chỉ là một chiếc gậy gỗ, chính tưởng tượng, chính sự đam mê của đứa trẻ đã biến chiếc gậy gỗ thành con ngựa. Cái thích thú nằm ở chỗ chiếc gậy gỗ không phải là con ngựa mà vẫn là ngựa hay nói một cách dân dã hơn “nói dzậy mà không phải dzậy”. Cái ấy bao giờ cũng có mặt và bao giờ cũng vắng mặt trong một trò ú tim vô tận.

Bà Hồ có nhiều câu thơ kiệt xuất nhưng câu tôi kính nể nhất vẫn là câu:

Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không

Nó thăm thẳm như chiếc hố không bao giờ có thể lấp đầy của ham muốn.

Không nên quên ham muốn về cơ bản khác với nhu cầu. Nhu cầu thì hữu hạn và có thể thoả mãn được, còn ham muốn thì vô hạn và luôn luôn “bất mãn”.

Tôi bắt đầu tự làm khó dễ mình bằng những bài tập chơi chữ sử dụng tất cả những phép tu từ học có thể theo tiếng gọi của những âm tiết. Viết xong đến đâu lại xé lại đốt đến đó như một anh chàng lẩn thẩn. Tôi không muốn và cũng không dám cho ai xem. Sự tự cô lập này thật hết sức nặng nề.

Trần Dần thỉnh thoảng có hỏi tôi: “Sao lâu nay không thấy cậu làm thơ?”

Tôi chỉ cười xoa trả lời: “Vẫn làm nhưng không ra gì.”

Đặng Đình Hưng nửa nạc nửa mỡ: “Ông anh ‘xêriô’ quá... Phải côn huyền còn như thằng em

này thì thơ mới bốc được.”

Không, tôi nhất quyết không sử dụng bất cứ một thứ “đôpinh” nào.

Người ta có thể đạt tới sự xuất thần bằng nhiều cách, không nhất thiết phải cậy nhờ những chất ảo sinh (hallucinogène) và kích hoạt.

Một nhà thơ mà phải nhờ đến chất “viagra” để thượng đồng thì yếu quá.

Tôi đã nỗ lực rất nhiều để trở thành một kẻ rò chữ. Tôi xin được phép nhắc lại một lần nữa. Người làm thơ hoạt động ở những vùng biên ngôn ngữ rất giống một người điên. Cái khác biệt giữa họ nằm ở chỗ người điên thì vượt biên đi thẳng tới cõi vô thức hoàn toàn của đêm tối mù mịt và ở lại đó, còn người làm thơ thì loạng choạng bước một vài bước sang cõi vô thức thì ngừng lại và biết đường sau quay, trở về với cõi ngày của ý thức sau khi đã lượm dăm mẩu đêm của vô thức để mở rộng địa giới của cõi chữ. Làm thơ không chỉ đòi hỏi sự buông lỏng mà còn một cảnh giới thượng thừa.

Không một nhà thơ nào lại không muốn có người đọc mình bây giờ và ở đây.

Lời tuyên bố hoàn toàn sáng tác cho tương lai chỉ biểu hiện của một thái độ hờn dỗi vụn vặt đắc dĩ.

Tháp ngà là một hình ảnh không lấy gì làm sáng giá của trường phái thơ lãng mạn. Nhà thơ không mong muốn sự cô đơn, nhà thơ chỉ chấp nhận nó.

Không tháp ngà nào ngăn cản được tiếng vang vọng của sự sống cũng như của những bận tâm nhân loại của người nghệ sĩ.

Nhà thơ càng cô đơn càng cần san sẻ. Cần nhưng sợ. Dem những câu thơ đến bản thân mình cũng phải cố gắng mới làm quen được tung ra đời liệu có được thiên hạ thông cảm không? Cái tình trạng bồn chồn ấy thật đáng sợ. Và nó kéo dài trong nhiều năm.

*Thương anh nỗi trường kỳ nợ sợ
Một mình huyết gió nghĩa trang đêm*

Những năm đó tôi rất thân với hai câu thơ cực hoang vắng của Mạnh Hạo Nhiên:

*Bất tài minh chủ khí
Đa bệnh cố nhân sơ*

Vì bất tài nên minh chủ (chứ không phải vua ngu) không dùng, nhiều bệnh nên cố nhân (chứ không phải kẻ sơ giao) ít lui tới.

Thái độ tri thiên mệnh và bình thân của họ Mạnh đã nâng đỡ tôi không ít trong dằng dặc trường kỳ bất hạnh.

Sau khi làm những bài tập tự do ghép chữ một thời gian, tôi bắt đầu tập “chơi chữ” theo những

đề tài nhất định hay nói một cách giản dị hơn, tôi bắt đầu tập sáng tác.

Tôi đã mất ba tháng để viết xong bài “Ông phó cả ngựa” lần thứ nhất và ba tháng nữa để sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu lần, nhiều câu chữa mãi có khi lại trở về câu lần đầu, đi chông chênh trong một vùng bất định đầy sương mù, luôn đối diện với một câu hỏi da diết... đâu là điểm tựa do xa nhất chữ có thể đạt tới, đâu là cực hạn nhất thiết không được bước qua.

Tôi vốn không phải là một nhà thơ suốt mơ. Trong những năm tháng bất hạnh của nghiệm sinh tôi đã tu dưỡng một nụ cười bất chấp, một “chủ nghĩa makêô” chính hiệu. Người yêu thì gọi tôi là “ông Di Lạc”, kẻ ghét thì là “tên *Nhân Văn* ngoan cố”.

Không hiểu sao khi đọc lại bài thơ “Ông phó cả ngựa” còn nóng hổi những chữ mới ra lò, nước mắt tôi cứ ứa ra không cầm lại được.

Tôi hiểu rằng mình đã được cứu rỗi.

Vào những năm 80, sau khi được phục hồi, chuẩn Tổng Thư ký Hội Nhà văn Nguyễn Khải nói với tôi:

“Anh chọn mấy bài thơ cho báo *Văn Nghệ*.”

Nghe nói (?) khi đưa mấy bài thơ của tôi cho báo, có người trong Ban Biên tập đã hỏi Nguyễn Khải:

“Anh có hiểu không?”

Khải trả lời:

“Mình cũng không hiểu lắm nhưng cứ nên đăng.”

Sau khi số báo ra mắt độc giả có khá nhiều phản hồi “tiêu cực”.

Một nhà thơ kỳ cựu từ thời Tự lực Văn Đoàn T.T. hỏi tôi một cách đầy thiện chí:

“*Át cơ rơi*, ông định nói gì thế?”

Mà không phải chỉ có một mình T.T.

Tôi chợt nghĩ đến Mallarmé. Khi có người hỏi: “Ông định nói gì trong bài thơ?”, Mallarmé trả lời: “Nếu biết nói gì thì nói, việc gì phải viết.”

Một số nhà thơ chống Mỹ có cảm tình với tôi cũng tỏ vẻ thất vọng:

“Tưởng anh mới thế nào chứ mấy bài vừa rồi chẳng có gì mới cả!”

Phần lớn những người bạn “chính trị” của tôi cũng quở trách. Đ.P., một cựu tù Sơn La tỏ ra khá quyết liệt:

"Ông im tiếng bao nhiêu lâu, giờ tái xuất giang hồ, anh em chờ đợi một tuyên ngôn của ông về dân chủ, tự do, ông lại cho in mấy bài thơ tình vợ vẫn."

Tôi cười trả lời:

"Có tuyên ngôn đấy chứ, tuyên ngôn về quyền dân chủ của chữ."

Đ.P. cau mặt:

"Ông thì lúc nào cũng đùa được."

Tôi trộm nghĩ rằng hành động yêu nước nghiêm túc nhất của một công dân với tư cách một người làm thơ là cúc cung tận tụy bảo vệ và mở mang bờ cõi chữ của dân tộc mình.

Chỉ có một người (lẽ dĩ nhiên là theo chỗ tôi biết) tin là tôi nói thật: Trần Đĩnh.

Trần Đĩnh là nhà báo lâu năm, quen tôi từ hồi "Sự thật" ở trên rừng. Anh nổi tiếng về những tập hồi ký cách mạng, ghi lại theo lời kể... Trần Đĩnh đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn tại trường Đại học Bắc Kinh nổi tiếng. Đĩnh rất lọc lõi thơ Đường. Ngoài ra anh còn có một vốn kiến thức quảng bác về thơ thế giới.

Thế là ít nhất đã có hai người tương đối hiểu thơ tôi, bản thân tôi và Trần Đĩnh.

Tôi xin nhấn mạnh: thêm một người không đơn thuần là một thay đổi về số lượng, mà quan trọng hơn hết, đó là một thay đổi về chất lượng. Tôi đã thoát khỏi vòng cô đơn. Một người là số ít nhưng hai người là khởi điểm của số nhiều. Trần Đĩnh đã giúp đỡ tôi **không ít** trong quá trình *Bóng chữ* qua những nhận xét vừa tinh tế vừa bốc đồng của anh.

Năm 1993, Hội Nhà văn chủ trương xuất bản cho những anh em vừa được "phục hồi" mỗi người một tập thơ.

Hoàng Cầm cho in tập *Về Kinh Bắc*, tập thơ đã đưa anh vào vòng lao lý. Phùng Quán cho in *Thơ Phùng Quán*. Trần Dần, tập *Công tĩn*, một tiểu thuyết thơ và tôi cho in tập *Bóng chữ*. Trong mấy tập thơ trên, số phận tập *Bóng chữ* có phần long đong hơn cả.

Khi đưa Nhà xuất bản Hội Nhà văn, giám đốc kiêm tổng biên tập N.V.P. nhất định không chịu ký duyệt phần *Lão Núi*. Không phải vì ác ý. N.V.P. nói: "Tôi không thể ký tên chịu trách nhiệm về những bài thơ tôi chẳng hiểu gì cả!".

Cũng may việc này tôi đã đề phòng trước. Khi đưa tập thơ cho Ban Chấp hành Hội Nhà văn tôi đã nói với Chính Hữu và Hữu Mai, hai nhân vật có ảnh hưởng nhất trong Ban Chấp hành thời bấy giờ:

"Nếu các ông thấy có những điểm sai sót về chính trị, tôi dứt khoát sẽ sửa, ngược lại các ông nên đảm bảo cho tôi tự do về mặt phong cách."

Chính Hữu và Hữu Mai tán thành và chính nhờ sự ủng hộ tích cực của hai người mà tập *Bóng chữ* được ra đời một cách trọn vẹn không bị cung hình.

Vừa chân ướt chân ráo ra mắt độc giả, *Bóng chữ* đã được ăn đòn ngay.

Một nhà thơ thời chống Mỹ viết một bài đả kích thậm tệ đăng trên tạp chí *Văn nghệ Quân đội* lên án tôi tham chữ bỏ nghĩa, nặng hơn nữa còn chủ trương vô nghĩa, gọi *Bóng chữ* là “thơ ú ó” sùng bái vô thức chống lại ý thức.

Toàn những khuyết điểm giết người!

Bài viết quá nhiều lỗ hổng về kiến thức, kể cả những kiến thức cơ bản.

Lẽ dĩ nhiên tôi không trả lời.

Một nhà thơ trẻ hỏi tôi: "Sao chú không trả lời?"

Tôi cười: "Người ta phê bình một nhà thơ trùng tên Lê Đạt chứ có phê bình mình đâu, mình mà ngu thế làm sao còn sống được đến giờ."

Không biết xuất phát từ đâu dư luận dứť khoát rằng thơ tôi khó hiểu.

Có người vừa mở tập *Bóng chữ* lướt qua đã gập sách lại và kêu ca rằng thơ tôi “hũ nút”. Trong thơ, nạn đọc bằng tai chứ không bằng mắt cũng khá phổ biến.

Tôi không yêu cầu độc giả ủng hộ tôi vô điều kiện, tôi chỉ yêu cầu sự công bằng. Đa số các bài thơ của tôi đều được viết đi viết lại nhiều lần. Bài "Át cơ" chỉ vắn vện bốn năm câu mà chi phí mất hàng tuần, chẳng lẽ độc giả quá tần tiện đến mức không nở chiếu cố cho nó mười mười lăm phút bạc vụn?

Hơn nữa, “hiểu” căn bản là hoạt động của lý tính trong tiếp xúc của con người với ngoại giới. Người ta có thể chưa “hiểu” mà vẫn cảm nhận được thông qua trực giác, nó cũng quan trọng chẳng thua gì lý tính trong hoạt động nhận thức.

Khi ta “mê” một người con gái nhiều khi ta cũng không hiểu tại sao. Các nhà thơ lãng mạn gọi đó là “tiếng sét ái tình”. Chỉ sau khi hết choáng váng ta mới có điều kiện sử dụng lý tính để “hiểu” và hiểu mãi vẫn chưa hiểu hết.

Không phải bao giờ cũng hiểu mới cảm được.

Những lời ủng hộ mạnh mẽ đầu tiên đến từ Paris.

Người đầu tiên là Đỗ Kh., một nhà thơ trẻ nổi tiếng vì những câu thơ “bất lịch sự” trên *Tạp chí Thơ ở Cali*.

Hôm đến từ biệt nhà thơ Hoàng Cầm, Đỗ Kh. tiện tay vớ tập *Bóng chữ* trên sàn gác, đọc qua thấy lạ bèn đút luôn vào túi (Kh. cứ yên tâm mình đã đền Hoàng Cầm một cuốn *Bóng chữ* khác rồi). Trên đường về qua Lào, Kh. tranh thủ đọc *Bóng chữ* ở khách sạn và lập tức viết cho tôi một lá thư “hết sức lịch sự” và cảm động.

“Anh khiến bọn trẻ chúng em cảm thấy bứt rứt lạc lõng.”

Rất cảm ơn Đỗ Kh.!

Người thứ hai là Đặng Tiến, nhà phê bình thơ được nhiều người tán thưởng ở hải ngoại. Bài của Đặng Tiến được Vũ Quần Phương đăng hai kỳ trên báo *Người Hà Nội* của giới văn nghệ thủ đô cho thấy một vốn kiến thức khá sâu sắc về thơ Việt cũng như thơ thế giới.

Đặc biệt nhất là bài của Thụy Khuê nói về *thơ tạo sinh của Lê Đạt* phát trên đài R.F.I. và sau được in trong tập tiểu luận *Cấu trúc thơ*.

Sau khi bài phê bình của chị xuất hiện, trong nước cũng như ngoài nước có dư luận rằng tôi đã “gà” Thụy Khuê viết bài này.

Đó là những xì xào không đúng sự thật. Thời kỳ đó tôi chưa quen Thụy Khuê.

Chị có liên lạc với Hoàng Ngọc Hiến xin tôi một tập *Bóng chữ*. Và một hôm chị “phôn” cho tôi từ Paris nói rằng đài R.F.I. sẽ phát bài của chị về *Bóng chữ*, chị đề nghị tôi nghe và cho biết ý kiến.

Sự sắc sảo của Thụy Khuê khiến tôi ngạc nhiên. Tôi có viết gửi chị một lá thư. Và lá thư hậu *Bóng chữ* này đã mở ra một tình bạn tận tâm và lâu dài giữa hai người.

Một tác phẩm nghệ thuật khi ra đời, nếu nó được tác giả thật sự mang nặng đẻ đau với tất cả tâm huyết của mình, tự nó đủ sức tự vệ.

Không sức mạnh nào bắt nạt hay bịt miệng được nó!

Hậu từ

Trong thời gian viết “Đường chữ”, một nhà báo quen hỏi tôi: “Nhân dịp kỷ niệm 50 năm *Nhân Văn* anh muốn gửi thông điệp gì?”

“Xin bạn cắt ngay cho tôi từ *thông điệp* vào tử, coi nó như loại dược phẩm độc hại môi trường bảng A.”

Lạm dụng những từ khoa trương rất không tốt cho sức khỏe ngôn ngữ quốc gia và có nguy cơ cao dẫn đến nạn lạm phát.

Trong quốc sách tiết kiệm không nên quên tiết kiệm ngôn ngữ.

Đừng sai ngôn ngữ như sai tiền chùa.

Một hôm trên nóc nhà tròn quận XIII Paris, trụ sở của đài R.F.I., sau bữa ăn trưa, nhà phê bình văn học Thụy Khuê có hỏi tôi:

"Anh là một trong những nhà văn Việt Nam có điều kiện thuận lợi nhất để viết hồi ký về *Nhân Văn Giai Phẩm*, sao anh không viết?"

"Không phải không viết mà chưa viết."

"Bao giờ anh viết... ?"

"Khi có đủ can đảm."

Thụy Khuê có vẻ hơi khó chịu: "Em hỏi nghiêm túc".

"Mình cũng nghiêm túc."

"Ít năm nay theo đường lối Đổi mới, chính quyền hành xử đã có vẻ bớt cứng rắn..."

"Mình chưa viết không phải vì sợ chính quyền. Lẽ dĩ nhiên trong một nước thế giới thứ ba, từng trải hàng nghìn năm phong kiến và thuộc địa việc sợ đó không bao giờ thừa. Ở Việt Nam, người ta chưa có thói quen nói đến khuyết điểm của người đã khuất và điều mình sợ là đọc xong tập hồi ký, các con bạn có thể đến chất vấn: Bố cháu với bác là chỗ thân tình, cả nhà cháu đều quý bác sao bác lại 'đánh' bố cháu?"

Đúng là có thể chết luôn được!

Nhưng điều tôi sợ nhất chính là bản thân mình. Liệu tôi có đủ can đảm giữ gìn để khỏi hạ cấp việc viết hồi ký thành một toan tính "mông má lý lịch" hoặc "tự tố điều" thành tích nhằm đánh bóng thương hiệu?

Vào giai đoạn hiện tại tôi tự xét chưa đủ bản lĩnh miễn dịch cám dỗ ma quỷ ấy.

Năm 2000 tôi có viết bản trường ca *Bước ký vào XXI*, xin phép được tái sử dụng phần kết của nó cho tiểu luận này:

*Năm 2000
năm chiếu cố
những địa đầu thiếu số
Các nhà cầm quyền
đổi đăm nghi can
đứng trước giờ công bố
hãy nhẹ tay.*

Phụ lục

Vợ Nhân Văn

Lịch sử quyết làm cam chịu

Xin lỗi em
những đêm Nguyễn Bình Khiêm ^[1] trần trọc
Anh Thái Hà ^[2] chưa về
và em khóc
Xin lỗi em
những lời khuyên “cắt đứt”
Vạ gì đeo hai tiếng “liên quan”
Những buổi sớm
muốn chui đầu xuống đất
Mặt trời soi ngày kiểm thảo bắt đầu
Xin lỗi em
tiếng oan vợ thằng phản động
Lý lịch ba đời mấy đứa con thơ
Xin lỗi em
tuổi ước mơ không được sống
Những giấc ngủ
chưa một lần tròn mộng
Chung thân tâm thần
trọng tội đa mang
Đời sau ơi
May còn đoái đến tôi
Hãy trả giùm tôi món nợ
Người vợ nhỏ
vừa thoát tuổi khăn quàng đỏ
Đầu chụp mũ chồng
lưng thập tự Sói ăn
Và Đức Phật
duyet xuất biên vào Tĩnh thổ
Xin độ trì
những Thị Kính - vợ - Nhân Văn.

Lê Đạt Thụy Khuê

Trong ba người bạn thân cùng hoạt động NVGP, Trần Dần viết nhật ký, Hoàng Cầm thuật lại dĩ vãng trong các bài ký, hồi ký. Duy có Lê Đạt là không có tiểu sử rõ ràng. Tại sao? Một phần, dường như ông không coi tiểu sử nhà văn là vấn đề quan trọng, nhưng có lẽ còn một lý do nữa, vì tiểu sử của ông, nếu viết rõ ra, chỉ “có hại” cho gia đình. Ông không muốn các con biết về hoạt động của cha để đỡ bị liên lụy. Đào Phương Liên, con gái ông, hỏi: *Bố là ai? Các con không biết cha đã từng làm thơ, vì trong nhà “không có một quyển truyện một quyển thơ nào”.*

Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10/09/1929 tại xã Âu Lâu, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, mất ngày 21/4/2008 tại Hà Nội. Cha là Đào Công Đệ (mất năm 1975), quê phường Á Lữ, xã Mỹ Lộc, Phủ Lạng Giang (Bắc Giang), làm việc trong sở hoả xa Vân Nam tại Yên Bái, gặp mẹ ông là Nguyễn Thị Sen (mất năm 1982), người làng Đình Bảng, Bắc Ninh, theo gia đình lên Yên Bái buôn bán. Lê Đạt học tiểu học ở Yên Bái, năm 1941, 12 tuổi lên Hà Nội, học trường Bưởi. Kháng chiến bùng nổ, trở về quê cha, tiếp tục trung học tại Á Lữ. Rồi đi theo kháng chiến. Về thời kỳ này, Lê Đạt chỉ ghi vài hàng sơ lược:

“Năm 45 khi cách mạng tháng 8 bùng nổ, tôi theo cách mạng, rồi đi kháng chiến, chủ yếu hoạt động trong ngành tuyên huấn. Năm 49, tôi về công tác tại ban tuyên huấn của TU đảng Cộng Sản Việt Nam. Năm 1952, tôi chuyển hẳn về Hội văn nghệ TU và bắt đầu cuộc đời sáng tác của nhà văn chuyên nghiệp” (trích tiểu sử viết tay, Đường Chữ, nxb Hội Nhà Văn, 2009).

Trong *Từ điển văn học*, Nguyễn Huệ Chi ghi: *“Đầu kháng chiến, học tiếp trung học ở vùng kháng chiến rồi về công tác tại Ban tuyên huấn tỉnh Vĩnh phúc và tiếp tục theo học trường đại học Pháp lý cho đến khi trường giải thể. 1949, chuyển lên ban Tuyên Huấn trung ương đảng lao động VN. 1952 về Hội văn nghệ. Sau 1954, về Hà nội, tiếp tục công tác ở Hội văn nghệ”*.

Nhưng Hoàng Cầm cho biết: Năm 1948, [mười chín tuổi] Lê Đạt đã là bí thư văn nghệ của Trường Chinh. Điều này dường như Lê Đạt không muốn nhắc đến.

Hoàng Cầm viết: *“Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phó viên của Tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang Hội Văn nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu.”* (Hoàng Cầm, Nguyễn Đình Thi trong tôi – Nguyễn Đình Thi ngoài tôi, Hồi kí, Talawas).

Nhưng trong bản “thú tội” của Lê Đạt, lại có câu: *“Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh tụ”* (Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 80).

Như vậy, chúng ta có thể tạm sắp xếp lại tiểu sử của Lê Đạt, giai đoạn kháng chiến như sau:

Năm 1945, 16 tuổi, học trường Bưởi, Lê Đạt chưa theo Việt Minh, lúc đó ông đang chịu ảnh hưởng Tự Lực văn đoàn, như phần đông các thanh niên “tiểu tư sản” thời ấy, mẫu người cách mạng lý tưởng đương nhiên là Dũng (trong *Đoạn tuyệt* và *Đôi bạn*) của Nhất Linh, dù ở Hà Nội hay Yên Bái, tâm cảm của họ còn rất lãng mạn :

Yên Bái/ dăm cô gái / lữ thi / thôn thức / Nhất Linh / tay / Loan Dũng / lên ô kính bụi

Sau này, Lê Đạt hết sức chống lại cái lãng mạn của Tự Lực văn đoàn, có lẽ cũng chỉ là một cách sống lại những “lỗi lầm của tuổi trẻ”.

Lê Đạt theo *Quốc dân đảng* trong bao lâu? Có thể từ 1945 đến 1948 (16 đến 19 tuổi), rồi được “giác ngộ” theo Việt Minh. Nhờ tài năng, người thanh niên này được đưa vào Tuyên Huấn Trung Ương, làm bí thư của Trường Chinh. Tiểu sử chính thức của Lê Đạt bắt đầu từ 1948.

Vẫn theo Hoàng Cầm, năm 1949, khi Tố Hữu phụ trách toàn bộ văn nghệ kháng chiến, Trường Chinh cử Lê Đạt làm trợ lý cho Tố Hữu. Sự bổ nhiệm này cho thấy: lãnh đạo đã nhìn thấy ở Lê Đạt khả năng chiến lược và chính trị cao hơn Tố Hữu.

Ngoài ra, những dữ kiện trên đây còn giải thích:

- Tại sao Lê Đạt thấy mình “vững” hơn Nguyễn Hữu Đang trong việc tổ chức báo Nhân Văn.

- Việc ông thân thiết, kính trọng Thụy An và Phan Khôi, bởi cả ba đều đã từng hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng.

- Và sự tranh đấu của Lê Đạt, khác với các bạn văn nghệ sĩ, thể hiện trên hai mặt: Về chính trị, chống chính sách đảng trị, đòi hỏi tự do dân chủ và về văn nghệ, chủ trương đổi mới thơ ca.

Sự nghiệp đổi mới thi ca

Lê Đạt thất bại trong đấu tranh chính trị, nhưng ông đã thành công trong việc đổi mới thi ca.

Sau hơn 30 năm cầm in, Lê Đạt được “phục hồi” năm 1988. Tập *Bóng chữ* (nxb Hội nhà văn, 1994), tác phẩm đầu tiên xác định ông như một nhà thơ lớn, cùng với Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng, Trần Dần, đã xây dựng nên nền thơ Việt nam hiện đại.

Tiếp đến những tập *Hèn đại nhân*, (truyện ngắn, nxb Phụ nữ, 1994), *Ngó lời* (thơ, nxb Văn Học, 1997), *Từ tình Epphen* (Tạp chí thơ, Cali, 1998). *Mi là người bình thường*, (truyện ngắn, nxb Phụ nữ, 2007), *U75 từ tình* (thơ và đoản ngôn, nxb Phụ nữ, 2007); và sau khi ông mất, *Đường chữ* (tuyển tập, nxb Hội Nhà Văn và Bách Việt, 2009).

Chủ trương đổi mới thi ca của Lê Đạt bắt đầu từ năm nào? Nguyễn Huệ Chi viết trong *Từ điển văn học* “*Bài thơ đầu tiên in trên Văn Nghệ năm 1951*”, nhưng đó chỉ là bài thơ đầu tiên được in ra, còn thực sự Lê Đạt đã làm thơ từ trước, từ nhiều năm trước và tập *Tình mẹ* (*Đường chữ*, phần di cảo) đã chứng minh điều đó.

Trong một đoạn hồi ký, Hoàng Cầm viết:

“*Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của Tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang Hội Văn nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu. Vốn là một anh sinh viên rất trẻ, rất sôi nổi, vừa đặt chân đến Hội, Lê Đạt đã làm thân với các bậc cha chú như Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát. (...) Lê Đạt khởi xướng ra cuộc tranh luận về một đề tài mới mẻ và có vẻ hấp dẫn lắm: Vấn đề thơ không vần của Nguyễn Đình Thi (...) Anh Nhị Ca sôi nổi cho tôi biết về cuộc tranh luận thơ không vần từ tháng trước, giọng Nhị Ca rất vui, anh nói: - Tiếc quá! Cậu không dự hôm ấy, giá có cậu thì có lẽ cũng góp được nhiều ý kiến bênh vực cho cái gọi là thơ không vần. Đăng này chỉ có tớ với Lê Đạt thêm một thằng Lưu Quang Thuận. Và anh Bửu Tiến. Cũng may có thêm bác Phan Khôi. Ông già này lại bệnh rất hùng hồn, mày ạ. Còn một tá những ông già khác không chịu nói gì, hoặc có nói lại về hùa với ông Lành. Anh Thi đâm ra yếu thế, sau cứ đành gờ sườn ra cho các ông ấy thụi. Thành thử, cái loại thơ tự do không vần bị ăn một trận đòn đéch cã vào đầu được.*” (Hoàng Cầm, Nguyễn Đình Thi trong tôi – Nguyễn Đình Thi ngoài tôi, Hồi kí, Talawas)

Như vậy, theo Hoàng Cầm, Lê Đạt đã xướng lên cuộc tranh luận về thơ không vần từ năm 1949 và Lê Đạt cùng với Lưu Quang Thuận, Bửu Tiến, Phan Khôi, ủng hộ thơ Nguyễn Đình Thi. Người đánh Nguyễn Đình Thi là Tố Hữu (ông Lành).

Lê Đạt cũng nói: “*Thời kháng chiến, tôi và Nguyễn Đình Thi mới đầu chịu ảnh hưởng Eluard và tôi cũng làm thơ không vần như anh Thi. Tôi trọ ở nhà Eluard không lâu. Một thời gian dài tôi và Trần Dần chịu ảnh hưởng của Maiakovski rất đậm*” (Nghe Lê Đạt kể chuyện mình, Phạm Tường Vân phỏng vấn tháng 1/2003, đăng trên BBC Việt Ngữ 6/5/2008).

Như vậy chúng ta có thể xác nhận: Lê Đạt làm thơ không vần, ít nhất từ 1948, và tập *Tình mẹ*, có thể là những sáng tác đầu tiên của Lê Đạt.

Gia cảnh Nhân Văn

Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử*, gây sóng gió suốt thời kỳ Nhân Văn, và ghi lại trong ký ức người đọc sự phản kháng sâu sắc của nhà thơ đối với một thể chế độc tài, khống chế tự do tình cảm, tự do luyện ái, can thiệp vào đời tư của con người, khởi đi từ những sự kiện có thật trong đời Lê Đạt.

Lê Đạt kết duyên với cô Nguyễn, cán bộ cốt cán, nhưng không hợp, chỉ sống chung một thời gian ngắn, rồi chia tay (khoảng 1955).

Một thời gian sau, Lê Đạt yêu Thúy Thúy (Nguyễn Thị Thúy), nghệ sĩ đang lên của đoàn Kịch Trung Ương. Năm 1956, hai người sống chung. Việc “bỏ người vợ cốt cán”, để lấy vợ nghệ sĩ, đã gây cho Lê Đạt và Thúy Thúy, không ít khó khăn, cả hai đều bị kiểm thảo, Trần Dần ghi lại sự việc này trong nhật ký những ngày từ 23 đến 27/9/1955 như sau:

“Phê phán Lê Đạt:

Đồng chí định bỏ vợ lấy Thúy là bỏ cục vàng lấy cục đất. Còn gì quý hơn là người làm việc cho Đảng? Đi CCRĐ [cải cách ruộng đất] bao nhiêu đợt rồi. Thành phần nông dân cốt cán. Đồng chí còn muốn gì? Không yêu nhân dân thì yêu ai? Chỉ có kẻ thù mới không yêu nhân dân thôi chứ! Kể xấu Thúy. Con lính đế quốc. Nhặng nhít nọ kia bao nhiêu vụ rồi.

Tôi không thể đồng ý đề nghị của đồng chí. Không bao giờ Đảng đồng ý những cái sai.

Đồng chí lắm lý luận lắm, đao to búa lớn, vợ đồng chí hiền lành, đồng chí có đem lý luận đàn

áp, dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, Đảng cũng không đồng ý vì biết chắc chắn rằng đó chỉ là vì bị đồng chí đàn áp, bằng lòng mồm chứ không bằng lòng thực” (trích Trần Dần ghi, Phạm Thị Hoài biên soạn, td mémoire, Văn Nghệ, 2001, trang 87).

Những hàng nhật ký trên đây của Trần Dần cung cấp một số thông tin chính xác:

- Cô Nguyễn bằng lòng ly dị (trên thực tế cô Nguyễn đứng đơn xin ly dị).

- Nhưng Đảng rắn đe: “dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, Đảng cũng không đồng ý”

- Tình cảnh này đã được Lê Đạt thuật lại trong bài “Nhân câu chuyện mấy người tự tử” với hai câu thơ “để đời”:

Đem bực công an máy móc đặt giữa tim người.

Bất tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước

Lời thơ phát xuất từ chuyện cá nhân, nhưng đã nói lên bi kịch của tất cả những người muốn sống tự do trong tình yêu, nhưng bị đảng trực tiếp ngăn cản.

Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đều chung cảnh ngộ bị đảng can thiệp vào đời sống tình cảm riêng tư, và mỗi người vợ Nhân Văn đều phải gánh chịu hậu quả hoạt động của chồng trong suốt cuộc đời còn lại.

Lê Đạt kể lại: “*Khi ấy, Thúy mới 18 tuổi. Ngày nào cũng có những cán bộ tốt bụng đến vạch rõ “bộ mặt phản động của Lê Đạt và khuyên cô cắt đứt với tôi (...). Cô không được làm diễn viên nữa, bị đẩy xuống làm phục trang và bị đối xử như một con chiên ghê. Có một điều chắc chắn là không có vợ tôi, thì tôi đã thân tàn ma dại rồi. Tôi đã làm lỡ cuộc đời nghệ thuật của cô và cô vì tôi mà mắc bệnh suy nhược thần kinh cho đến bây giờ. (...) Được phục hồi, tôi còn nhúc nhắc sáng tác được, nhưng Thúy thì được gì ngoài chứng bệnh suy nhược thần kinh, tê buốt khắp mặt đến mức nhiều khi không thể hé miệng được”* (Nghe Lê Đạt kể chuyện mình, Phạm Tường Vân, bài đã dẫn).

Bi kịch gia đình Nhân Văn, được Lê Đạt ghi lại thành thơ, như một lời tạ lỗi vợ con, như một ân hận, suốt đời, nhưng bài thơ cũng lại vượt khỏi khuôn khổ gia đình để nói lên nghịch cảnh chung của tất cả những người vợ Nhân Văn, Lê Đạt đã khắc chân dung họ vào văn học sử:

Vợ Nhân Văn

Lịch sử quýt làm cam chịu

Xin lỗi em / những đêm Nguyễn Bình Khiêm (1) trần trọc

Anh Thái Hà (2) chưa về / và em khóc

Xin lỗi em / những lời khuyên “cắt đứt”

Vạ gì đeo hai tiếng “liên quan”

Những buổi sớm / muốn chui đầu xuống đất

Mặt trời soi ngày kiểm thảo bắt đầu

Xin lỗi em / tiếng oan vợ thằng phản động

Lý lịch ba đời mấy đứa con thơ

Xin lỗi em / tuổi ước mơ không được sống

Những giấc ngủ / chưa một lần tròn mộng

Chung thân tâm thần / trọng tội đã mang

Đời sau ơi! / May còn đoái đến tôi

Hãy trả dùm tôi món nợ

Người vợ nhỏ / vừa thoát tuổi khăn quàng đỏ

Đã chụp mũ chồng / lưng thập tự Sói ăn

Và Đức Phật / duyệt xuất biên vào Tỉnh thổ

Xin độ trì / những Thị Kính-vợ- Nhân Văn.

Chú thích (của tác giả):

1- Vợ tác giả là diễn viên Kịch nói ở nhà tập thể đoàn Kịch phổ Nguyễn Bình Khiêm

2- Thái Hà áp: nơi tổ chức cuộc đấu tranh chống Nhân Văn Giai Phẩm

Con Nhân Văn

Đào Phương Liên, con gái Lê Đạt, đã ghi lại bối cảnh gia đình, nhân ngày giỗ đầu của cha. Bài văn khơi động một cảnh sống mà người ngoại cuộc không thể hình dung nổi, chúng tôi xin trích lại ở đây:

“... Suốt tuổi thơ, con luôn trăn trở mãi trong lòng câu hỏi Bố là ai? (...)

Nhưng con không dám hỏi Bố vì sao sau những buổi vui về ấy, Mẹ lại lo lắng nhắc Bố: “Ông đừng có nói to, cười lớn như thế!”. Bố thế nào cũng nổi cáu, quặc lại: “Tôi có làm gì khuấy tất đâu mà không được cười to, nói to?” Con đã bênh Bố vì nghĩ đó không phải là một tội nhưng lại thảm thốc mắc: “Vì sao nhỉ? Hay cười nói to thế là không lịch sự?”

Rồi một hôm Mẹ đi làm về, nhỏ to thì thầm: “Bà vợ ông Văn Cao dặn tôi nhắc ông vẫn có người theo dõi đấy. Ông phải cẩn thận. Đừng có cười to, nói to. Người ta để ý đấy!” Con đã quá quen với lời nhắc nhở đó, giờ chỉ còn mỗi bận tâm: “Văn Cao nào nhỉ? Làm sao mà Bố quen được với tác giả TIẾN QUÂN CA cơ chứ?”

Trên chiếc thùng gỗ tạp mà bề mặt xù xì dăm gỗ, chỉ rộng bằng tờ báo, kê dưới chiếc cửa sổ có chấn song nhỏ xíu của căn gác 3 như chuồng chim cu nhà ta, bố úp đáy làm bàn ngỗng ngang giấy tờ, sách báo, Bố ngồi bệt dưới sàn, hý hoáy viết rồi gạch xóa. Bố là nhà thơ, nhà văn ư? Con thoáng nghĩ đến cái nghề cao siêu đó. Con lên tìm đọc. Con chỉ thấy vài chữ nguệch ngoạc bên lề những mẫu báo, bên lề những bài kiểm tra của con hay ở mặt sau những tờ giấy đen xì nổi gai: “chi chi...chành chành, rỗng rỗng lên mây, cái đanh thổi lửa”... (Mà mỗi khi con hỏi bố tìm gì vì thấy bố hoảng hốt, cáu gắt loạn lên thì bố chỉ im im rồi thở dài. Bố đâu biết mẹ con con khi lau dọn tưởng là rác vứt đi rồi!). Con vội gạt đi ngay vì nhà mình không có một quyển truyện, một quyển thơ nào. (...)

Và con lại trăn trở với câu hỏi: Bố là ai? Làm nghề gì? (...)

Cho đến tận năm 1975, năm lớp 10 cuối cấp, một cậu bạn cùng phố, học từ thời vỡ lòng với con, con một cán bộ miền Nam tập kết cấp cơ, đến lớp bô bô: “Bố cái Liên là phản động chúng mày ạ”. Con nghe máu nóng bốc rát mặt nhưng cúi mặt vờ không nghe thấy. Một cậu bạn kể bên để thêm: “Bố nó sở nhầm giấy à?” Lúc đó, con chỉ muốn độn thổ vì sợ.

Về nhà, con len lén để ý xem Bố có đúng là “phản động” không? Con không dám hỏi vì sợ... đúng ??? Vì sợ... đụng phải nổi đau cần phải che dấu của Bố dù con không hề tin!

Con đã tự trấn an mình bằng những kiến thức thu nạp được qua biết bao chuyện công an bắt gián điệp những tối thứ bảy, qua những câu chuyện trong các tạp chí QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, qua những nhân vật phản diện xấu xa trong các tác phẩm văn học. Con vừa là công an theo dõi Bố, vừa là luật sư phản biện, bảo vệ Bố. Con chịu khó lục tìm mọi chứng cứ có lợi cho Bố. (...)

Con tự lý giải: Nếu Bố là “phản động” thì Bố đã không khóc ngày Bác Hồ mất! Nếu Bố “phản động” thì đã không có thể thương binh! (Lúc đó con không biết đó là thẻ Bố được tặng?) (...)

Rồi con không được xét vào Đoàn dù lần kết nạp nào con cũng được giới thiệu, (...) Rồi con làm hồ sơ thi đại học, anh con bác hàng xóm cười khẩy: “Rồi em cũng như tụi anh thôi. Có giỏi mấy cũng chẳng vào được đại học. Cùng lắm là Sư phạm. Mà mày chưa Đoàn viên thì đừng mơ!” Đem thắc mắc đó về hỏi, Bố cười gạt đi: “Làm gì có chuyện đó. Con cứ thi đi. Mà Bố thấy Sư phạm cũng tốt”. Bố chột tràm ngâm: “Chắc không có chuyện gì đâu. Bút danh của Bố là Lê Đạt cơ mà. Có phải Đào Công Đạt đâu mà lo?”. Rồi Bố lo lắng hỏi lại: “Thế có thật không phải Đoàn viên thì không được vào Sư phạm không con?”. Và bố lại tất tả dắt xe đi...

Cho đến lúc ấy con mới được nghe từ Bố cái bút danh Lê Đạt nhưng quả thật không gây ấn tượng gì với con vì con chưa bao giờ nghe tới phong trào NVGP.

Và Bố không biết đâu, ngay những ngày đầu của năm thứ nhất Sư phạm ngoại ngữ, trong một giờ văn học sử Pháp, thầy giáo không biết sao lại nhắc đến “bọn Nhân văn Trần Dần, Lê Đạt” với những câu “bôi xấu chế độ”.

“Ta đi không thấy phố thấy phường

Chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ”

Của bác Trần Dần

Và của Bó:

“Đặt bực công an giữa trái tim người

Bắt tình cảm ngược xuôi theo chế độ”.

Con đã cúi gầm mặt, người nổi gai vì ngỡ cả hội trường dòn mắt nhìn mình. Dẫu trong lòng con vang lên “nếu thế thì sai quá còn gì” dù con không biết những câu sau.

Cho tới ngày Bó đi xa, cô chủ nhiệm của con mới móm mém: “tao đến khổ vì chuyện vào Đoàn của mày”. Con thật thà: “vì em chưa xứng đáng”. Cô vỗ vai: “vì cái lý lịch”

(trích *Bố ơi, những câu chuyện của con...* của Đào Phương Liên, in trên Tuổi trẻ cuối tuần, 12/4/2009)

Và đây là câu trả lời của Đào Công Uẩn trước linh cữu Lê Đạt, có đại diện của chính quyền: cha chúng tôi là *một người luôn sống và trả giá “cho một đất nước độc lập, tự do, một nền văn học nghệ thuật độc lập, tự do”.*

Lê Đạt và Hồ Chí Minh

Trái với Nguyễn Hữu Đang, dứt khoát xác định trách nhiệm của Hồ Chí Minh trong việc đàn áp NVGP, Lê Đạt có một thái độ gần như bán khoán, khó hiểu.

Trong buổi nói chuyện với ông (ghi âm ngày 13-04-1999), ở đoạn cuối, tôi có hỏi ông về Hồ Chí Minh. Khi phát thanh trên RFI, năm 2004, Lê Đạt đồng ý là nên cắt bỏ. Nay đã có khoảng cách thời gian, xin ghi lại hai câu đã bị cắt bỏ này, như một tư liệu, giải thích thái độ của Lê Đạt đối với vị lãnh tụ đương thời.

T. K.: *Chính ở trong mouvement của các anh cũng có điều khó hiểu: Ngay từ ban đầu, các anh đã phê bình tập thơ Tố Hữu, chỉ trích tập thơ đó là thần tượng hóa cụ Hồ, và toàn bộ tinh thần NVGP đều chống lại sự thần tượng lãnh tụ. Nhưng trong thâm tâm các anh, ít nhất ba người Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, đều thấm nhuần Tây học, mà vẫn có sự thần tượng hóa cụ Hồ, có phải như thế không? Điều này làm cho người ta khó hiểu.*

L. Đ.: Dĩ nhiên chị ạ. Mình có thể phê phán người khác [nhưng mình vẫn phạm sự] thần tượng hóa, là tất nhiên. Nhưng khi tôi viết tôi không thần tượng hóa nữa. Tôi rất chú ý đến việc ấy, nhưng chắc là trong góc ngách tâm hồn tôi, chắc còn có nhiều chỗ vẫn thần tượng hóa.

T. K.: *Trong thâm tâm các anh vẫn coi cụ Hồ là “thần tượng”. Nhưng cụ Hồ lại chủ trương điều mà các anh chống lại, đó là sự toàn trị, và cấm đoán cái mà các anh đòi hỏi, đó là tự do tư tưởng. Mình không thể nào tranh đấu với một thần tượng mà mình tôn thờ và đòi lật đổ sự độc tôn thần tượng đó. Đây là cái điểm mâu thuẫn, không thể giải thích được trong lập luận của các anh?*

L. Đ.: **“Tôi không bao giờ coi cụ Hồ là đại diện tự do và dân chủ cho đất nước Việt**

Nam. Tôi thần tượng là thần tượng ở những khía cạnh khác. Chị nên thông cảm với tôi. Thần tượng trên mọi phương diện thì tôi không bao giờ có, không bao giờ tôi nghĩ cụ Hồ là thần tượng của tự do dân chủ trên đất nước Việt Nam. Không có. **Trong khi tôi đấu tranh thì có nghĩa là tôi đấu tranh cả với cụ Hồ.** Nhưng một góc của tâm hồn tôi... Đó là bi kịch của tôi. Điều đó chị thông cảm cho tôi”.

Ngoài micro, tôi nói đùa: *“Cụ Hồ đã làm các anh điều đúng suốt đời mà anh vẫn còn bênh được thì lạ quá!”.* Lê Đạt cười: *“Thì mình cũng phải tin là còn có một người tử tế, chứ nếu cả nước đều một bọn vứt đi thì làm sao sống nổi!”*

Lê Đạt có viết một bài trường ca *Bác* (một phần trích in trong Văn học VN sau cách mạng tháng Tám, nxb Văn Học Hà Nội 1992). Đây là bài thơ ca tụng, với những tình cảm chung chung, không bộc lộ được cái cảm xúc chân thực (nếu có) phát xuất tự đáy lòng:

“Trong lặng im trắng /mênh mông / mỗi tắc lòng

Ta càng nghe rất rõ / cái thừa Ba Đình

Di chúc / bác mở tay / mở bay / trang rộng” (sđd, trang 132)

Thơ ca tụng bác Hồ, thời kỳ đầu kháng chiến, hầu như ai cũng làm, kể cả Vũ Hoàng Chương. Nhưng không hiểu sao, Lê Đạt lại làm bài *Bác* ở thời điểm khá trễ này? Đào Phương Liên cho biết, khi “Ông” mất, bố mẹ để tang “Ông”. Phong Lê trong bài *“Có một trường ca về Hồ Chí Minh...”* cho biết trường ca này viết năm 1970 để kỷ niệm ngày giỗ đầu của HCM, nhưng cũng phải 20 năm sau, mới được in (Nhà xuất bản Thanh Niên, 1990) nhân ngày kỷ niệm 100 năm sinh HCM.

Như vậy bài thơ *Bác* có thể đã làm sau khi Hồ Chí Minh mất, như một lời tạ ơn chăng?

Kết thúc lớp Thái Hà, Tố Hữu đã có lời đe Lê Đạt: **“Tội của anh cũng nặng như tội Nguyễn Hữu Đang. Lẽ ra anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng vì nghĩ đến anh, chiếu cố đến anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể giúp ích được cho đời nữa nên Đảng khoan hồng với anh thôi chứ anh-đừng-nên-nghĩ-rằng-anh-tội-nhẹ!”** Đó là lời dằn dò của Tố Hữu với tôi trước khi tôi về”. (Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI)

Đảng, trong lời Tố Hữu, là Bác? “Tội” của Lê Đạt nếu truy kỹ, nặng hơn “tội” Nguyễn Hữu Đang, vì những câu thơ của Lê Đạt viết về chế độ cộng sản sẽ không bao giờ xóa được trong lòng ký ức dân tộc. Nhưng Lê Đạt không bị đi tù. Phải chăng Lê Đạt đã cảm nhận được sự “khoan hồng” ở bác, đối với một nhà thơ có tài? Và đó chính là bi kịch của ông? Tạm hiểu bài thơ *Bác* và tình cảm “khoan hồng” của Lê Đạt đối với bác, nằm trong bối cảnh như thế. Hoặc cũng có thể, ở những nghệ sĩ như Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, luôn luôn có một con người ngây thơ, lãng mạn, trữ tình, khi nhìn vị lãnh tụ. Trong khi ở những nhà trí thức như Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Hữu Đang... Sự phán xét lãnh tụ sáng suốt, rạch ròi hơn, vì họ không lãng mạn mà nghiêng về lý trí, tinh thần.

Tham gia Quốc dân Đảng

Trong bản bản “thú tội” của Lê Đạt, có một câu quan trọng: *“Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh tụ, cho tôi đi thực tế để cải tạo, nâng đỡ những sáng tác của tôi, đến khi va chạm vào quyền lợi cá nhân, tôi trở mặt tấn công vào Đảng, nhảy sang trận địa của giai cấp tư sản phản động và làm người phát ngôn của chúng”* (Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 80).

Và khi trả lời phỏng vấn của Phạm Tường Vân, Lê Đạt cho biết:

“Nhà mẹ vợ tôi là cơ sở cách mạng, hai anh của Thúy một người là bí thư chi bộ xã, một người đi bộ đội. Hối cải cách mẹ vợ tôi bị quy là gián điệp và anh cả bị quy là Quốc Dân Đảng chớ đem ra xử bắn. Thúy đương được ở đoàn kịch trung ương, lúc nào cũng nơm nớp sợ bị đưa về xã đấu tố. Thì vừa lúc sửa sai bắt đầu, cả nhà may mắn thoát nạn”(Lê Đạt trả lời Phạm Tường Vân, bđd)

“Trong truyện ngắn *“Thế là... chị ơi!”* (Talawas, tháng 6/2007) của Vũ Ngọc Tiến, có nhiều chi tiết gần gũi với đời sống của bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ nhà thơ Trần Dần, đặc biệt có một đoạn viết về cái chết của ông Phán Hậu (ân nhân của bà K) như sau:

“Cuối cùng thì thơ anh cũng được tôn vinh. Sau ngày anh mất, tập trường ca cuối cùng của anh được trao giải và hôm nay tôi lại nhìn thấy chị trên màn ảnh nhỏ, trong lễ trao Giải thưởng Nhà nước cho anh và những người bạn của anh. Song cái án oan kết tội ông Phán Hậu, nhà chí sĩ yêu nước giàu có, danh giá bậc nhất tỉnh Nam Định bị bôi nhọ là tên phản động Quốc dân Đảng, tay sai đế quốc Pháp ai rửa cho ông? Đêm trước ngày bị các Ông Đội sai cán bộ chuỗi, rẽ đến nhà bắt trời ông đem đi đấu tố, ông lập bàn thờ giữa sân nhà, có bài vị Nguyễn Thái Học bằng chữ Nho, rồi ông đội khăn xếp, mặc áo the đen, lấm râm khăn vải: “Tiên sinh năm nào lên máy chém vẫn để lại lời bất hủ rằng “không thành công cũng thành nhân”. Giờ độc lập thành công rồi, mai tôi lên đoạn đầu đài sẽ thành gì đây? Tiên sinh hỡi, tiên sinh!...” Cái án oan ấy khiến anh đang đi công tác cải cách ruộng đất ở Thái Bình bị triệu hồi về giam lỏng ở đơn vị. Ngày ấy, nếu lần anh tự tử bằng dao lam trót lọt thì còn đâu những tác phẩm sau này anh viết cho người đời chiêm ngưỡng, hậu thế tôn vinh?”

Hai câu chuyện trên đây về người thân của hai bà vợ Nhân Văn, cho ta thấy rõ không khí thời đó đối với những người có “quan hệ” với Quốc Dân Đảng và hiểu tại sao Lê Đạt đã phải cất giấu quá khứ của mình.

Trong những người chủ chốt của phong trào, ba người có “liên hệ” với Quốc dân đảng: Phan Khôi, Thụy An, Lê Đạt. Do đó, một mối thâm tình liên kết họ với nhau:

- Trả lời phỏng vấn RFI, Lê Đạt nhắc đến Thụy An và Phan Khôi, với những lời đầy ý nghĩa: - *“Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt.” Trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo từ Nhân Văn”.*

Việc công nhận Phan Khôi là người lãnh đạo từ Nhân Văn, chứng tỏ Lê Đạt chỉ coi Nguyễn Hữu Đang như người bạn đồng hành, Phan Khôi mới là người thủ lĩnh. Ngoài uy tín của Phan Khôi trong văn học, còn có lý do nào khác, nếu không phải vì Phan Khôi là người theo Quốc dân đảng, *lý tưởng đầu đời của Lê Đạt?*

- *“Tôi có thể bảo đảm 100% chị Thụy An không phải gián điệp”, “Chị Thụy An rất thân với anh em trong NVGP và đặc biệt là thân với tôi”. “Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi”.*

Tại sao Lê Đạt dám bảo đảm 100% là Thụy An không phải gián điệp, nếu ông không biết rõ hành động của Thụy An? Nếu không cùng một lý tưởng?

Câu *“Tôi không bao giờ quên công của chị Thụy An đối với tôi”*, có nhiều ý nghĩa. Công gì?

Thụy An có công với nhiều người, công dạy Phùng Quán tiếng Pháp tiếng Anh, công giúp đỡ vợ con Lê Đạt... Nhưng từ khi Thụy An bị nạn cho đến bây giờ, những bạn đồng hành không ai nói một lời biện hộ công khai cho bà, trừ Lê Đạt. Vậy có thể hiểu chữ “công” này là một công lớn: Ngoài sự kính phục người chị văn nghệ can trường, còn có sự hàm ơn Thụy An, đã không “khai” những điều bà biết về Lê Đạt, như một thành viên cũ của VNQĐ.

Câu châm ngôn mà Lê Đạt cho ghi lại trong bộ Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại (nxb Hội Nhà Văn, 2007), là : *“Một nhà văn tự trọng nên bận tâm đến việc thành nhân hơn là thành danh”* có gì rất gần với lời Nguyễn Thái Học: *“Không thành công thì thành nhân”.*

Tinh thần yêu nước phát sinh từ Yên Bái

Đất Yên Thế và đất Yên Bái đối với Lê Đạt có những gắn bó sâu xa: Yên Thế, quê nội là đất của Đề Thám, thuộc phân Phủ Lạng Giang, triều Nguyễn (nay thuộc tỉnh Bắc Giang), có 2 mảnh đất lịch sử: Nhã Nam và Yên Thế:

- Tổng Nhã Nam, là nơi Hoàng Hoa Thám làm lễ tế cờ khởi nghĩa (1889), và cũng là nơi Lương Tam Kỳ đem thủ cấp Đề Thám nộp cho Pháp lãnh thưởng (1913).

- Tổng Yên Thế, là nơi Đề Thám đặt đại bản doanh chiến đấu trong hơn 20 năm, vị trí hiểm trở, “rừng thiêng nước độc”, nằm giữa rặng Cai Kinh (Lạng Sơn) và núi đồi Thái Nguyên.

Yên Thế, như một địa hình, một bối cảnh đất nước lâm nguy, một can trường chống Pháp nhưng thất bại.

Đất quê cha tôi / đất quê Đề Thám

Rừng rậm sông sâu

Con gái cũng theo đòi nghề võ

Ngày nhỏ / cha tôi dẫn đầu / lũ trẻ chăn trâu

Phát ngọn cờ lau / vào rừng Na Lương đánh trận

Mơ làm Đề Thám... (Cha tôi)

Nhưng vì miếng cơm manh áo, người cha đã buông tay, bỏ cuộc, người con tiếp tục lên đường:

Cuộc sống hàng ngày / nhỏ nhen / tàn bạo

Rác rưởi gia đình / miếng cơm / manh áo / tàn phá con người

Những mơ ước thời xưa / như con chim gãy cánh

Rũ đầu chết ngạt trong bùn

Năm tháng mài mòn / bao nhiêu khát vọng.

Cha đã dạy con một bài học lớn

Đau thương / kiên quyết làm người. (Cha tôi)

Bài *Cha* tôi làm tháng 7/56, giữa *Giai phẩm mùa xuân* và *Nhân văn*, như một tuyên ngôn, xác định con đường tranh đấu, lấy đất Đền Thám làm khởi điểm.

Nếu Yên Thế được Lê Đạt xác nhận, thì Yên Bái, đã không thể công khai trình làng, bởi Yên Bái là quê hương của Quốc Dân Đảng.

Yên Bái là pháp trường xử lòng ái quốc. Khi Nguyễn Thái Học và 12 bạn đồng hành lên đoạn đầu đài (1930), Lê Đạt mới một tuổi, nhưng Yên Bái, hơn một nơi chôn rau cắt rốn, đã trụ lại như cái mốc đầu đời, một khởi điểm của cõi viết và nẩy mầm ý chí cách mạng vùng lên chống Pháp.

Tập thơ *Tình mẹ*, tạm coi như tập thơ đầu đời của Lê Đạt, đã dành cho Yên Bái chỗ đứng thiêng liêng, nói lên tâm sự người thanh niên sinh ở Yên Bái. *Tình mẹ* là tình mình sinh ra, là đất mẹ, Yên Bái. *Tình mẹ* có thật sự bị thất lạc? Hay đã bị “tịch thu” và sau này được trả lại? *Tình mẹ*, in trong phần Di cảo (Đường Chử, nxb Hội nhà văn, 2009), tác giả mơ hồ cho biết đây là tập thơ bị thất lạc đã 40 năm. Không một bài thơ nào ghi ngày tháng ở dưới. Lê Đạt cũng không hề nhắc đến “giai đoạn thơ này” khi còn sống. Có phải vì Yên Bái là một “*liên quan*” thềm kín mà tác giả phải giấu đi? Cũng như trong một thời gian dài, về nơi sinh, ông chỉ ghi Âu Lâu, trên bờ sông Hồng (không nhắc đến tên Yên Bái).

Tập thơ nói lên tinh thần chống Pháp của một thanh niên. Thơ làm theo lối leo thang, không vắn, đã là giọng thơ Lê Đạt, đã có những hình ảnh mới lạ, táo bạo hơn thơ người khác. Điểm đặc biệt là sự gắn bó với Yên Bái, như cái nôi của hành động và tư tưởng, như một tiền trạm của lòng yêu nước, như một ý chí cách mạng, một sự đổi thay, một sự lập thân con người, khởi đi từ Yên Bái.

Từ Yên Bái, cậu bé đã thấy một “người hàng xóm”, “người chị”, và cũng là “người yêu”, bị con trai quan phủ làm nhục, xóm làng hắt hủi:

Đêm ấy / chị ra sông tự tử

Theo những chiếc lá dâu ngày xưa

Áo trắng / như buồm mộng / về một chân trời nào / cao rộng / thăm thẳm / xa (Thơ ngây, trang 298)

Từ Yên Bái, cậu bé nhìn thấy người ăn mày chết trước cửa giáo đường, hỏi Chúa có thấy không?

Chúa về tự bao giờ

Có phải thật Người không?

Tiếng chuông / lu loa / hồi hã / giục / người bõ già

Quét / chiếc xác / nằm co quắp

Chết / giữa ngày Phục sinh (Người ăn mày già, trang 319)

Từ Yên Bái, tác giả thấy một người anh, ban đầu có “chí lớn”, rồi chí ấy lụi tàn trong bóng lộc quan trường, cuối cùng nhìn lại số đời. Bản cáo trạng chứng tỏ người anh không sống trong thời Pháp thuộc mà dường như ở thời cách mạng:

“Trong khoảnh khắc / đối diện / cùng sự thật

Sờn tóc gáy / như kẻ sát nhân / đột nhiên / thấy / người mình thủ tiêu / lững thững / hiện theo về / đối chất

“Anh có thể lừa / cha mẹ / vợ con / lừa cả nước

Nhưng thế nào / cũng có lần / anh phải lòi ra / trước / vành móng ngựa bản thân anh” (Một cuộc đời, trang 309)

Yên Bái, một xã hội Việt Nam thoi thóp, tê liệt, đợi chờ:

Yên Bái/ dăm cô gái/ lờ thi/ thôn thức/ Nhất Linh/ tay / Loan Dũng / lên ô kính bụi

Chờ chồng/ mấy con búp bê/ gãy cảnh/ bạc màu

Yên Bái/ một phố chiều/ thương du nắng lụi

Một con đường/ rơm rớm/ máu rơi

Đòi vợ chồng già / không con / nhìn bóng tối

Ôm con mèo gầy / nhức nhối / chuyện ngày xưa
 Yên Bái/ hôm nào / cũng ra ga
 Hôm nào / cũng nhớ tàu / ở lại
 Với những tiếng còi / rút ruột / gọi đi
 Và một chân trời / nhêu nhếch / khói (...)
 Yên Bái / những ngày trích lục nhau / sao thành nhiều bản (...)
 Yên Bái / một quê hương vỡ nợ (...)
 Một ngã ba thành năm sáu ngã ba (Phác họa màu xám, trang 333)
 Và người thanh niên ấy đã gửi những lời tạ tội về Yên Bái, tạ tội đã đốt quê hương. *Tiêu thổ* là bài thơ duy nhất trong thời kháng chiến đặt lại vấn đề tiêu thổ kháng chiến như một tội đồ đối với quê hương, dân tộc:
 Yên Bái / chỉ để lại / trong tôi / những kỷ niệm / nhạt / như nước ốc
 Sao hôm nay / khi tiêu thổ quê hương / tôi bỗng khóc (...)
 Yên Bái ơi! / Cố sống / lấy thêm / dăm ngày nữa (...)
 Hôm nay / ta đánh vỡ / quê hương
 Đánh vỡ / từng viên gạch / tổ tiên ta / cóp nhặt (...)
 Quê hương ơi! / Ta không phải / kẻ ăn tàn phá hại
 Vén tay áo xô / đốt gia tài / ông cha để lại... (Tiêu thổ, 345)
 Yên Bái chính là khởi điểm của cuộc lên đường, cũng là cuộc đi vào tan nát, khổ đau:
 “Ôi! Những ngày đầu / quê hương / tan nát lửa
 Như đàn cò / vỡ tổ / bé nhau đi
 Đứng trước một chân trời sẹo đạn
 Đứng sau / thông thống một đường về
 Ta đã / chọn / đường / đi về phía trước
 Chân chảy máu / nạng vào nhau ta bước
 Điểm chỉ / trên khắp mọi ngã đường
 Trong bản giao kèo / ta ký / với tương lai (Quê hương du ca, trang 353)
 Yên Bái còn là mẹ của cả những người lính viễn chinh:
 Bà mẹ Âu Lâu / ngòi / như gốc mai nở trắng / giữa đàn con / đủ / các giống người
 Thằng cả / Xa lum / người Xê nê gan / làm mỏ than Ma rốc
 Vào hầm than / đen / như thấy dân tộc mình / mấy ngàn đời / vùi dập / chết / ở đây
 Tan tằm về / ra bờ sông nước trong / rửa mặt
 Rửa xong / nhìn / mặt vẫn nhọ than
 Thằng hai / Ma Hồ Mét
 Công nhân bốc vác / An Giê
 Gù gù / lưng cánh phên
 Ngày ngày / khuôn tổ quốc / xuống tàu buôn... (Mẹ, trang 363)
 Đối diện với những hô hào chém giết, máu, thù, trong thi ca đương thời, đây là bài thơ phản chiến và nhân bản nhất trong văn chương Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Nhà thơ không phân biệt chiến tuyến, “dám” coi “quân thù” cũng là con của mẹ Âu Lâu. Vì vậy “tội” của Lê Đạt phải là rất nặng, ngay từ trước thời kỳ NVGP.

Thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm

Xuân Diệu buộc tội: “Đã rõ rệt như ban ngày, tập *Giai phẩm* mùa xuân 1956 phát lá cờ đầu tiên chống Đảng, chống chế độ, và Lê Đạt là nhà lý luận trong đó. Lê Đạt mở đầu *Giai phẩm* với cái tuyên ngôn: “Trích thơ gửi người yêu” (...) và bài thơ tuyên ngôn thứ hai “Mới” đăng trong *Giai phẩm* (...) Lê Đạt là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài đã kích chế độ ta rất cay độc (...) Cùng với Nguyễn Hữu Đang làm bộ óc của báo Nhân Văn, đứng làm “nhà lý luận” của bọn chống Chế độ (...) Sau khi báo Nhân Văn bị cấm, Lê Đạt liên lạc cấu kết với Thụy An, Lê Đạt đóng vai trò quan trọng trong việc lũng đoạn

Hội Nhà Văn, Lê Đạt tích cực dùng ngòi bút viết lối văn hai mặt; Lê Đạt luôn luôn giữ một cương vị đứng chủ trường phái; mãi đến trong lớp học văn nghệ lần thứ hai (tháng 3 và 4/1958) vẫn còn tìm cách quay quắt. Cho nên, xét Lê Đạt, ta phải nhìn thấy cho hết, rằng Lê Đạt chống đối ta, phá hoại ta từ trong bản chất giai cấp thù địch” (trích bài “Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản trong thơ Lê Đạt”, (Văn Nghệ số 13 tháng 6/58, in lại trong tập Dao có mài mới sắc của Xuân Diệu, 1963, các trang 86, 87, 89 và 95).

Lê Đạt cũng xác nhận vai trò chủ chốt của mình trong bài tự kiểm thảo: “Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi vững vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm có 4 người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi. Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của Đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài Mậu Dịch, tôi góp ý, vẽ tranh một người đẽo chân cho vừa giày mậu dịch. (...) Nhân Văn bị đóng cửa nhưng tư tưởng Nhân Văn, tư tưởng chống đối vẫn chưa hết. Sau một thời gian các báo ngớt đánh, tình hình trở lại bình thường, chúng tôi lại vẫn gặp nhau để kích Đảng, cho là độc đoán”. (trích lời “tự thú” của Lê Đạt, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958).

Trong thời kỳ NVGP, ngoài những bài xã luận chính trị ký tên Người Quan Sát cùng với Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt là nhà thơ sáng tác nhiều nhất và chống đối mạnh mẽ nhất. Ngoài những bài thơ in trên báo, còn có:

Thế giới này là của chúng ta, (phát hành tháng 12/1955), có thể phần lớn làm theo lối tuyên truyền, thời mà Lê Đạt cho là “biết bao lần tôi đã không thực là tôi”, cho nên sau này ông không nhắc đến tập thơ ấy nữa.

Bài thơ trên ghế đá (nxb Hội Nhà Văn, 1957).

Cửa hàng Lê Đạt, (đang in, bị đình chỉ, Lê Đạt bị khai trừ khỏi đảng, tháng 7/1957)

Đụng long mạch (in trên *Tự do diễn đàn*, tháng 12/56, báo bị cấm)

Lê Đạt còn nói đến bút ký “Vào 21”, viết về thời kỳ bị kỷ luật. Hiện nay không biết văn bản này thất lạc ở đâu.

Trong tinh thần Đỗ Phủ, thơ Lê Đạt phản ánh xã hội thời ông sống. Không ít bài bị cấm, bị tịch thu, hoặc bị thất lạc. Sau này, những ai muốn tìm hiểu thực chất của xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản cần phải tìm lại những tác phẩm này, không chỉ của Lê Đạt, mà của toàn thể các tác giả trong NVGP đã bị chôn vùi hoặc thất lạc. Những tác phẩm viết trong tù, của Thụy An, có lẽ ở Sài Gòn, phía gia đình các em, hoặc bạn bà là Trinh Tiên (tên thật là Trinh Nữ, chồng là Bửu Đảo) còn giữ.

Nhờ hai bài đánh Lê Đạt của Xuân Diệu và Xuân Hoàng mà chúng ta có thể biết được nội dung một số bài thơ của Lê Đạt, trong thời kỳ NVGP

Tập *Bài thơ trên ghế đá*, theo Xuân Diệu “dưới sự lũng đoạn của Hoàng Cầm” nhà xuất bản Hội Nhà Văn đã in tập thơ này năm 57, sau khi Nhân Văn bị đóng cửa.

Vẫn theo Xuân Diệu, thì tác phẩm này “là cả một hệ thống có ý thức phá hoại tinh thần từ đầu chí cuối”, “anh ta [Lê Đạt] vẫn cứ “đầu thai nhằm chế độ”, bài “Đu” là “một sự khiêu khích”. Bài “Gia đình”, với những câu như: “Nhiều dự định sa lầy trong đồng tử”, “tình yêu bị những cái hàng ngày bóp cổ”, “Lê Đạt đưa những xót xa đau đớn ra và cho nó thắng trận”. *Bài thơ trên ghế đá* “đầy một điệu hưởng lạc, chết lịm trong tình yêu”, và vẫn theo Xuân Diệu, trong bản đánh máy đưa cho nhà xuất bản còn có bài “Trong hầm bí mật”, nhưng không in, bài này rất tiêu biểu cho cái triết lý “máu, sương và chết” của Lê Đạt”. Xuân Diệu viết tiếp: “*Bài thơ trên ghế đá* “còn có dã tâm đã kích Đảng. Cho Đảng là phao phí nhân tài (Con búp bê, Tinh người), ví Đảng như một anh thợ cầu già chưa vợ, bác rất nhiều cầu, xây dựng kinh tế được nhiều đấy, nhưng chưa bắc qua được một lòng người”.

“Hàng triệu lòng người đã nhờ Đảng mà tái sinh, yêu Đảng sâu sắc, nhưng cố nhiên lòng của bọn Nhân văn- Giai Phẩm thì chỉ có bọn tư sản phản động mới bắc được cầu”.

(Xuân Diệu, *Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 13, tháng 6/58).

Nhờ bài đã kích của Xuân Hoàng, chúng ta biết thêm nội dung bài *Đụng long mạch*, in trên *Tự do diễn đàn*, tháng 12/56, báo bị cấm:

“Trong bài thơ “Đụng long mạch” (...) Lê Đạt dựng lên khung cảnh một địa phương đang bị hạn hán, có cán bộ về khuyên đào giếng nhưng vì sợ bị “đụng long mạch” nên các cụ nhất định không nghe. Sau có vợ chồng anh Ân đêm về bí mật bàn với nhau nên lén lút đem cuốc ra vườn đào giếng, đến sáng hôm sau bà con thức dậy thấy “mạch nước ùn lên nước phun loang loáng”, và từ đấy cả làng noi gương vợ chồng anh đào giếng chống hạn khắp nơi.

(...) Lê Đạt hết lời khen ngợi vợ chồng Ân – những “anh hùng” trong câu chuyện qua cái nhìn của Lê Đạt đã “dám cả gan đánh bốc với những già nua cũ kỹ của cuộc đời”. Lê Đạt đã kêu ầm lên một cách hậm hực rằng:

“Những con người ụ

Èng ra cản đường”

Và Lê Đạt hô hào:

” Cần biết bao nhiêu

Những cái đầu táo bạo

Dám nghĩ, dám làm

Không nô lệ chung quanh”

(...) Còn đây là cái nhìn của Lê Đạt về Đảng. Đó là:

...”lưng con rồng,

Ai đào giếng đụng vào long mạch

Thì phải tội mù hai con mắt

Cả nhà học máu chết tươi”

Và nhay đi nhay lại cái ý đó một cách dọa dẫm:

“Long mạch này mà đứt

Cả nhà không thoát một người”

hoặc:

“Long mạch hôm nay rung chuyển

Phen này rồi chết cả nhà”

(Thực chất tư tưởng chống đảng trong thơ Lê Đạt, Xuân Hoàng, Văn nghệ số 11, tháng 4/1958, trang 71-72)

Bài thơ dài *Cửa hàng Lê Đạt*, in trong phần phụ lục dưới đây, làm theo thể trào phúng, là một trong những bức tranh thơ sống động nhất về thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm.

Đời chữ của Lê Đạt chia làm hai thời kỳ, dưới hai ngòi bút:

Nhà thơ thời thế, theo truyền thống Đỗ Phủ, ghi lại bộ mặt của xã hội toàn trị trên đất nước ta.

Nhà thơ cách tân, theo truyền thống Mallarmé, mở một kỷ nguyên mới cho đường chữ.

Lê Đạt, nhà thơ thời thế, xác định tính chất cơ bản của lịch sử:

Lịch sử muôn đời duyệt lại

Không ai lừa được cuộc đời.

Lê Đạt, nhà thơ cách tân, gửi lại hậu thế những lời trăng trối cho tương lai:

Vũ trụ ơi / tha cho tôi

Tất cả những gì / thơ tôi chưa làm được

Khi tắt thở / mắt tôi đừng ai vuốt

Còn gì buồn hơn / màn đóng lại mục đời

Phụ lục

CỬA HÀNG LÊ ĐẠT

Cáo thom lần giờ trước đèn +

Nguyễn Du

Quý khách qua phố Trần Hưng Đạo

Hãy dừng chân / mấy phút / tham quan

Cửa hàng Lê Đạt.

1.

Lê Đạt nào ?

Có phải Lê Đạt / của **Những người tự tử** / của **Những cái bình vôi**

Chán thơ thần rồi sao / mà lại về mở hiệu

Hay vợ đau, con yếu / Làm thơ không đủ tiền

Hay bị phê bình / kiểm thảo

Giờ như chim phải tên / Động thấy cây cong / là sợ

Hay thơ tôi không người tiêu thụ

Phải bán Ki-lô

2.

Làm thơ đã đành là khó sống

Một bài thơ Văn nghệ trả / năm nghìn

Mua soǎn vừa hai hộp sữa

Nhưng kinh tế dân ta còn khổ / làm thế nào

Cả nước nghèo tần tảo nuôi nhau

Đủ sống làm thơ / thế là tốt lắm

Nếu không có mấy ông phê bình

Mác xít thiên binh / Duy vật chi hồ giả giả

Nhai chữ mòn răng / chưa vỡ sự đời

Mấy chữ i- tờ lòng người / không biết

Ngắt ngọn bao nhiêu suy nghĩ / tìm tòi

Ra chữ nghĩa / nhiều khi / cũng giết người

Có những ngày chán nản / Tôi muốn đi thật xa

Không muốn nhìn / không muốn nghe / không muốn viết

Có những ngày / tôi chỉ còn muốn chết

Nhưng thương vợ / thương con / yêu tiếng Việt

Tôi không đành đi

Quê lạnh thân cò lặn lội

3.

Trần Dần đi phao tin

“Lê Đạt mở cửa hàng phở chó”

Anh em ôm bụng cười

Ô hay, sao lại cười

Tôi không định mở cửa hàng phở chó

Nhưng sáng tác cho đời thêm vài thứ phở

Chẳng là nên hay sao

Chẳng hơn ngồi nhai đi nhai lại

Mấy vần thơ thịch rừ

Bã nát từ thời cà cộ.

Một tý anh / một tý em

Tý ty nhiệm vụ / tý ty căm thù

Tý ty diễm huyền / tý ty mộng vụ

Đồ làm mấy chục thùng thơ

Bùi Thị Xuân (1) / nếu không còn hàng phở

Đời sẽ buồn biết đến bao nhiêu

Như Hồ Gươm không người làm xiếc

Như Hồ Tây vắng bánh tôm

Ta sẽ mất rất nhiều Hà Nội

Nước béo / mỡ gầu / tôm tươi / thơ mới

Áo nắng tuổi cờ thu chín tới Thủ đô

4.

Anh em tôi để sau đến muộn
Mở cửa hàng / sinh sống / khó khăn
Bao nhiêu chỗ thơm / người ta “xí” trước
Hiệu 20 năm / Hiệu 30 năm / Hiệu “nhất Thủ – đô”
Hiệu “gia truyền chính cống”
Phong lưu sống nhờ đọc một cái tên
Anh em tôi dành ra góc phố
Đăng ký mở hàng
Chưa có tiếng tăm / rồi sẽ có tiếng tăm
Miễn chịu khó làm ăn / cần cù / lương thiện
Bà con / cho mấy tấm ni lông
Lợp lên làm mái
Mấy tấm dù Điện biên / quây lại làm tường
Mới ra ở riêng / bạn bè thương giúp đỡ
Ôm lấy bóng đèn / Văn Cao vẽ một con mắt đỏ
Giải thích / “ngày đêm mất ngủ / đăm đăm sự đời”
Ngoài cửa hàng / Trần Dần treo / quả tim đỏ sộ
Khắc mấy câu thơ Mai – A “Yêu / ghét / khổng lồ”
Hôm khai trương / Hoàng Cầm giọng oanh vàng đất Bắc / Sẽ đến ngâm thơ
Nguyễn Sáng vẽ chân dung người đến dự
Tử Phác mắt Rômêô mơ buồn thả điệu “Quay tơ”
Phùng Quán “vượt Đảo” về múa micrô đọc tấu...

5.

Cuộc sống thật vui / nhưng thật là vất vả
Méo mặt / lo cơm / lo gạo / lo ốm / lo đau
Lo hàng trăm thứ
Vật chất đã đành là hạ tầng cơ sở
Nhưng người ta đâu chỉ có dạ dày
Còn tim đòi rung / còn đầu đòi nghĩ
Hằng hà sa số nhu cầu
Anh thích đi câu
Anh thích đi píc-níc
Chị thích đầu xúc xích
Chị thích Uxi
Như sách nói :
Bách nhân bách thích
Anh hôm nay đi chơi / Trời cao thu mát
Gặp một tà áo bay phơ phất bên hồ
Con ruồi đậu mép ngẩn ngơ
Đêm khép cửa / lòng còn ngổ gió
Còn anh / hai thứ tóc trên đầu / chưa vợ
Mưa dầm bến Nứa lỡ xe
Đầu gối ba lô xẹp mọng
Buồn như một sự hiểu lầm
Còn anh / con sài / vợ chữa
Sòn sòn / hai năm đôi
Quanh quần tã con / thuốc vợ
Còn anh / mơ ước trong đầu tấy mũ
Bao nhiêu dự định quay cuồng

Bức bối, tay chân / đói thèm cửa sổ
Tàu mơ neo nặng nợ rãnh đời.

6.

Xin các anh hãy đến hàng tôi
Nếu cần vui / tôi sẽ đi làm xiếc
Trồng cây chuối ngược / đánh trống thổi kèn
Tôi sẽ làm thằng hề / “ói a”/ bông phèng nghịch ngợm
Giành giật mảnh vui / từ tiếng thờ dài
Những người ít cười / thường hay chết sớm
Tôi sẽ xào thêm xanh thêm mộng
Tôi sẽ làm thầy tướng / Chấp mấy tử vi / mấy bói bài xì
Người làm thơ nào chẳng chút ít tiên tri
Nếu những cái hàng ngày ỉ eo đê tiện
Mốc nôm ăn meo khắp cả thân hình
Tìm tro nguội đến mè không thềm ngủ
Tôi sẽ chum thơ tôi thành ngọn lửa
Sấy lại tâm hồn mưa phùn
Trên đường mưu sinh trường kỳ mệt mỏi
Tôi sẽ tiếp máu thơ nóng hổi
Lên dây cốt lại trái tim
Bước túc tắc / phố xanh mùa tíc tắc

7.

Đề tạo dựng một cửa hàng nho nhỏ
Tôi đã đổi những ngày hớn hờ / mười tám đôi mươi
Những má gọi / những vườn cười chín tới
Tôi đã sống những ngày làm lữ
Quên ngủ quên ăn
Tôi đã chịu đau thương bất công hắt hủi
Tuổi thơ làm hại tuổi trời (2)....
Tôi vẫn đi / như cung mệnh / sao Đà la đầy dọa
Cho đến lúc / trí trá / cường quyền / đều giả
Không còn hành hạ con người
Sao ta chưa khai thác cung trăng / thành chỗ ở
Sao mới sáu bảy mươi / đời đã vội về già
Đến bao giờ mới có những thiếu nhi trăm tuổi
Ngậm ngùi thương ông Bành tổ chết non
Những bà mẹ vừa sinh con vừa hát
Chữ tự do mùa thật hạt bát cười
1958.

HÀU TỬ

Đầu phố Lãn Ông / có cửa hàng tạp vật
Đăng ký số 4210 / đứng tên Lê Đạt
Nhớ xưa ba mươi năm
Cửa hàng quan niệm phong (3)
Bút độc quân ông Lành tẩy uế
Tuổi sạch phục hồi / bán giấy vệ sinh
1989.

+ Đề từ này mới thêm vào năm 1989

(1)Hàng phố Tý nổi tiếng phố Huyền Trân Công Chúa sau đổi thành phố Bùi Thị Xuân

(2)Mất một trường đoạ

(3) Bài thơ “Cửa hàng Lê Đạt” được sáng tác năm 1957, thời điểm Hà Nội gay gắt cải tạo tư sản.

Bài thơ đương án loát thì thợ nhà in Xuân Thu đình công ngừng máy, cho rằng bài thơ đi ngược lại quyền lợi giai cấp công nhân và bản thảo cũng bị mất luôn.

Sau khi tác giả được phục hồi, tháng 3-1989, Bộ Nội vụ có nhã ý trả lại một bản đánh máy (mất một số trang).

Những đoạn thất lạc được tác giả ghi lại theo trí nhớ, hoặc cực chẳng đã viết mấy dòng bổ sung cố gắng duy trì mạch thơ.

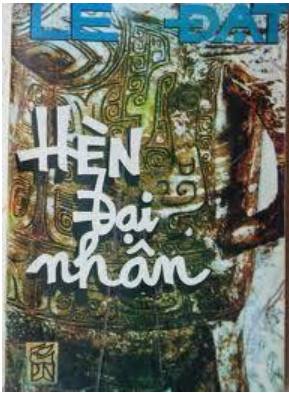
Và thêm đoạn **Hậu từ**

Ông Lãnh là một trong nhiều biệt danh của nhà thơ Tố Hữu, phụ trách tư tưởng thời bấy giờ.

Lê Đạt và, tác phẩm “Hèn đại nhân” Du Tử Lê

Chúng ta cùng biết, nhà thơ Lê Đạt là một trong những kiện tướng của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, giữa thập niên 50 ở miền Bắc. Nhưng có lẽ ít người biết rằng, ông còn là một nhà văn, với những truyện ngắn mang đầy tính trào lộng, sâu sắc tới dữ dội, không thua gì những bài thơ xung phá thẳng vào thành trì chế độ. (1)

Nếu ở lãnh vực thi ca, với thi phẩm nổi tiếng “Bóng Chữ,” Lê Đạt cho thấy sự cật lực của ông trong nỗ lực phá rường, xẻ núi cho thi ca có được một chân trời, một bình minh mới, thì ở lãnh vực văn xuôi, qua tập truyện “Hèn Đại Nhân,” ông lại cho người đọc thấy mặt tài hoa khác, trong dòng văn học Việt Nam, hôm nay. (2)



Bằng giọng văn châm biếm, trào phúng mà sức quyến rũ là cả một từ trường mạnh mẽ ngùn ngụt đầy, xô người đọc hăm hở uống từng trang sách của mình, Lê Đạt, một lần nữa, đưa thể truyện ngắn, tới một chân trời mới.

Chân trời hay những cánh cửa mà, 15 truyện ngắn trong tuyển tập “Hèn Đại Nhân” mở ra cho người đọc, là những chân trời, hay những cánh cửa ẩn dụ, lênh láng tiếng cười và, cùng lúc, nước mắt.

Căn bản, là thi sĩ, nên suốt lộ trình văn xuôi mang tên “Hèn Đại Nhân” của Lê Đạt, người đọc cũng gặp không biết bao nhiêu những đoạn văn như thơ. Những nhân cách hóa bất ngờ mà, người ta thường chỉ thấy được, nơi những tài năng ngoại khổ.

Những bất ngờ đầy thi tính này, lại luôn song hành, kề cận những hình ảnh hay ý tưởng rất đời thường, rất mĩa mai... Khiến người đọc khó lòng giữ được thăng bằng cảm thức.

Bước vào thế giới truyện ngắn mang tên “Hèn Đại Nhân” của Lê Đạt, người đọc như một con diều giấy, mà chữ nghĩa của tác giả là sợi giây tơ nỡn, vô hình; nhưng có khả năng thả ném

con điều lên chín tầng mây. Để rồi, chỉ cần một chớp mắt hờ hênh, sợi giây chữ nghĩa của tác giả, lại giựt, ném con điều xuống bùn, đất.

Như trong truyện ngắn đầu tiên, truyện “Bài Haiku,” khi đề cập tới một nhân vật có tên là Yôda, một danh tướng buông gươm, cởi áo tìm về nẻo đạo, và ước mơ cuối cùng, được thờ hơi thờ thi ca: Hơi thờ Hải Cú, bên cạnh một Basô, bất tử. Lê Đạt viết:

“Hình như đáng tối cao cũng chứng cho lòng thành của người kiếm sĩ dốc lòng đổi nghiệp, nên những hạt mộng bỗng nảy mầm, trái tim quen với sự sát phạt, như bầy chim ngậm những chồi xanh thả Mùa Xuân phủ bóng rợp lục chiến trường trở trụ ngày xưa. Tướng quân Yôda bỗng làm thơ... Và thơ ông được truyền tụng chẳng kém gì những chiến tích thuở trước.”

Dòng văn xuôi đang áp đầy những giọt nước thi ca lấp lánh, vậy mà, không một báo trước, chỉ bằng một dấu chấm, Lê Đạt viết tiếp: “Chỉ ít lâu sau, ông đã trở thành trường môn trường phái thơ Nayoga một cách hết sức dân chủ, tuy chẳng thông qua bỏ phiếu kín...”

Những cụm từ “hết sức dân chủ” và “thông qua bỏ phiếu kín” là những cụm từ phản ánh sinh hoạt thời đại, sinh hoạt đời thường, hiện tại, của xã hội Việt Nam hôm nay.

Những tương phản, như những đối cực triệt để giữa hư cấu và, đời thường, là những cặp song sinh bất thường, nếu không muốn nói là “quái thai,” đầy rẫy trong cõi văn xuôi Lê Đạt.

Tuy nhiên, như đã nói, căn bản, tác giả là thi sĩ, nên cách gì, người đọc cũng vẫn gặp được nơi tác phẩm này, những ví von, những so sánh hay những nhân cách hóa bất ngờ, như những ngậm nước mưa đầu nguồn, mà một lũ hành không chờ đợi trong cuộc hành trình sa mạc, giằng giặc của mình.

Cũng ngay nơi truyện ngắn vừa kể, về Basô, tác giả của những bài thơ Hải Cú tiêu biểu nhất của thể thơ Nhật Bản này, sau khi tình rạn vỡ, bỏ đi, khiến trên một chục nhà danh họa, cuối cùng chẳng một ai ghi được chân dung Basô, Lê Đạt viết:

“Trời chuếnh choáng gió như thế này, ai mà lại hóa đại ngòi một chỗ, khi con đường trước mặt tung tăng như một lời mời viễn du.”

Rồi, cũng chỉ với một dấu chấm nhỏ bé, Lê Đạt lại bất ngờ giựt con điều (người đọc,) chúm nhủi xuống bùn, đất, với phản diện, tuy không khốc liệt, nhưng mệnh mang ẩn dụ thâm thúy, rằng:

“Cuộc vẽ bỏ dở và mãi cho đến giờ, Basô vẫn chưa có chân dung.

Người thì thậm xấu hát thì thậm hay. Ai có được bức chân dung Trương Chi? Không biết Basô có thậm xấu như Trương Chi không, nhưng thơ Basô quả thậm hay...”

Cũng vậy, trong truyện ngắn “Vùng Mây Rủi,” một chuyện hư cấu khác, viết về hai người bạn già bỏ cả một đời chỉ để tìm cách đạt tới “chiến thắng” sau cùng, với những vòng quay, những con số trong một canh bạc.

Sòng bài ở đây, hiển nhiên, chỉ là một thể thân của định mệnh.

Khi mô tả những viên bi lăn tới, như những vòng lăn lạnh lẽo cuốn theo bao nhiêu sinh mạng về cõi chết, Lê Đạt viết:

“Định mệnh soi mình lúc ẩn lúc hiện trên viên bi ngà quay ngược chiều với chiếc cần quay kim loại lạnh canh nơi đáy đĩa thăm thẳm... Hạnh phúc... hạnh phúc sẽ rơi vào con số nào? Dăm tháng nữa năm, một phát súng lại nổ ngay cửa sông bài chấm dứt một cuộc lần tìm may rủi bất tận. Có phải may rủi nằm trong thân phận con người?”

Và, chỉ ít dòng sau, khi mô tả sự ra về thất vọng, bế bạng của hai con thiêu thân manh tâm kinh chống định mệnh, Lê Đạt viết:

“Rồi hai người lặng lẽ ra về. Con đường đảo ngậy ngát mùi hương vào xuân và những đôi trai gái đang giải khát môi nhau trên ghé đá. Tiếng chuông từ tháp giáo đường lạnh lạnh báo mùa phục sinh nở hoa.”

Phải chăng, nhờ những đối cực triệt để kia, mà cõi văn xuôi Lê Đạt, đã có được cái ma lực huyền hoặc, lôi cuốn?

Cái ma lực của hạnh phúc hư ảo và đốn nhục, nhức buốt mà vẫn áp đầy thi tính!

Nó như một thứ nhân cách phức hợp, chập chùng trong mỗi sinh vật được chỉ danh là con người, trên mặt địa cầu này.

Chú thích:

(1): Tên thật là Đào Công Đạt, ông sinh ngày 10 tháng 9 năm 1929 tại Yên Bái; mất ngày 21 tháng 4 năm 2008, tại Hà Nội. Là một trong vài nhân vật chính thuộc Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, ông nổi tiếng với bài thơ nhan đề "Nhân câu chuyện mấy người tự tử," đăng trong Nhân Văn số 1, đề ngày 20 tháng 9 năm 1961. Trong bài này có những câu được nhiều người nhắc nhớ tới hôm nay như: "Anh công an nơi ngã tư đường phố / chỉ đường cho / xe chạy / xe dừng / rất cần cho luật giao thông / nhưng đem bực công an đặt giữa trái tim người / bất tình cảm ngược xuôi / theo luật lệ đi đường nhà nước / có thể gây nhiều đau xót / ngoài đời." Sinh thời, cố thi sĩ Hoàng Cầm từng nhấn mạnh, Lê Đạt, bạn ông, tự nhận là một thứ "phu chữ." Vì, với thơ cũng như văn, Lê Đạt rất kỹ tính, cẩn thận chọn từng chữ. Đôi khi chỉ một chữ thôi, cũng đủ khiến ông suy nghĩ, đắn vặt nhiều ngày.

(2) Tác phẩm này xuất bản tại Việt Nam, 1998.

Thụy Khuê phỏng vấn Lê Đạt

Phòng Vấn Lê Đạt - Phần 1

26 Tháng Chín 2008 12:00 SA (Xem: 2424)

- THỤY KHUÊ
-

Dự định tìm lại dấu vết phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đã đến với chúng tôi từ cuối năm 1984, khi trở lại lần đầu, sau 30 năm xa Hà Nội. 1984, lúc ấy tôi chưa hề cầm bút, và 1954, khi rời Hà Nội, tôi mới lên mười. Như phần lớn học sinh miền Nam, tôi đã thuộc lòng, không chỉ những câu thơ nổi tiếng của Trần Dần:

*Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*

Mà còn cả những câu thơ ít nổi tiếng hơn, nhưng không kém phần đau xót:

Trời vẫn quật muôn vàn tầng gió.

Bắc Nam ơi! Đứt ruột chia đôi.

Tôi cúi xuống quỳ xin mưa bão.

Chớ đổ thêm lên đầu họ, khổ nhiều rồi!

Những tiếng thơ của một thời, thời còn yêu thương, thời vết thương chia cách hai miền chưa đổ máu, chỉ có nhớ thương và thương nhớ, bay bổng như Giấc mơ hồi hương của Vũ Thành:

"Lià xa thành đô yêu dấu, một sớm heo may về, lệ sầu tràn mi...

... nghẹn ngào thương nhớ em, Hà Nội ơi!"

Đó cũng là thời lạc quan, thời hy vọng đất nước sẽ thống nhất trong hoà bình, Phạm Đình Chương viết Hội Trùng Dương, Phạm Duy viết Tình Ca, Tình Hoài Hương... thiết tha gửi cho một quê hương toàn vẹn, trong giao tình Nam Trung Bắc. Và trên đôi bờ vĩ tuyến, hồi ấy chưa manh nha mầm mống hận thù, chết chóc.

Nhưng rồi yêu thương nhạt dần, nhường chỗ cho tuyên truyền, cho hò hét, chiến tranh, cho "lý tưởng thống nhất", "giải phóng dân tộc", cho một mất một còn, cho ngày mai chiến thắng, bằng mọi giá, bất kể ngàn tấn thịt, vạn tấn xương, và cũng chẳng nề hà sự lệ thuộc gần như tuyệt đối vào các cường quốc.

Phong trào NVGP xuất hiện. Miền Bắc đàn áp Nhân Văn, quy kết Nhân Văn như một thứ mầm mống "nổi loạn", "phản bội", "theo địch". Miền Nam khai thác phong trào, để chứng minh điều kiện cần và đủ cho một cuộc "Bắc tiến". Đó là một trong những lý do, khiến cho học trò miền Nam thuộc lòng thơ Trần Dần. Nhưng phải công bằng mà xét, nếu không có hậu ý tuyên truyền

này, thì ảnh hưởng của NVGP, đã không bao trùm lên toàn thể hai miền Nam Bắc, như một cao trào đấu tranh cho dân chủ, lớn nhất thế kỷ XX, trong văn học Việt Nam.

Năm 1984, khi trở về Hà Nội, tôi muốn tìm lại, dù chỉ một dấu vết nhỏ, chứng minh sự hiện diện của NVGP trong lòng người dân miền Bắc. Nhưng vô ích. Tất cả đều đã bị xóa sổ. Kín đáo dò hỏi những người thân trong gia đình sống ở Hà Nội, thuộc thế hệ "phải biết" Nhân Văn là gì? Xem có ai còn nhớ gì không? Nhưng không. Chẳng ai "nghe nói" đến những cái tên như thế bao giờ: linh hồn Nhân Văn cũng đã bị xoá trong ký ức quần chúng, và như vậy, "nọc độc" Nhân Văn, đã hoàn toàn bị tẩy sạch.

Đó là lý do chính, khiến vài năm sau, khi thực sự bước vào nghề cầm bút, tôi đã coi NVGP là một trong những nghi vấn văn học hàng đầu, cần phải tìm hiểu. Bài viết đầu tiên của tôi về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đăng trên nguyệt san Văn Học, Cali, số 27, tháng 4 năm 1988, tiếp theo sau là những buổi phát thanh trên đài RFI, trong nhiều chương trình từ 1994 đến 2004. Nếu trong những chương trình ấy còn có những thiếu sót, đôi khi sai lầm, thì hôm nay, nhờ những chứng nhân quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm và Nguyễn Hữu Đang lần đầu tiên được công bố trên mặt báo, sẽ bổ sung và đính chính.

Các anh thay mặt những người đã khuất viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

LÊ ĐẠT

I. Sự hình thành Giai Phẩm Mùa Xuân

Hầu như tất cả các tài liệu đều thống nhất ở một điểm: Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bắt đầu hiện diện trên công luận với sự ra đời của tờ Giai Phẩm Mùa Xuân, nhưng trong "nội bộ" những người chủ trương tờ báo này, mọi diễn biến đã xảy ra như thế nào, tại sao lại có Giai Phẩm Mùa Xuân? Đó là những câu hỏi mà nhà thơ Lê Đạt sẽ trả lời sau đây.

Thụy Khuê: *Thưa anh Lê Đạt, nguyên do nào đã khiến anh trở thành một trong những người chủ chốt của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

Lê Đạt: Tôi là một học sinh yêu nước cho nên khi Cách Mạng thành công thì tôi tham gia Cách Mạng ngay. Từ khi tham gia Cách Mạng, hầu như tôi đều hoạt động ở ngành Tuyên huấn, rồi sau này tôi lên hoạt động ở Tuyên huấn trung ương (ngày nay là Ủy ban văn hoá tư tưởng trung ương) trực tiếp theo dõi phong trào văn nghệ, văn hóa và giáo dục. Vì thế, tôi có nhiều điều kiện tiếp xúc với tất cả các anh em văn nghệ, từ lãnh đạo đến những anh em bình thường. Tôi cũng suy nghĩ rất nhiều về phong trào văn nghệ vì xưa nay tôi vẫn là người thích làm thơ. Năm 50, khi ở chiến dịch Lào Cai, tôi có gặp một nhà thơ mà tôi chưa biết mặt, nhưng biết tên từ lâu, đó là anh Trần Dần. Trần Dần, tuy thơ thì chưa làm nhiều, nhưng là một người nổi tiếng vì những ý kiến độc đáo và kỳ cục của anh ta về thơ. Cho nên, khi gặp Trần Dần ở Lào Cai, chúng tôi đã bàn rất nhiều về thơ ca Việt Nam, và đi đến một nhất trí như thế này: anh Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng, nhưng thi pháp của anh ấy, căn bản vẫn chưa ra khỏi thi pháp thời kỳ thơ mới năm 1930, và tôi với Trần Dần nghĩ rằng: chính mình phải làm một cái gì để đổi mới nền thi ca Việt Nam. Đó là từ năm 1950. Chị nên nhớ lúc bấy giờ là đang kháng chiến mà người ta kháng chiến thì người ta bận tâm nhiều về chuyện đánh nhau, ít người nghĩ đến thơ như lũ hâm này, phải nói như thế! Tôi với Dần thì nói nhiều về Rimbaud, về Baudelaire, về Mallarmé... nhiều thứ lắm, nhưng hai người tập trung nhiều nhất nói về Maiakovski, tại vì Maiakovski lúc bấy giờ đang là ngôi sao sáng trên nền trời văn học cách mạng. Song nói rồi cũng để đấy thôi, rồi mỗi người lại đi theo công việc của mình. Đến năm 54, khi hòa bình trở lại, chúng tôi gặp nhau ở Hà Nội, lại bàn tiếp giấc mộng thơ mới đó. Lúc đó, Trần Dần đã viết xong Người người lớp lớp và đang gặp khó khăn trong quân đội, về vấn đề các văn nghệ sĩ trong quân đội đấu tranh đòi có một kỷ luật sống, cho thích hợp với thời kỳ hòa bình. Lúc đó, Trần Dần cũng bị o ép rất ghê, anh Dần có bàn với tôi rằng: "Có lẽ ta nên tổ chức một buổi phê bình thơ Việt Bắc". Tôi hoan nghênh lắm. Vì vậy, Trần Dần tổ chức một cuộc phê bình thơ Tố Hữu ở trong quân đội.

T.K.: *Thưa anh, như vậy có thể nói là tất cả đều bắt đầu từ việc phê bình thơ Tố Hữu trong quân đội. Nhưng lúc đó anh không ở trong quân đội, phải không ạ?*

L.Đ.: Lúc đó tôi đang học lớp tiếp quản để về tiếp quản khu 300 ngày ở Quảng Ninh. Trần Dần có nói với tôi rằng: thôi cậu đến "viện trợ" cho mình một tí, vì trong quân đội nó trật tự lắm. Hôm này có các ông quan to thì chắc là mọi người không dám phát biểu. Trần Dần cũng biết tính tôi là khi tôi nói thì tôi cũng không sợ gì ai cả. Hôm đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi. Hoàng Yến lên nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ "nhỏ" hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa. Trần Dần đá chân tôi bảo: "Thôi, thế cậu lên đi." Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa. Căn cứ trên cuộc thảo luận ấy thì anh em thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực. Sau đó tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ.

Đã lâu lắm rồi anh em không gặp nhau. Phải nói rằng, tôi quan hệ với anh Tố Hữu từ thời kháng chiến, quan hệ rất tốt, nhưng mà từ hòa bình thì có hơi xa nhau. Lần này, sau khi nói chuyện với anh Tố Hữu một lúc, anh Tố Hữu có nói với tôi: "Ông vốn là người nhạy cảm mà tôi thấy có tập Việt Bắc mà ông không cho phê bình thì như thế là độ này Lê Đạt nhạy cảm hơi kém rồi." Lúc ấy, trong túi tôi đã có bài Hoàng Yến phê bình Việt Bắc, tôi chỉ cười, không nói gì cả và tôi nghĩ bụng: vâng, chắc anh sẽ xem được một loạt những bài phê bình Việt Bắc nhưng có lẽ ngoài ý muốn của anh. Sau đó tôi về tôi in bài của Hoàng Yến và tiếp sau đó là một loạt những bài phê bình Việt Bắc, thì tôi chắc là cái đó gây cho anh Tố Hữu nhiều bực tức lắm, tại vì các lời phê bình ấy thường thường là chê, mà ở nước Việt Nam thì người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ cả. Tôi làm Việt Bắc thì tôi được sự ủng hộ của anh Nguyễn Hữu Đang vì Đang lúc ấy đang ở trong tòa soạn báo Văn Nghệ với tôi. Vụ Việt Bắc ấy kéo dài độ hơn một tháng, sau mọi người thấy là nên thôi, tại vì ông Lành (tên thật của Tố Hữu) cũng không chịu thua mà chúng tôi cũng không thắng, nhưng chắc là thơ ông Lành bắt đầu bị đặt vấn đề. Từ đó quan hệ của tôi với anh Lành hình như hơi khó khăn hơn.

T.K.: *Từ vụ phê bình thơ Việt Bắc của Tố Hữu đến việc thành lập Giai Phẩm Mùa Xuân, mọi chuyện diễn tiến ra như thế nào, thưa anh ?*

L.Đ.: Sau vụ Việt Bắc rồi thì Trần Dần, do lúc ấy có quan hệ với chị Khuê là vợ anh ấy bây giờ; chị Khuê là một người công giáo, cho nên người ta nghĩ rằng đó là một người công giáo cài lại làm gián điệp để tranh thủ anh Dần. Vì Trần Dần lúc đó còn ở trong quân đội nên Dần bị kỷ luật và người ta cấm trại không cho ra nữa. Đó là lần anh Dần bị giữ lần thứ nhất, không bị giam. Trần Dần, sau đó, cũng được ra và rồi hai người, như trong truyện cổ tích, cũng lấy được nhau. Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới nghĩ đến chuyện này: bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm duyệt cả. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, với Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ Giai Phẩm tại chữ Giai Phẩm có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi cũng không thích. Nhưng lúc đó vì ý kiến anh Minh Đức là nhà xuất bản tập thơ ấy và anh Đang cũng thích chữ ấy. Trước tôi định cái tí là "Thơ năm người", nhưng người ta bảo thế là "gây sự" quá, thì sau cũng đành lấy chữ Giai Phẩm. Ngay lúc đó xảy ra vấn đề Phùng Quán: Phùng Quán thì không dính dáng gì đến lớp chúng tôi cả. Phùng Quán lúc ấy - theo lối nói Việt Nam - mới chỉ là "đàn em" thôi, thế nhưng Phùng Quán lúc đó rất nổi tiếng vì quyển Vượt Côn Đảo, chứng tỏ Phùng Quán có óc tưởng tượng rất phong phú. Một hôm Phùng Quán đến tôi chơi, tôi thấy một anh bộ đội trẻ, xưng với tôi : Em là Phùng Quán. Sau đó anh em ngồi chơi, nói chuyện với nhau, thì Phùng Quán có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ trong đó có bài Quân nhân hốt rác, nghe, tôi cũng thấy vui lắm, tôi bảo: "Chúng anh sắp ra một quyển Giai Phẩm Mùa Xuân, thế Quán có muốn tham gia không?" Tôi không ngờ lời nói đùa ấy đã rẽ Quán sang một bước ngoặt của đời Quán. Quán nói rằng: "Em thích lắm, tất cả các anh em đều quý cả, để em tham gia với." Tôi lấy bài của Quán, nhưng khi đến bàn với anh em thì tôi gặp sự phản đối, nhất là anh Văn Cao. Anh Văn Cao nói rằng: "Quán

nó không thể ngồi cùng chiếu với mình được!". Tôi cười, tôi nói với anh Văn Cao rằng: "Đây là chỗ anh em với nhau chứ không phải chiếu tiên chỉ, thứ chỉ gì mà chúng ta đối với nhau trật tự quá như thế". Tôi không ngờ câu nói đùa đó sau sẽ cứ ám ảnh anh Văn Cao suốt một cuộc đời. Và từ đó người ta đều gọi anh Văn Cao là tiên chỉ. Ý kiến của tôi dĩ nhiên được mọi người đều ủng hộ cả, thì anh Văn Cao phải thua thôi. Vì thế trong Giai Phẩm Mùa Xuân lại có một người rất trẻ là Phùng Quán.

T.K.: *Thưa anh, trước khi tiếp tục câu chuyện, xin anh xác định lại một lần nữa: Phong trào của các anh là tự phát chứ không dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả.*

L.Đ.: Hoàn toàn không có dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả. Tại vì, như tôi đã nói, lúc đó thì anh em bàn với nhau là làm một tập tự do sáng tác cơ mà. Giai Phẩm Mùa Xuân ra - nếu tôi nhớ không lầm - tháng giêng năm 1956, mà đến tháng 5/1956 mới có phong trào Trăm Hoa Đua Nở ở Trung Quốc. Vậy không có lý do gì một phong trào có sau lại ảnh hưởng đến phong trào có trước cả. Và lúc đó phải nói thật là chúng tôi cũng chưa nghĩ gì sâu xa lắm đâu, lúc đó tôi còn quá trẻ, chị Thụy Khuê ạ, tôi mới 26, 27 tuổi, tôi chỉ nghĩ rằng: anh em bây giờ ở trong điều kiện hòa bình thì phải chống lại vấn đề kiểm duyệt, nó khe khắt quá và hai là chống lại thứ văn nghệ độc tôn, thực hiện tự do sáng tác, tôi thấy vấn đề rất đơn giản: mỗi anh sáng tác một bài và chịu trách nhiệm bài viết của mình. Chúng tôi cũng chưa nghĩ là mình làm cái việc tày trời như thế, chuyện ấy nó sẽ đến sau, cho nên tôi cũng chẳng bận tâm gì đến Trần Hoa Đua Nở, tôi cũng chẳng bận tâm gì đến ông Hồ Phong, nhưng mà nếu nói đến một cái ảnh hưởng gì đó của Nga, thì đó không phải là ảnh hưởng của phong trào nào của Nga mà là ảnh hưởng một nhà thơ Nga mà tôi rất yêu mến, đó là Maiakovski. Như thế không thể gọi là ảnh hưởng phong trào này kia được. Hai là anh Cầm thì cũng không ảnh hưởng gì Maia cả, chỉ có tôi với Dân là ảnh hưởng Maia thôi, nhất là Văn Cao cũng chẳng ảnh hưởng gì của Maia cả, lại có cả anh Nguyễn Sáng và Sỹ Ngọc là những người của hội họa. Mà anh Sáng viết bài thơ thì xin lỗi, rất trung bình. Cho nên anh em là vui với nhau để chứng tỏ rằng những người nghệ sĩ, những người sáng tác có quyền sáng tác một cách tự do.

T.K.: *Sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, tác dụng của nó đối với người đọc như thế nào, thưa anh ?*

L.Đ.: In ra được một tuần thì thấy ảnh hưởng của nó ghê gớm quá, tôi và anh Cầm cũng không ngờ. Đi đâu lúc bấy giờ cũng thấy người ta nói đến câu thơ của Trần Dân:

Tôi bước đi không thấy phố

không thấy nhà

chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ

và câu thơ của tôi mà sau này cụ Phan Khôi đã bình luận. Sau này tôi sẽ nói về chuyện đó.

Nhưng mà đồng thời giông bão cũng đã bắt đầu thấy xuất hiện ở trên vòm trời rồi.

Hôm tôi đến hội, tôi gặp cụ Phan Khôi. Cụ Phan Khôi bảo: "Này, gay go đấy nhé!" Tôi bảo: "Cái gì mà gay go hở cụ?"

- Hôm nọ Tố Hữu đến đây phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân nặng lắm và nói rằng: "Lũ này là lũ phản động", thì tôi có nói rằng: "Phản động hay không phản động chưa biết, cứ biết rằng người ta nói mình không bằng lòng thì mình viết, rồi để cho người ta trả lời", thì Tố Hữu nói ngay rằng: "Thừa giấy cho chúng nó viết à?" Phan Khôi không nói gì nữa.

Phan Khôi bảo tôi: "Cẩn thận!" Rồi chúng tôi chia tay nhau.

Lúc đó đi đâu cũng thấy người ta nói đến Giai Phẩm Mùa Xuân. Bấy giờ là gần Tết rồi và hôm ấy, vào khoảng độ 28 Tết, trên đường đi tôi gặp một người liên lạc của tôi, đang chạy xe đạp đi các phố để tìm tôi, bảo rằng: "Anh Tố Hữu có điện đi tìm anh và nói rằng mời anh lên Tuyên Huấn để kiểm thảo". Phản ứng đầu tiên là tôi rất bức mình. Tôi cũng là một người như mọi người khác, thì phải để cho tôi ăn Tết chứ? Tôi bảo với cậu liên lạc là: "Bây giờ em về, em cứ nói với cơ quan là không tìm thấy anh, rồi sau Tết anh sẽ lên".

Tôi nghỉ ăn Tết xong, mừng 5 Tết tôi lên gặp Tố Hữu. Lên, thì lúc ấy Tố Hữu ở trên gác, một anh chánh văn phòng xuống gặp tôi, nói rằng: "Anh đợi một lúc, anh Tố Hữu sẽ xuống!" Tôi phải nhắc lại với chị một lần nữa: Tôi là người trong suốt thời kháng chiến ở Tuyên huấn, cho

nên tôi về Tuyên huấn như là tôi về nhà tôi vậy. Nhưng mà tôi thấy sao hôm nay về nhà mình, ngạc nhiên lắm, thấy cái nhà không phải là nhà mình nữa, trông nó lạnh lùng mà nó khác hẳn rồi. Ngồi ghế đọt, thì tôi thấy quyển Giai Phẩm Mùa Xuân để trên bàn, bài Nhất định thắng của Trần Dần với rất nhiều câu hỏi của anh Lành đánh bằng bút bi đỏ, ở chung quanh, nói ghê lắm, và còn bài Ông bình vôi của tôi, thì bên cạnh câu: Bay cho cao, bay cho xa, anh Tố Hữu có đề câu hỏi: Bay đi đâu? Có phải bay vào miền Nam không? Tôi thấy tình hình gay go rồi: Mình làm chuyện sáng tác nhưng tự nhiên các ông ấy lại gắn vào cái chính trị, ngoài ý muốn của mình. Nhưng lúc ấy tôi chưa sợ. Tôi không có lý do gì mà sợ cả. Tôi vẫn tin ở sự trong sáng của mình và lúc ấy tôi vẫn tin vào sự trong sáng của Đảng.

Giai Phẩm Mùa Xuân ra vào tháng giêng, tháng hai, thì như thế là vào khoảng cuối tháng hai tôi đã bị gọi lên Tuyên huấn, chị thấy là tác động nó rất nhanh. Lúc đó tôi thấy anh Tố Hữu đi trên gác xuống, lần này anh Tố Hữu gặp tôi khác lắm, không chào hỏi gì cả. Và anh rút bao thuốc lá Trung Quốc trong túi ra anh ấy hút mà anh ấy không mời tôi.

Câu đầu tiên anh nói với tôi rất lạnh lùng: "Các anh muốn gì?" thì tôi hơi bực mình, tôi trả lời: "Chúng tôi chẳng muốn gì cả, chúng tôi chỉ muốn làm văn nghệ. Anh Tố Hữu này, chúng ta vẫn còn là đồng chí với nhau, cho nên anh không thể xử sự với tôi như người ngoài được. Có gì anh cứ nói một cách bình tĩnh." Lúc ấy anh Tố Hữu nghĩ thế nào mới rút một điếu thuốc lá mời tôi và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Câu đầu tiên mà anh Tố Hữu nói là: "Tôi rất lo cho tương lai chính trị của anh. Anh thì còn là người ở trong nội bộ, còn Trần Dần là hồng rồi. Chúng tôi đã có tài liệu rằng Trần Dần là có bàn tay của địch dính vào. Vì anh còn là người của nội bộ cho nên chúng tôi mời anh đến đây kiểm điểm. Anh phải ở lại đây 15 ngày để kiểm điểm và để thấy rõ bộ mặt phản động của Trần Dần."

Thế là tôi ở lại đấy ăn cái Tết kiểm thảo 15 hôm. Tôi không phải làm việc gì cả, tức là theo cái cách ở Việt Nam người ta làm, anh cứ ngồi đấy "suy nghĩ" về những lỗi lầm của anh. Anh viết về những sai sót của anh. Lẽ dĩ nhiên, lúc đó anh Lành cũng không gây áp lực gì nhiều lắm đối với tôi. Tôi có nói với anh Lành thế này: "Tôi không thể căn cứ vào tác phẩm của anh Dần mà đi đến kết luận là anh ấy là phản động được. Dù anh có kéo dài nửa tháng hay một tháng cũng thế thôi: Không thể căn cứ vào tác phẩm của ai mà kết tội người ta là phản động được. Phản động là thuộc phạm vi của công an". Sau đó 15 ngày thì có một cuộc hội nghị rất lớn, hầu hết các nhân vật sừng sỏ nhất của Tuyên huấn, nào là anh Kinh này, Kinh là trung ương ủy viên và là phó ban Tuyên huấn, Nguyễn Trương này, Nguyễn Trương cũng là một tay kỳ cựu mà sau này có lời thôi với Nguyễn Hữu Đang trong vấn đề Nhân Văn. Cả thiếu tướng Lê Trường, ...nhiều, nhiều lắm. Cuộc họp rất to, mà ở bên này chỉ có tôi thôi (cười). Một người thì không thể nào cãi lại được tất cả mọi người. Nhưng tôi cãi được một điểm duy nhất mà tôi có thể cãi lại, và tôi cho là đúng, đó là: "Tôi không thể nào căn cứ vào một văn bản mà kết luận một người là phản động được". Lúc đó anh Tố Hữu nói: "Thôi được rồi, để anh suy nghĩ thêm, nhưng tổ chức đã có tài liệu." Thì tôi nói: "Tổ chức đã có tài liệu thì tôi còn phải kiểm điểm gì nữa." Tóm lại, cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Sau đó, tôi được thả về vì đến đấy coi như đã xong và anh Dần cũng đã bị bắt rồi. Tức là cùng lúc tôi bị gọi lên kiểm điểm ở Tuyên huấn thì anh Dần bị bắt ở chỗ Cải cách ruộng đất. Trần Dần bị bắt cùng với Tử Phác, trong khi hai người đang đi thực tế học tập về chính sách Cải cách ruộng đất. Ba hôm sau, anh Dần cửa cổ tự tử, người ta buộc phải giải quyết vấn đề tức là cho anh Dần ra bệnh viện để chạy chữa và khuyên anh ấy không nên làm như thế. Vì vậy trong hình của Trần Dần trên báo Nhân Văn, Nguyễn Sáng có vẽ một vết sẹo ở cổ, chính là cái vết tự tử bằng mince lame trong cuộc bị bắt ấy. Rồi Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu và tự nhiên người ta gọi chúng tôi là nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân.

II. Sự thành lập Nhân Văn và vai trò của Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang và Thụy An trong tờ Nhân Văn.

Nếu Giai Phẩm Mùa Xuân dựa vào một nhóm văn nghệ sĩ thuần túy, thì tờ Nhân Văn có những khuôn mặt chính trị. Sự buộc tội nặng nề nhất của nhà cầm quyền hướng về "những tên đầu sỏ" Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Lê Đạt... Nhưng sự thật ra sao?

Ai là "đầu sỏ"? Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo.. làm gì trong tờ Nhân Văn? Lần đầu tiên Lê Đạt trả lời công khai về những sự kiện này.

Thụy Khuê: *Thưa anh, có thể nói giai đoạn thứ nhì của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bắt đầu từ sự ra đời của tờ Nhân Văn, vậy thưa anh, báo Nhân Văn đã ra đời trong hoàn cảnh nào, ở thời điểm nào và do ai chủ xướng?*

Lê Đạt: Tháng 5 năm 1956, bắt đầu ở Trung Quốc có phong trào Trăm Hoa Đua Nở thì ở Việt Nam cũng bắt đầu có cuộc học tập văn nghệ về vấn đề dân chủ. Trong cuộc học tập này, anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của anh Nguyễn Hữu Đang. Và tôi phải nói về anh Đang như thế này: Anh Đang là người hoạt động lâu năm ở trong Đảng, nhưng đã từ lâu - hình như có cái gì không bằng lòng mà trong danh từ của chúng tôi người ta thường gọi là "bất mãn" - anh không hoạt động nữa. Lúc bấy giờ Nguyễn Huy Tưởng có đón anh ấy ra để làm báo Văn Nghệ, cùng với tôi. Trong buổi học tập văn nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi - Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ - Đang nói rằng: "Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm". Đó là lời nói của Đang như thế. Trong tất cả các anh em Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có tôi là biết Đang thôi, nhưng do việc họp văn nghệ như thế thì Đang cũng dần dần biết anh em chúng tôi nhiều hơn, tiếp xúc với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân nhiều hơn, nhưng Đang cũng chỉ thân với tôi thôi. Thế còn Trần Dần, Văn Cao, và các anh em... cũng không thân gì với Đang lắm.

Đang nói với tôi: "Thế nào cũng phải ra báo và ra báo thì chắc là tụi mày phải làm thôi." Vì tình hình Trung Quốc họ làm như thế, cho nên ở Việt Nam cũng có cởi mở hơn về vấn đề dân chủ, tháng 9 năm 1956, cho tái bản Giai Phẩm Mùa Xuân. Như thế bước đầu, có thể gọi là một thắng lợi. Và trong tình hình sôi sục như thế Đang có đề nghị ra một tờ báo, tờ báo này chính là tờ Nhân Văn.

Tờ Nhân Văn thì không do tôi đặt ra, điều đó chắc là rõ ràng rồi. Và khi Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản thì lập tức nó đẻ ra một loạt những giai phẩm khác: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông và bên phía sinh viên, là tờ Đất Mới. Tức là lúc đó tự nó hình thành một phong trào rộng lớn của trí thức miền Bắc: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới... Vì người ta tôn trọng Giai Phẩm Mùa Xuân mà thực tế cũng là thế, nên người ta vẫn cho rằng, chính cái gốc của tất cả những giai phẩm này cũng như của Đất Mới là Giai Phẩm Mùa Xuân. Lúc đó, anh Minh Đức có nói với tôi rằng: "Hay là bây giờ anh chịu trách nhiệm Tổng biên tập tất cả các giai phẩm này", thì tôi nói: "Tôi bận quá, tôi không thể làm được". Sau đó các anh ấy làm với nhau thôi, chắc là một phần là anh Đang, một phần là các anh ấy làm, tôi không làm.

T.K.: *Thưa anh, tất cả các Giai Phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Đất Mới,... này ra đời, là một hiện tượng bột phát hay là có sự bàn bạc chung giữa các anh chị em tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

L.Đ.: Cái đó không phải là bàn bạc gì với nhau, nhưng mà tự nhiên nó hình thành một phong trào đòi hỏi dân chủ và cách tân văn hóa ở miền Bắc, tập trung chung quanh Giai Phẩm Mùa Xuân và nhóm Đại Học do anh Đào Duy Anh, anh Trương Tửu, anh Thảo... và tôi thấy tình hình lúc ấy bắt đầu khó khăn. Tại vì lúc nó chỉ là một tập Giai Phẩm Mùa Xuân thì được, nhưng đến khi nó trở thành phong trào rộng lớn như thế này thì chắc là phải suy nghĩ một cách kỹ lưỡng hơn. Và chúng tôi lúc đó đều mệt mỏi lắm rồi. Làm xong Giai Phẩm Mùa Xuân cũng mệt lắm, vì cũng chỉ định làm một việc ngắn hơi thôi, phải nói thật là tôi không nghĩ đến việc dài hơi, để thành ghê gớm như thế này, tôi cũng không nghĩ như thế! Nhưng đời nó vẫn thế, mình làm là một chuyện, rồi cuộc đời nó đẩy đưa mình đi. Những Giai Phẩm Mùa Thu, Mùa Đông cũng vẫn tiếp tục việc của Giai Phẩm Mùa Xuân, với những bài này, bài khác rồi chị sẽ đọc sau, trong các tài liệu... Điểm chính là phong trào đã phát triển và cái này thì đúng là có ảnh hưởng Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc: Tại vì phong trào Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc nó làm cho Việt Nam phải suy nghĩ về chính sách văn học nghệ thuật của mình; chắc chắn đó là có ảnh

hưởng, mình không nên phủ nhận cái ảnh hưởng của người ta. Nhưng ảnh hưởng sinh ra Giai Phẩm thì không có, tôi muốn nhấn mạnh ở chỗ ấy.

T.K.: *Thưa anh, tóm lại Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời vào tháng giêng năm 1956, sau đó bị tịch thu; nhờ có phong trào Trăm Hoa Đua Nở ở Trung Quốc mà tháng 9/1956, Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản, đồng thời có thêm Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới và tờ Nhân Văn. Xin anh nói về sự thành lập tờ Nhân Văn như thế nào và ban biên tập có những ai?*

L.Đ.: Xong Giai Phẩm Mùa Xuân thì tình trạng anh em, phải nói như thế này: Bảy giờ anh Dần mới sinh cháu thứ nhất tức là cháu Kha bây giờ và tôi cũng bắt đầu lập gia đình thành ra chúng tôi đều có những lo lắng mới cả. Mà trong anh em thì cũng có nhận định như thế này: Vai trò của mình như thế cũng là xong, mình làm xong Giai Phẩm Mùa Xuân rồi thì cũng có thể nghỉ được.

Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn lắm: Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: bị bắt rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ. Anh Đang lại không thuộc nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đang là một cán bộ chính trị cũ thì anh chỉ biết tôi thôi, thế còn quan hệ với các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân thì anh Đang lại không có. Mà các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân thì cũng không thích anh Đang. Rồi anh em mới quyết định thế này: Anh Cầm anh ấy đang rỗi rãi thì giao cho anh Cầm, tách anh Cầm ra để làm việc cùng với anh Đang.

Về số 1 Nhân Văn, nguồn gốc cái tên Nhân Văn, bây giờ kể lại, nó có hơi phức tạp, vì tôi không hiểu là ai nói đúng. Tôi chắc rằng các anh ấy cũng chẳng phải nói dối đâu nhưng mà chắc là trí nhớ của các anh không phục vụ các anh ấy một cách trung thành: Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thì tôi cũng không hiểu như thế nào, nhưng có một điều khẳng định là tôi không nghĩ ra cái tên tờ Nhân Văn ấy. Cái ấy thì rõ. Còn việc ấy cứ để các anh tĩnh trí nghĩ lại. Mà tôi thấy việc ấy cũng chẳng đáng gì (cười). Nhưng sau, thấy tờ Nhân Văn lung tung quá, nhiều người đến, những nhà xuất bản ở nhiều nơi cũng đến ủng hộ tiền nong, mọi thứ, nhiều quá. Tự nhiên trở thành một phong trào rất to. Lúc ấy, các anh Giai Phẩm mới nói: "Thế này thì chắc là Lê Đạt phải vào rồi", tại vì các anh vẫn nghĩ rằng tôi là người có cái nhìn quán xuyến, còn Cầm thì chắc là không làm xuê. Anh em nói thế, thì tôi cũng đành vào thôi. Vào một cái, thì anh Đang đặt luôn vấn đề: "Cậu phụ trách nhé!" Tôi nói rằng: "Cậu là đảng viên mà cậu đã thôi sinh hoạt, cậu còn chẳng phụ trách, mình là đảng viên đang sinh hoạt thì mình phụ trách thế nào được? Mình tham gia với cậu thế cũng là quá rồi còn gì, cậu đã biết kỷ luật của Đảng như thế, thì làm sao tham gia được?" Sau hai anh em bàn với nhau - thì sáng kiến này là của Đang - Đang bảo: "Hay là mời cụ Phan Khôi?" Mà cụ Phan Khôi cũng lại không thân gì với Đang lắm. Thế là anh Hoàng Cầm đến mời cụ Phan Khôi. Thì Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay. Sau đó vì cụ Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt và cụ vốn biết tôi là người phụ trách chính trong tờ báo, thì tôi phải đến gặp cụ ấy. Tôi có nói với cụ Phan Khôi rằng: "Tôi phải nói thật với bác, tổ chức của báo thì nó không như một tờ báo chính thống đâu, nó lung tung lắm, cho nên tôi không thể nào đem tất cả các bài đến để cho bác duyệt được, với tư cách bác là chủ nhiệm tờ báo." Thế là ông Phan Khôi trợn mắt lên, nhìn tôi và nói rằng: "Ông buồn cười thật! Tôi đứng ra là tôi chịu trách nhiệm chứ, thế còn tôi tin nhiệm các ông, các ông làm, chứ tôi, làm sao tôi làm được!" Riêng việc ấy tôi rất phục ông. Tôi rất trọng thái độ của Phan Khôi. Mặc dầu ông Phan Khôi không có lãnh đạo trực tiếp gì tờ Nhân Văn cả nhưng trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn. Do thái độ tự trọng của ông ấy. Một thái độ tốt của ông như thế. Chứ còn báo chí cứ nói rằng ông Phan Khôi lãnh đạo Nhân Văn thì quả thật ông Phan Khôi không làm gì trong tờ Nhân Văn cả, cái đó là rõ ràng. Nhưng mà nguyên cái việc một người dám đứng lên chịu trách nhiệm một việc tày đình như thế, thì việc ấy đáng phải đề cao mới được. Nhưng mà cái gì phải rõ ràng: Ông Phan Khôi không dính gì đến công việc hàng ngày của báo Nhân Văn cả. Chỉ lúc nào có việc gì lớn lắm tôi mới nói với ông ấy thôi, còn công việc là do chúng tôi làm cả.

T.K.: *Nhưng thưa anh, tờ Nhân Văn số 1 có đăng bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi, thì bài này cũng mạnh lắm chứ ạ? (thật ra bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi đăng ở Giai Phẩm Mùa Thu tập I)*

L.Đ.: Vâng, ông Phan Khôi, đó là ông ấy chịu trách nhiệm về bài viết của ông ấy thôi. Ông Phan Khôi từ xưa đến nay vốn là người viết văn thì ai cũng biết là ông ấy nói rất mạnh mà ông nói thì không bao giờ ông ấy rút tay rồi. Nhưng mà, tôi nói thế này: ở trong tờ Nhân Văn số 1, có một bài của ông Phan Khôi, một bài của Hoàng Cầm nói về Trần Dần và một bài thơ Tự tử của tôi đăng như bài xã luận. Đó là ba bài sau này gây nhiều tiếng vang nhất ở Hà Nội đó. Nhất là cái bài Những người tự tử. Tôi nói thế không phải để hạ thấp vai trò của ông Phan Khôi mà tôi nói thế là tôi đề cao vai trò của ông Phan Khôi rất ghê, nhưng mà đồng thời mình cũng phải rõ ràng, không nên có những lẫn lộn trong những người làm việc, chắc là chị hiểu ý tôi chứ?

T.K.: *Dạ, thưa anh còn một người nữa mà trong cuốn sách Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận của Nxb Sự Thật in năm 1959, thì họ coi đó là một trong những thủ phạm rất nguy hiểm, đó là chị Thụy An. Theo anh vai trò của chị Thụy An trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là như thế nào? Bởi vì cho đến nay thì mỗi người nói một cách khác nhau, thí dụ như anh Nguyễn Hữu Đang thì anh bảo: bà ấy không thuộc phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, vậy theo anh, chị Thụy An đã làm gì trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

L.Đ.: Tôi phải đính chính một điểm mà mọi người đều hiểu lầm: Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong Nhân Văn Giai Phẩm cả, đó là dứt khoát. Tại vì khi tôi thay mặt anh em làm Nhân Văn Giai Phẩm, thì tôi có đề ra mấy nguyên tắc mà tôi cho là rất nghiêm khắc: Một là, tất cả những người viết cho Nhân Văn Giai Phẩm phải đều là những người kháng chiến trở về. Lẽ dĩ nhiên là không phải mình phân biệt đối xử gì giữa anh em kháng chiến với anh em trong thành đầu, nhưng vấn đề Nhân Văn nó là vấn đề nguy hiểm, nếu có anh em trong thành viết, người ta sẽ dễ gây những lẫn lộn lắm. Hai là, không được nhận bất cứ số tiền nào của tất cả các nhà xuất bản. Tại vì lúc đó các nhà xuất bản đến ủng hộ tiền rất nhiều. Lẽ dĩ nhiên chị Thụy An là bạn của tôi mà tôi rất kính trọng nhưng chị Thụy An là người ở trong thành.

T.K.: *Thưa anh, anh vừa nói là các anh không lấy tiền của bất cứ nhà xuất bản nào muốn giúp đỡ Nhân Văn, như vậy anh Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức phải là một người nhiều tiền lắm thì mới có thể bỏ ra để in Nhân Văn, Giai Phẩm và các tờ báo khác?*

L.Đ.: Đó là một sự lầm lẫn. Anh Trần Thiếu Bảo cũng không có nhiều tiền gì cả. Anh ta cũng là người tháo vát thôi. Mà anh ta từ kháng chiến về, Trần Thiếu Bảo chỉ có cái vỏ thôi, chứ Trần Thiếu Bảo làm gì có tiền! (cười). Nếu anh ấy có tiền thì anh ấy đã bị đi tù nhiều rồi. Anh ấy có một xu nào đâu! (cười). Nhưng mà anh này giỏi lắm, anh ấy đi mua giấy, mua chịu, việc nhà in anh ấy rất giỏi. Hơn nữa anh Trần Thiếu Bảo là một nhà in ở kháng chiến về. Việc quản trị tờ Nhân Văn là do anh Đang lo, tôi không có thì giờ lo việc ấy lắm nhưng mà thế này: nói chung là chúng tôi đều mua chịu giấy báo và sau đó thì hoặc là anh em vay nợ để mua giấy báo và in chịu và bán xong thì lại giả nợ. Đó là mình không lấy tiền nhưng mình lấy sự ủng hộ. Và cái việc ấy phải nói đến vai trò của anh Đang. Anh Đang là trước anh ấy hoạt động ở giới văn hóa trong nội thành, cho nên anh ấy quen rất nhiều những người làm văn hóa và những cơ sở in ấn ở nội thành. Đó là nguyên tắc đề ra thế, còn có vi phạm hay không thì cái đó tôi cũng chưa được kiểm tra một cách rõ rệt lắm.

T.K.: *Thưa anh bây giờ trở lại câu chuyện chị Thụy An một chút. Thưa anh người ta buộc chị Thụy An vào những tội gì?*

L.Đ.: Tôi nhắc lại một lần nữa là chị Thụy An chưa bao giờ ở trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cả. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi. Người ta buộc tội chị Thụy An, người ta cứ buộc tội mập mờ thế thôi, nhưng tội chính của chị Thụy An là thế này: Là gián điệp cài lại để lũng đoạn nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng cho đến khi tôi biết thì tôi cũng chẳng thấy chị ấy viết bài nào cho Nhân Văn Giai Phẩm cả. Thế mà chị ấy đối với tôi thì lại rất quý, chị ấy luôn luôn mua đồ đạc cho tôi, cho vợ con tôi, và tôi cũng chẳng thấy chị ấy bàn với tôi về việc viết một bài nào cho Nhân Văn Giai Phẩm cả. Thế cho nên việc ấy tôi cho cũng là một cái oan rất lớn.

T.K.: *Người ta buộc tội chị ấy là gián điệp, nhưng theo anh, anh rất thân với chị ấy thì anh thấy chị ấy có là gián điệp không?*

L.Đ.: Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cứ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được. Chưa có chứng cứ thì làm sao có thể kết luận người ta là gián điệp được. Thì cứ cho tôi là người mù mờ đi, tôi bị chị mua chuộc đi. Tôi nhớ lại tất cả cuộc đời của tôi, thì chị ấy chưa mua chuộc tôi lần nào cả. Và chị ấy chỉ giúp đỡ tôi rất nhiều. Cho nên đến bây giờ tôi thấy là: Riêng về trường hợp chị Thụy An, tôi vẫn rất ân hận. Tại vì chúng tôi đã được phục hồi nhưng chị Thụy An chưa được phục hồi gì cả. Mà một trong những tội lớn nhất của chị ấy là mua chuộc tôi. Thì như các bạn đã biết, tôi chưa từng cảm thấy bị mua chuộc mà chắc cũng chưa ai mua chuộc được tôi. Cho nên tôi thấy riêng tôi bây giờ nói những dòng này, tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, tôi đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. Còn về chị Thụy An, tôi phải nói thế này: Chị Thụy An là một người rất giỏi. Chị ấy là một trong những cây bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Mà theo tôi, chị Thụy An nói kín hờ cho tôi biết, thì chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được. Bây giờ cũng đã lâu rồi, đã gần 50 năm rồi. Tôi thấy chúng ta có thể mở những kho tài liệu ra để buộc tội hoặc minh oan cho một người cho rõ ràng và khi mình đặt rõ ràng về phạm vi rồi thì mình phải trả lại danh dự cho người ta. Và lúc đó chúng ta hãy bàn đến vấn đề chị Thụy An đóng góp gì trong cái phong trào thời ấy. Lúc đó chúng ta có đủ bình tĩnh hơn để bàn về vấn đề này. Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả.

III. Nội dung báo Nhân Văn và sự đình bản tờ Nhân Văn

Ba "điểm nóng" trong tờ Nhân Văn số 1: Bức tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo cửa cổ, bài "Con người Trần Dần" của Hoàng Cầm và bài thơ dài "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" của Lê Đạt đăng trọn một trang báo lớn. Đó là ba yếu tố sau này trở thành biểu tượng của tờ Nhân Văn số 1. Một mặt khác, Nhân Văn còn có những bài xã luận chính trị, đòi hỏi tự do dân chủ, ký tên Người Quan Sát. Vậy Người Quan Sát là ai? Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt là hai thành viên của Nhân Văn bị buộc tội nặng nhất, trong một bản cáo trạng, người ta xác định Lê Đạt như sau: "Là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài, đả kích chế độ ta rất là cay độc". Hôm nay, nhà thơ Lê Đạt sẽ nói rõ vai trò của ông và ông Nguyễn Hữu Đang trong tờ Nhân Văn và lý do nào đã khiến Nhân Văn bị đóng cửa.

Thụy Khuê: *Thưa anh, khi báo Nhân Văn số 1 ra đời thì dư luận công chúng đã đón nhận nó như thế nào?*

Lê Đạt: Đòi tôi thì chưa bao giờ tôi thấy một tờ báo mà được hoan nghênh như thế. Tức là khi số 1 Nhân Văn, từ nhà in Xuân Thu ra đến Nhà Hát Lớn, vào khoảng độ gần 2 cây số, thì có khi người bán báo phải đi đi về về đến 10 lần để lấy báo, tại vì hết ngay và người ta chen ra đường người ta mua, thậm chí người ta đưa tiền ra mà không ai lấy tiền trả lại cả! Lúc đó tôi đứng đây tôi nhìn thì tôi mới thấy đúng là "ngày hội của quần chúng", không biết ngày hội ấy có kéo dài nhiều không nhưng đúng là ngày hội của quần chúng thật, tức là: không thể đi được! Bản thân tôi, tôi cũng không đi được. Cứ ra thì người ta lấy hết báo, lại vào, lại cứ liên tục như thế mà chẳng phải quảng cáo gì cả. Số 1 báo Nhân Văn ấy, sau khi nó ra rồi, đi đâu tôi cũng thấy người ta nhắc lại hai câu thơ của tôi:

Đem bực công an đặt giữa trái tim người

Bất tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước

Nhất là sinh viên ủng hộ rất nhiều. Tờ báo Nhân Văn số 1 lập tức là phải in lại sau đâu có một hai ngày gì đó. Hình như báo nhà nước lúc đó cũng chưa có chuẩn bị đối phó trước một hiện tượng đột ngột như thế, sau này, sự đối phó đến sau, thì lúc đó tất cả các báo, nhất là báo Nhân Dân, thường xuyên phản pháo. Ở trên báo Nhân Dân đã đàn áp, còn các đoàn thể đều học tập vấn đề Nhân Văn cả. Nhưng vì lúc đó tình hình bên Trung Quốc vẫn chưa có gì xảy ra cả,

người ta vẫn trăm hoa đua nở, người ta vẫn trăm nhà đua tiếng thành ra ở Việt Nam vẫn vừa nghe ngóng mà cũng thấy rằng bên Trung Quốc chưa động tĩnh gì cho nên vẫn tiếp tục để cho tờ Nhân Văn ra đời.

T.K.: *Thưa anh, anh và anh Đăng bị kết tội khá nặng nề về tờ Nhân Văn, người ta coi anh là một cột trụ. Vậy xin anh cho biết thật rõ anh đã làm gì trong tờ Nhân Văn, về vai trò của anh và anh Nguyễn Hữu Đăng.*

L.Đ.: Đến số sau thì tình hình càng ngày càng phức tạp, lúc đó không thể nào dừng lại ở vấn đề văn nghệ được nữa; tại vì tình hình đấu tranh ở Đông Âu đang nổi lên, thì Nhân Văn phải có ý kiến. Thế là chúng tôi phải ra hẳn một số về Ba Lan - Hung Ga Ri và ra hẳn một số về Ba Lan. Những số đó tôi phải làm hết sức vất vả. Bây giờ tôi phải nói cái việc tôi làm trong báo Nhân Văn: tại vì tôi phải chịu trách nhiệm với anh em Giai Phẩm, là phải lo về phần chính trị của báo Nhân Văn. Mà ở trong cái chính trị ấy thì phải chú ý đến nhất bài xã luận của anh Nguyễn Hữu Đăng. Tôi không hiểu anh Đăng nghĩ gì, nhưng anh Đăng có cách làm việc rất đặc biệt và tôi thấy chưa ai làm việc như thế cả, tức là anh ấy viết bài xã luận thì anh ấy viết rất lâu, mà mỗi lần anh đưa đến nhà báo cho tôi thì anh ấy chỉ đưa một đoạn thôi, đến giờ chót in báo thì anh ấy mới đưa đoạn cuối cùng. Tôi không biết anh ấy nghĩ gì, nhưng anh ấy nói rằng: "Moa viết vội lắm, moa viết khó lắm." Vì thế đêm nào in báo tôi cũng phải thức để đợi xem câu chót của bài xã luận anh ấy như thế nào, thành ra rất vất vả. Mà anh em cãi nhau ở nhà in rất nhiều, và không thể làm thế nào được tại vì cách làm việc của anh ấy như thế thì tôi cũng phải chịu thôi. Thế đến số Ba lan - Hung ga ri thì Đảng và nhà nước đã khó chịu lắm rồi. Cái bài nói về bài học Ba lan Hung ga ri tuy ký tên là Người Quan Sát nhưng chính là tôi viết. Tại vì tôi với Đăng đều ký tên là Người Quan Sát cả, nhưng về hai bài ấy, anh Đăng có nói: "Toa viết thì toa phải nhận", vậy tôi xin chính thức nhận ở đây! (cười).

T.K.: *Trong hai bài đó anh đã viết những gì?*

L.Đ.: Lúc bấy giờ quan niệm của Đảng cũng như của phe Cộng Sản là như thế này: Bọn Mỹ và bọn phản động nó kích động thì mới xảy ra cái vụ Ba lan - Hung ga ri, thì tôi có nói đại ý rằng: "Cái đó không phải, tức là xuất phát tự ta, ta bậy quá cho nên tội kia nó mới nhúng vào được, chứ nếu ta tử tế thì không việc gì nó nhúng vào được cả. Cho nên, việc thứ nhất ta không nên sợ vì chúng nó can thiệp mà ta không dính đến việc của ta". Đó là việc mà mọi người trong các báo chính thức rất khó chịu và họ vẫn cho tôi là lẫn lộn ta địch. Nhất là bấy giờ đại sứ Ba lan cũng viết thư phản đối tôi, nói là: "Ông lẫn lộn giữa Ba lan và Hung ga ri. Hung ga ri khác, Ba lan khác." Cho nên tình hình lúc đó phức tạp lắm chứ không phải là đơn giản. Nhưng đến bây giờ tôi cũng không thay đổi ý kiến: "Nếu mình không làm bậy thì đế quốc và những thế lực thù địch cũng không làm gì được cả. Bậy là chính tự ta". Đây tôi xin trả lời chị tóm tắt bài tôi viết như thế, tức là đi ngược lại với nhận định của Đảng lúc bấy giờ.

T.K.: *Thưa anh, báo Nhân Văn số 6 là số đưa đến sự đóng cửa của tờ Nhân Văn, vậy bài gì trong số 6 đã đưa đến cơ sự này? (thật ra là số 5).*

L.Đ.: Số 6 thì thế này. Số 6 thì anh Đăng cũng như thường lệ, anh ấy vẫn đưa cho tôi từng mẫu một. Tôi có xem đến các chỗ, kể cả biểu tình, nhất là cái quyền được biểu tình thì tôi có xem kỹ lại. Về vấn đề biểu tình ấy tôi thấy là cái quyền biểu tình cũng đơn giản thôi: vì trong các nước xã hội Cộng Hòa thì bao giờ cũng có biểu tình, quyền biểu tình là bình thường. Tôi xem kỹ lại và tôi hỏi Đăng: "Ông viết thế này, ông đã nghĩ kỹ chưa?" Thì Đăng đưa cho tôi xem bản hiến pháp Trung Quốc, tôi cũng thấy là đúng có những chữ ấy thật, mà lúc đó cũng vội quá, tôi không kịp nghĩ đến một ẩn ý gì của anh Đăng, và tôi cũng không biết anh ấy có ẩn ý hay không. Cái đó chỉ có anh Đăng biết thôi, mình làm báo thì mình chỉ xem nếu không có lỗi gì thì mình phải cho thông qua. Và tôi cũng đồng ý cho thông qua bài xã luận ấy. Thế nhưng cái bài xã luận ấy khi đang in sous presse thì bị ách lại. Và ở trên nói rằng Nguyễn Hữu Đăng hô hào biểu tình. Lúc đó, riêng tôi, tôi phản đối ý kiến đó, đây là mình đang nói về hiến pháp Trung Quốc cơ mà, chứ có phải mình nói đến vấn đề chung chung đâu. Mà bây giờ, không nói về ý định tác giả, cái ý định của tác giả thì biết thế nào được; nhưng trên giấy trắng mực đen, tôi chưa thấy có gì chứng tỏ Nguyễn Hữu Đăng hô hào biểu tình cả.

Và tờ báo ấy, chính bị ngừng lại là vì câu của Nguyễn Hữu Đang viết trong bài xã luận.

T.K.: *Anh còn nhớ câu anh Đang viết trong bài xã luận ấy là câu gì không?*

L.Đ.: Tôi không nhớ, nhưng mà thế này này: Chu Ân Lai có nói rằng: Hiến pháp Trung Quốc công nhận quyền tự do, dân chủ rộng rãi của nhân dân, kể cả quyền biểu tình. Thì tôi xem lại hiến pháp Trung Quốc cũng có thật, mà Chu Ân Lai cũng có nói thật, nhưng mà không biết cái ẩn ý như thế nào. Lúc đó, một là, tôi vội quá, tại vì bao giờ tôi cũng cập rập. Hai là, có khi anh Đang anh ấy vô tình cũng nên. Mình không nên đổ tội cho người ta một cách không có bằng cứ gì cả. Thế thì sau đó là bị ách lại ngay. Và tôi thấy tất cả các nơi đã bắt đầu nói rằng: Tờ Nhân Văn công khai hô hào nhân dân biểu tình. Lúc ấy tôi cũng phản đối rất ghê. Như thế là tờ báo ra được 5 số, tức là đời sống của nó cũng chỉ có độ ba, bốn tháng thôi nhưng nó đã để lại một ấn tượng rất lớn trong đời sống văn hóa của nhân dân Việt Nam.

T.K.: *Thưa anh, tóm lại tờ Nhân Văn bị đóng cửa chỉ vì bài viết của anh Nguyễn Hữu Đang hay là còn có những lý do gì khác nữa?*

L.Đ.: Theo tôi bài của anh Nguyễn Hữu Đang chỉ là cái có thôi, chứ còn người ta định đóng tờ Nhân Văn từ lâu rồi. Nhưng nếu anh Đang không có chủ ý gì, thì riêng việc đó, theo tôi, viết báo như thế cũng là một sơ hở. Bao giờ người ta cũng căn cứ vào cái sơ hở người ta đánh thôi, chứ còn người ta đã định từ lâu rồi. Sau tờ báo, cũng chả có ai biểu tình gì cả; vì thế tôi cũng cho là cái có thôi. Người ta đã định đoạt số phận của tờ này từ lâu lắm rồi. Tôi thấy tất cả các công đoàn, tất cả các cơ quan đều học tập về báo Nhân Văn từ trước khi người ta đóng cửa cơ mà, và mọi người đều nói tờ báo đó là phản động.

T.K.: *Thưa anh như vậy là trong lúc anh làm tờ Nhân Văn anh còn làm cả tờ Văn Nghệ nữa?*

L.Đ.: Vâng, tôi vẫn làm tờ Văn Nghệ. Và cái điểm này tôi muốn nói với chị một chuyện hơi buồn cười mà nó cũng không ra gì. Tức là khi đưa tờ Nhân Văn ra quảng cáo ở ngoài đường - Đang thì bao giờ cũng thích quảng cáo - tôi có nói rằng: "Không thể quảng cáo tên tôi được". Mà họ quảng cáo tên tôi ầm lên ở ngoài đường. Tôi bảo Đang: "Tại sao cậu lại không tuân thủ ... " Thì Đang nói: "Thế thì tao xóa đi vậy". Nó xóa nham nhở (cười). Vẫn còn tên tôi ở ngoài đường (cười). Thế là hôm ấy tôi đến, có cả Chế Lan Viên, có Nguyễn Công Hoan, có Bùi Hiến... đứng ở 51 Trần Hưng Đạo, trụ sở hội Văn Nghệ đó, tôi đi vào, Chế Lan Viên gọi: "Lê Đạt vào đây." Tôi vừa vào, Chế Lan Viên bảo: "Mày đứng đằng sau mày lãnh đạo tờ Nhân Văn phải không?" Tôi bảo: "Không, nó xóa tên tao rồi." Chế Lan Viên bảo: "Nó xóa tên mày mà nó đăng bài thơ của mày cả một trang báo à?" Chế Lan Viên vốn là người thô lỗ, chửi luôn: "Tiên sư thằng nào lãnh đạo mà giấu mặt" (cười). Đấy, chị thấy không khí rất căng thẳng. Căng thẳng lắm. Nhưng mà tôi vẫn bình thường, công việc tôi, tôi vẫn làm. Nhưng anh em khó chịu với tôi lắm, ở cái hội nghị Đảng nào, người ta cũng nêu tên tôi, tôi trở thành một phần tử indésirable. Nhưng người ta cũng chưa có gì cụ thể đối với tôi cả. Đến khi Nhân Văn bị cấm rồi, thì ở bên Trung Quốc người ta vẫn tiếp tục phong trào dân chủ, lúc ấy, Đảng và nhà nước thấy rằng: Cho là cái Nhân Văn Giai Phẩm nó quá đáng đi, thì đóng cửa lại, nhưng bây giờ cũng phải thu xếp sao cho nó ổn thỏa. Và như thế là tôi không làm báo Văn Nghệ nữa, về Hội Nhà Văn làm đối ngoại. Trần Dần cũng đã ra khỏi quân đội rồi, về Hội Nhà Văn làm ban sáng tác. Mà nó lại buồn cười thế này: Khi thành lập Hội Nhà Văn ấy, vào tháng 4 năm 1957, thì khi bầu ban chấp hành - lẽ dĩ nhiên là ban chấp hành cũng không có quyền gì - lại có cả Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh mà ai cũng biết là có tham gia Nhân Văn, như thế để biết là, lúc ấy, ở trên cũng chưa có một chủ trương nào dứt khoát cả, vì họ còn mở rộng để cho Hoàng Cầm và Hoàng Tích Linh vào ban chấp hành cơ mà. Thì đủ biết rằng lúc ấy chưa có chủ trương đánh đấm gì dứt khoát cả, hình như họ vẫn muốn là: thôi, bây giờ đoàn kết nhau lại để làm được một cái gì đó tốt đẹp hơn, thì cái Hội Nhà Văn này sẽ ra đời tờ báo Văn đó.

T.K.: *Có phải vì Đảng bắt đóng cửa tờ Nhân Văn cho nên Đảng cho ra tờ báo Văn để thay thế tờ Nhân Văn, có phải như vậy không thưa anh?*

L.Đ.: Không, không, cái đó không phải chị ạ. Để tôi nói rõ ràng, cái đó không phải đâu. Đảng - chị nghĩ hơi phức tạp quá và hơi tế nhị quá - chắc là Đảng không có những bận tâm phức tạp và tế nhị như thế. Tức là sau đó thì tờ Nhân Văn bị cấm. Nhưng chị nhớ là lúc đó ở bên Trung

Quốc vẫn tiếp tục phong trào Trăm Hoa Đưa Nở, Trăm Nhà Đưa Tiếng. Thì tháng 4 năm 1957 có hội nghị thành lập Hội Nhà Văn, lẽ dĩ nhiên là tờ Nhân Văn bị cấm nhưng những anh em Nhân Văn thì vẫn chưa bị gì lắm. Như tôi chẳng hạn, tôi đang chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ thì người ta chuyển tôi sang làm ban đối ngoại của Hội Nhà Văn thôi, tức là lúc bấy giờ tôi không được dính gì đến báo chí nữa thôi chứ không có một lời phê phán nghiêm khắc gì. Thành lập Hội Nhà Văn thì Hội Nhà Văn cho ra tờ báo Văn, mặc dầu, lúc đó tôi ở Hội Nhà Văn, nhưng tôi cũng không tham gia gì vào cái tờ này cả. Tại vì thế này: Tôi thì rất không thích ông Nguyễn Hồng và Nguyễn Hồng cũng không thích tôi. Lúc ấy Nguyễn Hồng là thư ký tòa soạn của tờ báo Văn và Tô Hoài là Tổng thư ký Hội Nhà Văn, đồng thời làm giám đốc nhà xuất bản. Thì lẽ dĩ nhiên là họ cũng chẳng cần gì đến tôi.

T.K.: *Thưa anh, trong tờ Văn còn có cả Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân nữa và hình như Nguyễn Tuân có viết bài gì nên tờ Văn sau đó cũng bị lôi thôi? (Thực ra thì báo Văn số 36, bị đình bản vì bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi)*

L.Đ.: Về Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thì phải nói như thế này: Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân thì hầu với Tô Hoài. Mà ông Tuân thì tính ông ấy khó tính, thỉnh thoảng ông ấy hay bực sặc, thế thôi. Thế thì, khi báo Văn ra, có một chuyện gì đó, thì cãi nhau với báo Học tập, báo Học Tập là báo của Đảng. Cãi nhau thì tôi cũng cho là bình thường thôi, Nguyễn Tuân có viết một bài trả lời trên báo Văn. Nhưng lúc đó, tình hình nó xảy ra như thế này:

Tháng 5 năm 1957 ra báo Văn.

Cuối năm 1957 Trung Quốc đánh phá hữu, nếu tôi nhớ không lầm thì như thế. Lúc đó Đảng mới có một thái độ dứt khoát: Người ta nói rằng báo Văn như thế là hậu thân của báo Nhân Văn và như thế phải có một cuộc học tập đấu tranh để làm tuyệt hết tất cả. Tức là ở Hội Nhà Văn, tuy Nhân Văn đã chết nhưng nọc độc của Nhân Văn vẫn còn. Và rằm tháng giêng năm 1958 thì có lớp Thái Hà đấu tranh chống Nhân Văn Giai Phẩm. Tôi phải nói với chị rằng Nhân Văn Giai Phẩm đã chết từ tháng 12 năm 1956 tức là người ta đánh như thế - nói theo kiểu pháp luật - là sai, đã hồi tố, không ai đánh một việc đã xong rồi. Tức là như thế này: Tháng giêng năm 1958 tổ chức lớp Thái Hà để đấu tranh chống Nhân Văn mà số 6 Nhân Văn thì đã chết từ tháng 12 năm 1956 rồi.

T.K.: *Từ khi Nhân Văn bị đóng cửa đến lúc anh bị đưa ra lớp Thái Hà, trong suốt thời gian đó anh làm gì?*

L.Đ.: Khi thành lập Hội Nhà Văn thì báo Nhân Văn đã đóng cửa rồi, và thành lập Hội Nhà Văn ấy trên khẩu hiệu đoàn kết mọi người, trong đó một số anh em Nhân Văn cũ cũng tham gia, như anh Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, và họ ra tờ báo Văn, thì báo Văn họ làm với nhau, chứ tôi không dính gì đến báo Văn cả, mà anh em Nhân Văn thì đã tan nát mỗi người một nơi. Và tôi phải nói với chị điều này nữa: Tháng 5-1957, khi ra tờ báo Văn thì tôi vẫn có chân trong Đảng. Đến tháng 7-1957 tôi viết một bài thơ dài tên là Cửa hàng Lê Đạt, trong lúc ấy, là giữa cao trào cải tạo tư sản miền Bắc. Bài Cửa hàng Lê Đạt chưa in thì đã có nhiều người nói lắm rồi, đi đâu người ta cũng xì xào: "Lê Đạt nó sắp sửa nổ một trái bom". Lúc ấy, in ở nhà Xuân Thu, đang in, tôi thấy Việt Dung - là một cán bộ của sở Văn Hóa - Việt Dung bảo tôi:

- Sao lúc nào cậu cũng lôi thôi thế!

- Cái gì mà lôi thôi?

- Nó cấm rồi?

- Cấm cái gì?

- Thế cậu không biết à? Nó biểu tình rồi. Nó ngừng không in quyển của cậu nữa.

Tôi chạy xuống thì thấy bản thảo người ta cũng lấy rồi, gỡ hết cả chữ rồi, không còn gì nữa.

Tức là khi đang in sous presse, thì người ta vận động công nhân -chả biết có vận động không-tự nhiên thấy công nhân đứng lên phản đối, ngừng, không in nữa, và nói rằng: "Tác phẩm này đi ngược với quyền lợi của công nhân!"

Sau cái Cửa hàng Lê Đạt ấy, người ta vu tôi là gì? Là giữa cao trào cải tạo tư sản mà Lê Đạt viết bài Cửa hàng Lê Đạt là tiếp tay với bọn tư sản. Lập tức người ta triệu tập tôi đến hội nghị

chi bộ. Lúc này tôi chính thức bị khai trừ khỏi Đảng Cộng Sản Việt nam, tức là vào khoảng tháng 7 năm 1957.

Sở dĩ tôi phải nói chỗ đó cho rõ vì thế này: Lớp đấu tranh Thái Hà có hai lớp. Theo thói thường của Đảng, bao giờ họ cũng tổ chức hai lớp: Một lớp vào tháng hai, năm 1958, để chuẩn bị cho các đảng viên. Và lớp thứ hai, tháng ba, năm 1958 cho tất cả mọi người. Thái Hà là chỗ gần lãng ông Hoàng Cao Khải, đó là trường công đoàn và ở đó người ta tổ chức một lớp đấu tranh ghê gớm nhất đối với Nhân Văn Giai Phẩm. Sau này mọi người đều nhắc đến nó và gọi là lớp Thái Hà.

Phụ đính I :

Chùm thơ Lê Đạt:



Nguyễn Du

Nhớ liễu hò
tới nhờ em xõa tóc
Em vắng nhà
bò kết chữa đi xa
Cầu nước chảy
bóng chiều xuân tha thiết
Xanh Thanh minh em thổi liễu vô hình

Lý Bạch

Tiền tửu
chén vơi
trăng đầy hát
Rượu say mềm
sầu tĩnh
hận không say
Thiên lý chữ tuôn lòng nhật bạch
Không tận xanh
thơ thổi trắng trời

Hồ Xuân Hương

(Bá ngọc con ong bé cái làm
H. X. H.)

Xuân chẳng buông hương
sao bướm vượt đường
Kìa hoa leo tường
là hoa dâm bụi

Sơ đồ một giấc mơ

1. Khách cứ tấm tắc ai khéo chọn đất xã khai hoang

- Thế đất tuyệt

sông diểu mặt núi gối đầu

trụ sở lại nhòm Vật Đá để

chỗ tụ thủy

lập nghiệp tốt phải biết

Tiểu khách

buộc con đò gốc mơ lão thụ bến rừng

chủ tịch bỗng băng khuâng

Anh nhớ một tuổi thơ chào khua nước sóng hai cha con sông dài

Ai quyết toán những đận sông một đời người

Mỗi lần năm cùng tháng tận rong con nan quay đầu nơi làng quê chật

làm nhiệm vụ hương khói tổ tiên

Ông cụ lại ôm con vào lòng (hồi này mẹ giữ anh ở nhà)

ngheu ngao những tên bến đẹp trần trọc

và những truyện còn dị kỳ hơn cổ tích

Rất nhiều róc rách và gió vỗ mãi bờ chiếc võng chòng chành

một hoàng hôn nước cả

Để đến lúc nhà chưa kịp hạ nêu đã lén nhỏ sào hồi hả đi

đi như người đi tìm

2. Ông cụ lệnh đênh sông hồ mơ một thế đất mở cho quê thơ

Và cái người bố thiết tha quê có buồng phổi

đến là ăn tốn ốc... xy ấy cứ bốn ba mãi

Mỗi lần về ông cụ thường nằm vật giường thờ

phù phù tre hàng ăm chè xanh như con cá mắc cạn

hay chiếc biển thể quá tải cần hạ nhiệt

Rồi chẳng cơm sống canh nhạt chẳng ai đá thúng

đụng nĩa gì dùng dùng lại đi...

3. Bà cụ lòng thành rừng xanh núi đỏ cầu hết đèn này phủ nọ

xin bà Chúa Thượng Ngàn

Xá cho người chông nặng căn...

Vô ích

Những dòng sông cứ chông chất bông bệnh đầu người mang gen Khoảng Rộng

trót sinh ngày Con nước

- Ăn thưởng ăn phạt gì đâu hai thứ tóc còn lêu têu

như đồ thất tộc

Ông cụ cười xoà nhận khuyết điểm

để rồi

lại đi...

4. Cho đến lần ông cụ bệnh hiểm nghèo

cánh về nhà thì đã cấm khẩu

Chỉ kịp di chúc con một mảnh giấy nhàu nát
nét nguệch ngoạc
một giấc mơ bất đắc

Ba năm bốc mộ
mất tích ông cụ
Chẳng biết mỗi xông
Hay ông lão lại sống chết linh đi một đạn sông nào

5. Khách vẫn tắm tắm
Thế đất tuyệt... sông diều mặt... núi gối đầu
Chẳng biết chủ tịch trẻ đăm chiêu gì
Chỉ thấy anh hì hụi Đống giấy bụi
Lục tìm sơ đồ giấc mơ ông cha

Một nét đậm ngoằn ngoèo có ghi tên con sông Dân
cách huyện lỵ chừng 20 ki lô mét
gối đầu dãy núi Hồng
có ba cây mơ chân vạc
Biết đâu chẳng đúng địa điểm Xã La Phù 2 này
cũng bờ con sông Dân
cũng cách huyện lỵ 20 ki lô mét
cũng gối đầu dãy núi Hồng
Chỉ dôi một gốc mơ.
Anh chăm chú sơ đồ khát vọng dở dang tiền nhân
Rồi theo một thói quen hành chính lấy bút bi
ghi bên cạnh
Đã giải quyết
Nghĩ thế nào anh xoá đi viết lại
Đương giải quyết

1970
(trích Lão Núi)

Tái bút gửi Nguyễn Hưng Quốc và Thường Quán:
Mong muốn sâu xa của người làm thơ hiện đại là tổ chức lễ giáng sinh mình một ngày với lễ Phục Sinh
ông cha.
Uống nước nhớ nguồn là một truyền thống hay
Con hơn cha nhà có phúc cũng hay không kém
Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh - Và cánh
dùng để bay
Tôi hay những truyền thống bay

Thơ haikâu Lê Đạt

vườn luxămbua

*lá rụng vai những pho tượng trắng
Anatole france*

nắng học trò vườn vai thu trắng lá
nổi bây giờ tượng đá tuổi ngày xưa

eppen

rõ tám hướng riêng nhà ai góc khuất
nắng đơn thương thắp bạc tóc bất thường

cà phê flor

cà phê flor khách thưa mình anh sửng đứng
em mắt đen nôi bóng xartơ ngồi

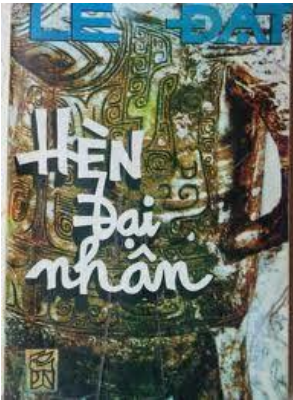
giáng sinh

hà nội sao đèn- elidê không ngủ
biên ngân hà tình toạ độ giáng sinh

mimôza

mimôza hết mùa hoa má nhớ
thương nở vườn rực lửa mimôza
theo người đương thời

Phụ đính II :



"Phản đề" dành cho người Việt trẻ

Nhà thơ Lê Đạt, dù tuổi đã ngoài 70 vẫn là một người trẻ lạ lùng. Trẻ, ở trong tâm hồn và tính cách lẫn những cách tân trong thơ ca Việt - cho dù cuộc đời ông như chính nhà thơ thừa nhận là rất "lì kỳ" và chịu nhiều thăng trầm dâu bể. Trẻ, ở chính cái cách mà ông nhìn nhận rất "thiện chí" và cởi mở về lớp trẻ, về thế hệ trẻ hiện nay...

Báo *Sinh viên Việt Nam* (SVVN) đã có cuộc trò chuyện cùng ông trong một ngày đông cuối năm

ở một ngôi nhà phố cổ Hà Nội về những câu chuyện của người Việt trẻ trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá đồng thời phát triển những giá trị truyền thống dân tộc. Và làm sao để loại bỏ được những lực cản khách quan và chủ quan, những "tảng đá" giáo điều đeo đẳng trên lưng, những mặc cảm nhỏ nhen, những kiến thức và tình cảm vụn vặt để những người Việt trẻ sẵn sàng cho một cuộc "leo núi" đỉnh cao như nhà phê bình trẻ Nguyễn Thanh Sơn từng ao ước. Câu chuyện bắt đầu từ khát vọng và ước mơ của những người trẻ.

Nếu không có khát vọng, chúng ta trở thành những đứa trẻ chết già!

SVVN: Tất nhiên tuổi trẻ ai cũng đầy mơ mộng và khát vọng, nhưng có nuôi được và biến nó thành thực tế không mới là chuyện đáng nói. Gần đây, trong một cuộc phỏng vấn về thể hệ trẻ, nhà thơ Phan Huyền Thư cũng đưa ra một câu hỏi chưa có trả lời "Trên thực tế, có được bao nhiêu người biến ước mơ hoài bão của mình thời tuổi trẻ thành hiện thực? Và bao nhiêu người đã bội ước với tuổi trẻ của mình?" Trong thơ ông, tôi cũng đọc được: "Những ước mơ xưa/ Như con chim gãy cánh/ Rũ đầu chết ngạt trong bùn/ Năm tháng mài mòn/ Bao nhiêu khát vọng"...

LĐ: Tôi cho rằng để sự mơ mộng và khát vọng trở thành hiện thực phải đòi hỏi rất nhiều ở sự can đảm và kiên trì. Ở đó, không có "đất" cho sự thực dụng và những toan tính tầm thường, ở đó cũng không có cơ hội cho những người thiếu lòng đam mê và dũng cảm. Để nuôi khát vọng, nó đòi hỏi sự đam mê thành thật, thậm chí vác cả sự đam mê trên vai mà trèo đèo lội suối để biến nó thành sự thật. Với những người trẻ tuổi, tôi có một lời khuyên chân thành: đừng bao giờ sống 50%, đừng bao giờ yêu 50% và cũng đừng bao giờ làm 50%. Sự nửa vời cũng là một trong những lý do để người trẻ phản bội lại ước mơ của mình.

SVVN: Nhưng đôi khi họ không dám sống 100% còn vì nhiều lý do, những định kiến từ bên ngoài họ. Và có những trả giá đôi khi là quá đắt nếu mạo hiểm "đặt cược" cả 100% "số vốn" mà họ có?

LĐ: Phá bỏ những định kiến với chính mình mới quan trọng chứ không phải là định kiến của người khác. Và định kiến đáng sợ nhất là sợ khác người, sợ mọi người coi mình là rồ dại. Với người trẻ, dù lao đi mà trượt chân vài cái còn hơn là ngồi một chỗ để tính toán hết đời mình, nó tạo cho người trẻ một sự khôn ngoan không cần thiết. Còn lý do khách quan thì bao giờ cũng có, khó khăn bao giờ cũng có, nó chỉ biến đổi hình thái theo từng giai đoạn thôi chứ chẳng bao giờ có một môi trường lý tưởng nào cho giới trẻ cả. Nhưng dù ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải nuôi khát vọng. Tuổi trẻ mà không có khát vọng tức là chưa kịp trẻ họ đã già hay ngược lại là đã già ngay từ khi còn trẻ, nói như cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương - Họ là *những đứa trẻ chết già*.

SVVN: Nhưng dù sao thì cũng phải "thực tế khát vọng" phù hợp với năng lực của mỗi người. Nhiều người chỉ cần nuôi những giấc mơ nhỏ và khi đạt được họ bằng lòng với nó?

LĐ: Tôi không nói đến những "giấc mơ con" và những "cuộc đời con". Còn những người trẻ có chí tiến thủ và giàu hoài bão bao giờ cũng đặt mình trong sự đối sánh với người khác. Biết người quan trọng hơn biết mình. Từ đó có những cái nhìn phê phán, tôi nghĩ rằng sự phê phán (để biết được những nhược điểm của mình) chính là bước đầu tiên của tri thức.

Một trong những điều nữa hạn chế sự tiến thủ của những người trẻ là căn bệnh chủ quan quá mức và dễ hài lòng với chính mình. Cuộc đời là một quá trình trôi chảy và đấu tranh liên tục,

nếu anh hài lòng với những kết quả ban đầu và dừng lại coi như anh đã "chết" ở chính điểm dừng ấy và sau đấy trở thành một kẻ "ăn mày dĩ vãng" hay "xác ướp trở lại" mà thôi!

SVVN: Những khát vọng nào của tuổi trẻ đáng được biểu dương nhất, thưa nhà thơ?

LĐ: Có rất nhiều khát vọng đẹp, nhưng tôi thích nhất ở những người bạn trẻ tuổi là khát vọng lên đường, khát vọng đi tìm những miền đất mới, những lĩnh vực mới. (Xã hội nên có những động thái tốt đẹp dành cho những người tìm đường). Và tôi nghĩ, càng có nhiều khát vọng lên đường, tuổi trẻ càng dễ phá bỏ được những định kiến, những cái cũ ở ngay trong chính bản thân họ cũng như xã hội bên ngoài...

Tuổi trẻ hãy lên án một cách nghiêm khắc sự giả dối

SVVN: Ngoài chuyện thiếu khát vọng, sự dễ hài lòng và sống 50%, theo ông có những lực cản nào nữa kéo sự phát triển của người trẻ lại?

LĐ: Có những tính cách xấu lâu ngày biến thành những khuyết điểm của người Việt Nam, đó là không có ý thức về sự hoàn chỉnh, thói quen không có kỉ luật, không đi đến tận cùng cái mình đang có, dễ hài lòng và chấp nhận thực tại, căn bệnh tiểu nông, tiểu thủ công nghiệp manh mún, giạt gấu vá vai... Điều này dẫn đến một thói ứng xử xấu nữa là dễ tặc lười cho qua. Một người già chép miệng hoặc tặc lười cho qua đôi khi còn thông cảm được vì sự "lực bất tòng tâm" nhưng với một người trẻ thì rất nguy hiểm. Tại vì khi chép miệng là lúc anh bước từ một cõi thực tế sang một "cõi" ảo, một "cõi" đầu hàng, buông xuôi. Khoảng cách giữa chúng rất nhanh nhưng lâu dần nó cuốn anh đi rất xa. Nếu nói, điều tôi ghét nhất trong tính cách của người Việt là thói chép miệng, nghe thì có vẻ đơn giản nhưng thực ra khi anh chép miệng, phần nhân tính trong anh đã bị buông xuôi và anh đã dễ dàng "đồng hoá" với sự thất bại, với thói xấu.

SVVN: Gần đây, xã hội nói nhiều đến căn bệnh giả dối bằng cấp, đặc biệt là trong giới trí thức trẻ. Nhà văn Nguyễn Khải thì lên tiếng về căn bệnh công chức hoá ở lớp trẻ... Theo ông, điều nào đáng lo ngại hơn?

LĐ: Chuyện bằng cấp và thói quen công chức hoá đều bắt đầu từ hậu quả của thời phong kiến và quan liêu bao cấp - đó là học để làm quan. Xã hội mới thì tôn trọng đến sự thành đạt ở bề ngoài (tiền, danh vọng) mà chưa chú ý đến giá trị tinh thần. Chính cơ chế đó đã khuyến khích thói công chức hoá ở trong nhiều người. Họ coi nhà nước như là chỗ an dưỡng hơn là nơi để cống hiến và sáng tạo. Lâu dần, họ mất đi sức mạnh của tinh thần mà chỉ còn lại sức mạnh của cái ghế. Thói xấu này không chỉ có ở trong những người trẻ mà phần lớn là để lại từ các lớp đàn anh đi trước. Thái độ của xã hội cũng phải chịu lỗi về điều này. Chính môi trường của xã hội nhiều khi khuyến khích sự giả dối. Giới trẻ cần phải lên án một cách nghiêm khắc sự dối trá, bắt đầu từ chính bản thân mình. Và phải tập cho mình một thói quen biết xấu hổ trước cái xấu. Tôi cho rằng, sự biết xấu hổ là sự bắt đầu nhân tính của con người.

Dừng nhìn hiện tại bằng con mắt của quá khứ

SVVN: Những người lớn tuổi "kêu" là lớp trẻ đang quay lưng với những giá trị truyền thống và

thuộc sử Tàu hơn sử Ta. Thực ra với lớp trẻ, truyền thống có những vai trò gì? Và họ nên "đổi xử" với truyền thống như thế nào để "hợp lý hợp tình"?

LĐ: Về đầu, tôi nghĩ một phần do nền giáo dục và nền văn hoá nghệ thuật của chúng ta chưa đủ sức để hấp dẫn giới trẻ. Truyền thống, hay nói giản dị hơn là quá khứ cũng có quá khứ tốt và quá khứ xấu, cần được nhìn nhận lại một cách khách quan. Có những giá trị tốt cần được phát huy như truyền thống tương thân tương ái, sự độ lượng...nhưng cũng có những truyền thống trở thành lực cản vì sự trì trệ và bảo thủ cần loại bỏ.

"Đổi xử" với truyền thống, tôi nghĩ lớp trẻ đừng bao giờ nhìn hiện tại và tương lai bằng đôi mắt của quá khứ, đừng để những "lực chết" kéo ta lại với quá khứ, hay để những người sống đi cãi nhau với người chết (ông dẫn thơ - *Thơ ấy tôi rất già/ Mở miệng khôn tổ tiên rập nói*). Với truyền thống, cũng cần phải nhìn nhận một cách tinh tế. Bảo tồn truyền thống không quan trọng bằng phát huy truyền thống để tìm ra một truyền thống mới. Ví dụ có những giá trị truyền thống rất xấu như "Ta về ta tắm ao ta" hay "Phép vua thua lệ làng" "Chó cạy gần nhà"... , nó thể hiện sự lạc hậu và xã hội không thông suốt từ trên xuống dưới, mang nặng tư tưởng bè phái, địa phương, gia đình... Hay bia Quốc Tử Giám không chỉ thể hiện tính hiếu học mà còn lộ ra tính háms văn bằng có ngay ở trong truyền thống.

Nhìn nhận truyền thống, mỗi người trẻ nên định giá bằng đôi mắt của mình chứ không theo sự định giá của người khác.

"Đạp đổ thần tượng" hay "đứng trên vai thần tượng"?

SVVN: Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường nói rằng lớp trẻ ngày nay có vẻ hơi "vô thần, vô đạo", thực ra thì theo ông, lớp trẻ có nên nuôi trong mình những "tín điều" không?

LĐ: Vô thần thì nên, nhưng vô đạo thì không nên. Con người nên có những tín điều nhưng không nên thờ thần tượng vì thần tượng là sự xuống cấp của tín điều. Nhìn lịch sử tiến triển của loài người mình phải đứng trên vai của quá khứ mới thấy được tương lai chứ núp bóng quá khứ thì tương lai không bao giờ thấy được.

SVVN: Vậy thì theo nhà thơ, lớp trẻ nên "núp bóng thần tượng", "đạp đổ thần tượng", hay "đứng trên vai thần tượng"?

LĐ: Bản thân của sự phát triển văn hoá là chống lại thần tượng. Nói như Trang Tử là "vứt trí bỏ thánh" để trở lại suy nghĩ của chính ta. Nói đạp đổ thần tượng thì nghe có vẻ hơi phạm thượng nhưng tôi nghĩ rằng không sai và nói gì thì nói, nếu được coi là thần tượng tức là họ đã ghi được dấu ấn giá trị trong lịch sử, hiện tại và tương lai nên để lớp trẻ khai phá. Tốt nhất, là đứng trên vai thần tượng vì ở trong hoàn cảnh đó, thần tượng đã làm được một việc có ích là giúp lớp trẻ có một cái nền cao ráo và vững chắc.

Sống thật với chính mình thì sẽ khác

SVVN: Trước đây, nhà thơ Lưu Quang Vũ than "Tôi chán cả bạn bè/ Mấy năm rồi họ chẳng nói

được câu gì mới". Gần đây, cả Văn Cẩm Hải và Phan Huyền Thu đều nói đến "Những giấc mơ của lưỡi". Nhà thơ Dương Tường thì nhận xét "Có nhiều người nghĩ khác, nhưng ít ai sống tận cùng với cái khác của mình"... Một trong những điều mà giới trẻ tự chán mình là họ đang càng ngày càng cũ, càng nhạt? Ông có cảm thấy điều đó?

LĐ: Tôi chống lại sự nhàm chán nhưng không có nghĩa là tôi sống khác với tôi. Hãy sống thật với chính anh thì anh sẽ khác với những người khác chứ không phải "chủ trương" để sống khác. Vì nếu khi anh sống khác anh tức là anh không thật với chính mình. Còn nếu khi anh tự chán mình, chán bạn bè mình là lúc anh đang khao khát để thay đổi, khao khát sự "vận động" của lưỡi.

SVVN: *Vậy ông "khuyến khích" điều gì trong cách sống của giới trẻ?*

LĐ: Tôi khuyến khích sự lao động cần cù và kiên trì của lớp trẻ, từ bỏ cách nghĩ cách làm việc "ngắn hạn", "ăn xổi" và bệnh "khoa trương", "ồn ào". Tập cho mình những tầm nhìn "dài hạn" và đi đến tận cùng cái "tư duy dài hạn" ấy. Trong cuộc sống, thư giãn hãy "bình thường tâm", đừng "phân thân" nhiều quá. "Khi đói ta ăn, khi mệt ta nghỉ" như lời dạy của một thiền sư, chứ đừng khi ăn lại nghĩ đến chuyện khác và khi nghỉ cũng nghĩ đến những chuyện khác.

SVVN: *Và trong tâm hồn, trong thơ ca? Là một nhà thơ không ngừng cách tân thơ Việt, cuối cùng ông nghiệm ra điều gì quý giá nhất ở thơ ca?*

LĐ: Thơ là mỹ học và đạo đức học. Cái đẹp trong câu thơ kêu gọi sự cao thượng. Và nên hiểu thơ ca cũng là một sự lao động ngôn ngữ đầy gian khổ chứ không chỉ là cảm xúc thẩm mỹ thuần túy (*Chữ bầu nên nhà thơ*). Nhà thơ, nhất là các nhà thơ trẻ hãy tập cho mình một cách sống gian khổ (chứ không phải cực khổ), một sự "li kỳ" trong tinh thần. Nhưng đáng buồn nhất cho những nhà thơ "li kỳ trong đời thật nhưng lại tẻ nhạt trong đời chữ"!

SVVN: *Sự "li kỳ" trong đời người, đời chữ của ông, nếu được nói bằng thơ..?*

LĐ: Thơ ca, cuối cùng với tôi vẫn là cảm xúc mỹ học và cái đẹp của sự cao thượng. Tôi thích những câu thơ giàu cảm xúc: *Vườn thức, một mùa hoa đi vắng/ Em ở đây mà em ở đâu? Hay Tim lạnh lạnh góc bờ đề mưa cũ/ Chim gõ mõ kiếp xưa, chưa rũ hết lụy tình...*

SVVN: *Điều cuối cùng, nhân dịp mùa xuân mới, mùa như các nhà thơ nói "uơm mầm, chồi xuân, lộc nồn...", nhà thơ có một lời chúc nào dành cho những người bạn trẻ?*

LĐ: Tết ở ta có một tục lệ cổ truyền rất hay là xông đất. Tôi chúc các bạn trẻ đầu năm mới hãy "xông đất" nhiều hơn, "xông đất" nhiều lĩnh vực mới hơn nữa...

Phụ lục



Lê Đạt
Xuân 17

Thí xình số báo xuân 17

Xuân một năm đi đâu
Chiều xình xuân xịch đến
Không kịp ai đón tàu

Hoa cửa tha thần đèn
Chả quen mà cũng hẹn
Ô muốn đèo bé đời
sau xe đạp xoan chơi
Phố thi thì con gái

Chiều qua còn khép nụ
Nào hay xuân chớm về
Sớm đã hoa bùng lửa
Thấp hồng lên má đê

Ngực no căng ngược gió
Thơm mãi mùi dậy thì

2003

Đối thoại

Một thế kỷ đã kết thúc - một thế kỷ mới bắt đầu - nhiều giá trị đã lỗi thời như một thứ tiền quá đắt vô dụng. Diện mạo nền văn hoá Việt Nam cập nhật giàu tính truyền thống và hiện đại là một chân dung đương hình thành. Do đó chúng ta cần hợp tác cùng nhau tìm - quá trình tiến hoá nhân loại xét đến cùng là một quá trình tìm. Quá trình này dựa trên một phương pháp rất nổi tiếng mà khoa học mệnh danh là phương pháp thử và sai (essai et erreur). Không phải vô tình mà các nhà tri thức học dùng thành ngữ thử và sai chứ không phải thử và đúng vì đã thử tất nhiên phải chấp nhận sai. Và văn minh là gì nếu không phải là một chuỗi thể nghiệm và sửa sai, hoàn chỉnh bất tận những giả thiết. Giờ đây một em bé lớp ba cũng biết rằng quả đất tròn và quay chung quanh mặt trời.

Nhưng để đi đến cái kết luận tưởng chừng hết sức sơ đẳng và hiển nhiên này nhiều thế hệ những bộ óc lớn của nhân loại đã tốn bao nhiêu thế kỷ thử và sai và đã không ít người bị thiêu trên đài lửa vì tội dị giáo. Tôi có cảm giác một số nhà lý luận phê bình của ta còn nhiễm virus sợ sai.

Họ thường ưu tiên một luận điểm được đa số chấp nhận nhưng vô bổ và bạc màu hơn một luận điểm có thể chưa hoàn chỉnh nhưng gợi mở nhiều ý mới nhiều tranh luận bổ ích. Chúng ta còn chưa chú ý thích đáng đến khái niệm khả sinh (fertilité) và vô sinh (stérilité) trong một đề xuất. Xin đừng ai bảo rằng tôi cổ vũ cho sự phiêu lưu. Tôi quá kính trọng sự vất vả của nhân dân để không chủ trương thí nghiệm vô trách nhiệm trên đầu họ. Nhưng để tránh khỏi nghèo nàn lạc hậu chúng ta nhất thiết phải tìm cách nhanh chóng đuổi kịp thế giới và đã tìm thì phải không sợ sai, thậm chí thất bại. Sự sai này, sự thất bại này là tích cực, vì nó giúp ta tiến lên. Theo tôi một đề xuất chưa đúng, thiếu sót (lẽ dĩ nhiên không thiếu sót thì tốt quá rồi) nhưng khả sinh thì nhiều còn đáng khích lệ hơn một đề xuất không sai nhưng vô sinh cần cỗi. Xây dựng một nền kinh tế phồn vinh, một nền công nghiệp hiện đại là một công việc khó khăn. Xây dựng một nền văn minh bằng vai các nước năm châu còn khó khăn gấp bội. Công việc khó khăn nhưng cấp bách và khả thi. Một nền kinh tế chậm phát triển không nhất thiết chỉ tạo ra một nền văn minh chậm tiến.

Mọi thái độ tự hào cũng như tự ti thái quá đều việť vị. Vì tất cả chúng ta cùng đi tìm nên cần khuyến khích một thái độ đối thoại nghiêm ngặt nhưng dung nhận. Thời kỳ quan liêu bao cấp là thời kỳ chủ yếu của độc thoại. Nó đã trở thành một căn bệnh mãn tính. Thời gian gần đây trong không khí cởi mở, ta đã thấy xuất hiện một phong cách đối thoại tương đối tốt. Nhưng rõ ràng chúng ta chưa thể tuyên bố đã hoàn tất chương trình thanh toán bệnh độc thoại. Nguy hơn nữa không ít người có thiện chí còn vô tình đối thoại với thói quen độc thoại. Độc thoại là đỉnh ninh rằng chỉ mình mới đúng, mới nắm được chân lý nên chủ tâm nhằm bắt bẻ, phủ nhận những ý kiến khác không lọt tai, buộc bên đối thoại phải phục tùng mình, ít chịu lắng nghe, phân tích cân nhắc vô tư những đề xuất bất đồng. Với người độc thoại, chân lý đã có sẵn và ở phía sau, thái độ của họ là một thái độ cửa quyền áp đặt đóng kín. Đối thoại là tin rằng chân lý đương hình thành, sẽ được hoành chính dần qua sự trao đổi bổ sung của dàn hợp xướng những ý kiến khác nhau.

Với người đối thoại, chân lý là sống động, phức hợp và ở phía trước. Thái độ của họ là một thái độ mở dung nhận và trung thực. Giữa trào lưu toàn cầu hoá đương diễn ra trên khắp thế giới, không một xã hội nào đóng cửa khép kín có thể tồn tại được. Không một sự đoàn kết, một sự hợp tác nào có thể bền vững nếu không được xây dựng trên một thực hành đối thoại thực sự, trên cơ sở một niềm tin vững chắc rằng mọi dị biệt đều có thể giải quyết hoà bình bằng đối thoại. Một nhà văn đã nói đùa: trong văn hoá, cũng như trong mọi giao tiếp, xã hội đối thoại bao giờ cũng ưu việt hơn là đối thụť. Cơ sở của sự hội nhập chính là đối thoại. Nó đã trở thành một thuần phong mỹ tục mới của một xã hội hiện đại, văn minh, tử tế. Đáng tiếc rằng không ít chúng ta còn chưa tiếp cận được thuần phong mỹ tục đó một cách thoả đáng. Nói thế không có nghĩa là xuê xoa "huề" cả làng. Đối thoại có thể rất gay go nhưng bao giờ cũng diễn ra trong một không khí cởi mở, hợp tác, lắng nghe, thực sự cầu thị. Nhiều nhà tri thức học cho rằng, một trong những bi kịch của con người là không đồng thời với thực tại, nghĩa là con người thường phán xét thực tại theo một cái nhìn đã cũ, đã lỗi thời, đánh giá cái đối khác theo thói quen, hay nói một cách chữ nghĩa hơn, theo quán tính.

Chúng ta đã ở thế kỷ XXI mà nhiều khi tư duy còn nấn ná ở cuối thế kỷ thứ XIX hay nửa đầu thế kỷ XX. Chúng ta chưa ra khỏi được quyết định luận cơ học và thuyết loại trừ ba của vật lý và logic cổ điển. Chúng ta còn quan niệm quá sơ sài về tính tương thuộc của nền văn minh nhân loại. Tư duy của chúng ta nặng về phân biệt, tách bạch hơn là dị hợp liên kết. Truyền thống và hiện đại không phải hai khái niệm riêng lẻ. Một nền văn hoá thuần tuý truyền thống là một nền văn hoá khăn xếp, áo dài, búi tóc, một nền văn hoá bảo tàng, một nền văn hoá chết. Một nền văn hoá thuần tuý hiện đại là một nền văn hoá chân không đến đất cật không đến trời, một nền văn hoá dỏm. Một nền văn hoá đích thực sống động bao giờ cũng được xây dựng trên cơ sở một cuộc đối thoại trường kỳ và khả sinh giữa truyền thống và hiện đại. Và việc giữ gìn truyền thống tốt nhất là tạo ra những truyền thống mới. Câu ca dao nổi tiếng: "Ta về ta tắm ao ta/ Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn" trong hoàn cảnh một nước Việt Nam mở cửa và đương hiện đại hoá nông thôn phải được coi là lỗi thời. Báu gì cái ao tù mà ngụp lặn trong đó cho nó mất vệ sinh.

Có một thời không ít người châu Á sùng bái văn hoá Tây phương thường có thói quen coi rẻ văn hoá phương Đông. Cũng chính những người đó giờ đây thấy phương Tây bắt đầu quay sang nghiên cứu văn hoá phương Đông lại lớn tiếng xuýt xoa ca ngợi văn hoá phương Đông một cách lố bịch, không hiểu rằng đó chính là thái độ sùng bái phương Tây một cách trá hình. Phương Tây và phương Đông không nền văn hoá nào ưu việt hơn nền văn hoá nào, đó là hai nền văn hoá khác nhau và bổ sung cho nhau của một nhân loại đã vượt qua được tuổi thơ ấu trĩ.

Thuyết bất định và nguyên lý bổ sung của khoa học hiện đại đã cung cấp cho nhân loại một khái niệm mới, khái niệm về cái khác. Nó nhấn mạnh đến tính chất phiến diện, hữu hạn của mọi lý thuyết so với thực tại hay nói như nhà bác học Prigogin "Bài học thật sự của nguyên lý bổ xung hiển nhiên là tính chất phong phú của thực tại nó vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ, mọi cấu trúc logic, mọi lý giải khái niệm". Nguyên lý bổ xung sửa sai thiên hướng "bài dị" "loại trừ" của tư duy cổ điển. Cũng chính Prigogin đã đề nghị một cuộc đối thoại lớn, một "liên minh mới" giữa tất cả các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học và văn học nghệ thuật để có một "cái nghe giàu tính thơ" đối với sự sống.

Nguồn: Tia Sáng số tháng 7.2003

Nghệ thơ

Trăng Ba Vì sao đôi chữ thiên di.
L. Đ.

Trong các bộ môn văn học nghệ thuật, thơ có lẽ là bộ môn chịu nhiều hiểu lầm hơn cả. Anh muốn vẽ ư? Anh phải đi học họa (dầu không phải học tại trường Mỹ thuật). Anh muốn làm nhạc ư? Tốt nhất mời anh thi vào Nhạc viện. Hình như chỉ có thơ là không cần phải học. Nhiều người nghĩ rằng thơ cũng như khả năng ngoại cảm hoàn toàn trời cho. Và tìm chữ cũng như tìm mỏ mã hài cốt!

Các nhà thơ cũng góp phần không nhỏ vào sự ngộ nhận này. Nào nhà thơ đêm nằm nghe thiên hứng từ một cõi thanh vắng đọc cho mình nghe như thánh ớp vào miệng một cô đồng phải ghi tấp lự, không đến sớm mai có thể rơi vãi mất hết! Nào nhà thơ cưỡi trên con ngựa bay của cảm

hứng mà các lý luận Trung Hoa dựa vào âm tiếng Anh của tự "inspira - tron" chuyển dịch một cách thần bí và sang trọng là "Yêu sĩ phi lý thuần", vân vân và vân vân.

Sinh thời Thơ Mới những năm 30, một nhà thơ đầu đàn viết:

*Hôm qua đi hái mấy vần thơ
Ở mãi vườn tiên gần Lạc Hồ.*

Chẳng ai biết Lạc Hồ ở đâu, nhưng lập tức đề ra một loạt các ông đầu bù tóc rối đi trong mưa tìm hứng thơ. Nhiều ông đi lạc xuống phố Khâm Thiên tìm thơ trong thú đi mây về gió với sự trợ giúp của nhựa cây anh túc cũng như thân xác của mấy nàng thơ "mỳ ăn liền".

Khói huyền lên khói huyền lên

...

*Lung linh vàng đội cung quỳnh
Nhịp nhàng biến hiện những mình tiên nga.*

Kết quả chẳng biết sinh ra bao nhiêu nhà thơ, chỉ biết khá nhiều người tiền mất tật mang và ngày càng lún sâu vào cái mà ngày nay ta gọi là tệ nạn xã hội.

Các nhà lý luận nói nhiều đến cách làm việc cần mẫn của người viết tiểu thuyết hơn của người làm thơ. Người ta ca ngợi việc Tolstoi viết đi viết lại nhiều lần bộ tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hòa bình*. Nhưng người ta lại trầm trồ việc Lý Bạch say túy lúy đặt bút không cần nghĩ, viết một mạch những câu thơ trác tuyệt bị thúc đẩy bởi một cuồng hứng. Điều đó khiến nhiều người hiểu lầm rằng thơ không cần lao động cực nhọc mà chỉ cần cảm hứng. Mà cảm hứng thì như người tính thất thường, nhõng nhẽo, thoát đến, thoát đi ai mà lường trước được.

Theo tôi thơ là một nghề. Đã là một nghề thì phải có kỷ luật lao động. Không nên thụ động thấp hương chờ mà phải chủ động gọi hứng đến. Công việc này đòi hỏi một kỷ luật nghiêm ngặt và gian khổ.

Các nhà thơ hãy tập thói quen hàng ngày ngồi vào bàn làm việc như một người lao động bình thường viết - cố viết. Không nghĩ ra cũng phải nghĩ cho ra, cũng phải viết - Đừng có nản - Viết một chữ một, câu bật chọt đến. Rồi chữa. Rồi phát triển. Rồi xóa sạch nếu cần. Nhưng nhất định phải viết - Dầu công cốc, dầu tốn giấy mực và thời gian.

Hãy đi đến tận cùng chán nản để vật ngã nó. Thật ra, nói không được gì chỉ là nhìn bề ngoài. Việc viết xóa, sửa chữa viết đi viết lại tưởng như là vô ích này là những yếu tố tích lũy và kích thích cảm hứng rất tốt.

Một số nhà thơ cho rằng những câu bắt đầu là của trời cho. Cũng có thể. Nhưng trời chỉ đầu tư mấy câu đầu như một thứ vốn "ưu đãi xóa đói giảm nghèo" còn việc ăn nên làm ra là việc của từng người không ai làm thay được.

Valery, nhà thơ, nhà lý luận thơ kiệt xuất người Pháp có một ý kiến đáng để ta suy nghĩ: " Một hai câu đầu có thể trời cho, phần còn lại là khổ sai chữ".

*

Thiên hạ không ngớt lời khen Tào Thực đi một bước làm một câu thơ. Đó là một lời khen không tốt. Nó dễ khiến người nhẹ dạ lầm lẫn thơ với một cuộc thi tốc độ. Thời Đường có bao nhiêu thần đồng xuất khẩu thành thi, đến nay tên còn lại bao nhiêu người? Tôi không thích những thần đồng Tôi yêu những người lao động có tri thức một nắng hai sương trên cánh đồng chữ bặt tâm những vụ mùa cao sản.

Phê bình thơ *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu, Thánh Thán có một nhận xét rất được: "Phàm cổ nhân mà có một lời, một hàng, một câu, một chữ đủ để biết một mình trong một thời, chiếm cứ cả ngàn năm thì ta phải tin rằng không có gì - không do ở đọc sách (hay học tập - L. Đ) dưỡng khí (hay rèn luyện - L. Đ) mà ra".

Thơ là chóp của Kim Tự Tháp văn hóa - Không có nền vững, chóp dễ sụp đổ như một lâu đài cát. Không có thơ hay ở trình độ cấp I. Làm thơ nhanh hay chậm, dễ dàng hay khó khăn chỉ là cách riêng của từng nhà thơ không phải biểu hiện của tài năng.

Người luyện võ đến mức siêu chỉ phẩy tay đủ phát trường phá núi - Cái phẩy tay đủ phát trường phá núi - Cái phẩy tay đó hàm chứa bạc đầu khổ luyện. Một cái múa bút của Lý Trích Tiên thật ra công lực như Hạng Vương cử đỉnh. Người ta chỉ nhìn thấy Tào Thực ung dung đi một bước làm một câu thơ, không nhìn thấy những đêm trắng "đọc thư Huyện thi" phu phen của họ Tào.

Maia có một cuốn sổ tay vật bất ly thân để tích lũy chất liệu thơ hàng ngày (một ý hay, một từ ngộ nghĩnh, một câu thơ chợt đến), ông coi nó như một kho hậu cần của sáng tạo. Đó là một kinh nghiệm hay.

Đỗ Phủ có một đòi hỏi hết sức nghiêm khắc đối với việc làm thơ - Nhà thơ khổ sai chữ này, di chúc đời sau "Viết một câu quý thần chưa khiếp kinh, chết không nhắm được mắt".

*

Nhiều cây bút trẻ than thở về cảnh ngộ cô đơn và khó khăn của nghề chữ. Theo tôi đó không phải là cảnh ngộ riêng đối với các nhà thơ trẻ mà là số phận chung của các nhà thơ thứ thiệt.

Một người chữ lầy lừng như Baudelaire mà suốt đời vẫn thấp thòm lo lắng: "Thượng đế! Cầu xin người phù hộ cho dăm ba câu thơ đủ sức chứng minh rằng Baudelaire không đến nỗi là kẻ mặt hạng thấp kém so với đám người mình khinh bỉ".

Lời cầu xin của tác giả *Ác hoa* không phải là một lời cầu xin đầu lười hay làm dáng - Một người làm thơ tự trọng luôn hoài nghi, luôn nơm nớp mình là kẻ ngoài lề vô dụng và cần phải cố công, cùng sức làm được một vài câu thơ đủ chứng minh (không phải cho đời mà cho chính bản thân) rằng mình không đến nỗi là một kẻ vét đĩa vứt đi.

Tôi kị những nhà thơ tự phong hay được sắc phong "thi sĩ suốt đời". Nhà thơ đích thực bao giờ cũng ghé bất trắc và buộc phải bảo vệ (không phải bệ vệ) thi phận của mình qua thử thách khắc nghiệt và vô tư của chữ.

Ai cũng biết Victor Hugo là một nhà thơ đồ sộ. Viết về nhà thơ này, Jean Cocteau, một nhà thơ nổi tiếng nhận xét: "Hugo, cái anh chàng rồ cứ ngỡ mình là Victor Hugo!". Như vậy là ông nhà thơ đồ sộ kia cũng từng đã không ít lần bị loại qua các cuộc bầu cử của chữ.

Làm thơ là một nghề hơi bị nguy hiểm. Tôi không nói đến cái nguy cơ bị ăn đòn bởi các nhà phê bình đao to búa lớn - Thời nào cũng có những kẻ đao búa. Cái nguy hiểm trầm trọng hơn là tình trạng mà Rilke gọi là niềm "cô đơn không tận" của nghiệp thơ. Các nhà văn xuôi cũng cô đơn, nhưng cô đơn khủng khiếp nhất hình như vẫn là các nhà thơ.

Không người làm thơ nào không trải qua những cơn tuyệt vọng muốn quẳng bút đi làm nghề khác cho nó khỏe - Nhưng thơ là một nghiệp, một tình yêu đăm đuối - Yêu cũng mạo hiểm lắm chứ! Nhưng có ai vì thế mà chưa yêu đâu.

Trong một phút xuất thần, Nguyễn Du khi nói về thân phận nàng Kiều đã cảm cảnh nói hộ bản thân ông và các nhà thơ:

*Ma đưa lối quỷ dẫn đường
Lại tìm những lối đoạn trường mà đi*

Ai buộc anh phải làm thơ, phải bước vào "con đường khổ ải" đó. Chẳng ai cả - Thân làm tội đời mà thôi!

Trong bức thư nổi tiếng gửi người làm thơ trẻ, Rilke nhắc đi nhắc lại rằng họ chỉ nên đeo đuổi nghiệp thơ, nếu từ chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn họ cảm thấy không viết không được.

Lẽ dĩ nhiên đứng về phương diện quản lý, Hội Nhà văn phải thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của các nhà thơ trẻ mà niềm nở ân cần đối với họ, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho họ có thể gặp gỡ trao đổi với nhau. Báo Thơ rất nên mở ra cho họ một sân chơi, thông thoáng và hiện đại. Và nên tránh những lời quở trách chung chung và nặng chùy như "lại căng" "quay lưng lại với cuộc sống" "thơ hũ nút, xa rời quần chúng" vân vân và vân vân. Họ còn mới bắt đầu mà đã chụp những cái mũ trọng tội thế. Phải thương yêu, giúp đỡ họ (tôi rất ghét từ nâng đỡ) chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm cụ thể với một thái độ khoan dung nhận chân thành vì họ chính là ngân hàng tương lai của chúng ta - Đừng nên quá, "chữ nghĩa nhiều khi có thể giết người".

Phải hiểu quy luật tiếp nối trong văn học. Thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước là phải tìm ra được tiếng nói riêng, nhiều khi rất khó nghe đối với lỗ tai của thế hệ trước. Trong cuộc đấu tranh giữa thơ "cũ" và thơ "mới" những năm 30, đã có "cụ" gay gắt lên án đòi chém Lưu Trọng Lư. Tiếp nối không phải rập khuôn làm theo mà làm khác thế hệ cha anh như thế hệ cha anh đã từng làm khác thế hệ trước. Tiếp nối truyền thống là trẻ hóa, phát triển nó tạo ra những truyền thống mới sống động và khác lạ. Đó là một lao động hết sức gian nan và vất vả đòi hỏi một đam mê mãnh liệt đến mức dửng dưng.

*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo
Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua*

Anh bạn trẻ! Anh đã trèo được mấy núi rồi?
Đam mê một người còn không xong, sức mấy mà đam mê chữ.

Nguồn: Văn nghệ, Phụ san Thơ số 5, tháng 11.2003

Cảng Cấm

Khoảng năm 1965 tôi về thăm vợ lưu diễn tại Hải Phòng. Vì không đăng ký kết hôn, tôi đã cẩn thận đem theo sổ hộ tịch. Tối thuê buồng, tiếp viên sau khi lên đồn công an trình sổ khách trọ đưa trả tôi chứng minh thư và nói: “Các anh trên đồn muốn gặp anh.”

Khi tới đồn, tiếp tôi là một công an viên đã đứng tuổi đeo lon trung úy. Anh nhìn tôi suốt từ đầu đến chân hồi lâu rồi tuyên bố:

“Anh là trí thức văn nghệ sĩ mà không hiểu pháp luật. Giấy chứng minh nhân dân của anh chỉ có giá trị trong phạm vi thành phố Hà Nội.”

Đêm ấy hai vợ chồng tôi phải ra ngoài ghé đá công viên. Thuý còn nhất định bắt tôi phải chọn chỗ đèn thật sáng sợ dân phòng nghĩ hai đứa làm chuyện khuất tất (!) bắt về đồn.

Hai vợ chồng ghé đá đêm sông
Cảng Cấm
còi tàu u ú
gió oà
Đất nước mẹ mình
hay mẹ ghẻ

Ác mộng

Mơ tôi một giấc mơ khiếp sợ
Đường phố
cả căn nhà tôi ở
Mặt sắt chữ vàng biển đỏ
“Không phận sự miễn vào”

Hậu Cửa hàng Lê Đạt

Bài trường ca “Cửa hàng Lê Đạt” được sáng tác năm 1958, thời điểm Hà Nội đương khẩn trương chuẩn bị cải tạo tư sản.

Bài trường ca đương án loát thì thợ nhà in Xuân Thu đình công ngừng máy, cho rằng bài thơ đi ngược lại quyền lợi của giai cấp công nhân. Và bản thảo cũng bị mất luôn.

Sau khi tác giả được phục hồi, tháng 3-1989, Bộ Nội vụ có nhã ý trả lại một bản đánh máy (mất một số trang).

Bài “Hậu cửa hàng Lê Đạt” được viết vào thời gian này.

Ông Lành là một trong nhiều biệt danh của nhà thơ Tố Hữu, người phụ trách cơ quan tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu phố Lãn Ông
có cửa hàng tạp vật
Đăng ký số 4210
đứng tên Lê Đạt
Nhớ xưa ba mươi năm
Cửa hàng quan niệm phong
Bút độc quân ông Lành tẩy ứ
Tuổi sạch phục hồi
bán giấy vệ sinh.

(3.1989-5.2006)

© 2006 talawas

^[1]Vợ tác giả là diễn viên Kịch nói ở nhà tập thể đoàn Kịch phố Nguyễn Bình Khiêm

^[2]Thái Hà áp: nơi tổ chức cuộc đấu tranh chống *Nhân Văn Giai Phẩm*